



CHÁNH PHÁP

PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

HOẢNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

SỐ 24 - THÁNG 4.2011

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ĐẾN-ĐI TỰ TẠI, trang 1
- HẠNH PHÚC (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 2
- ÁO HÓA (thơ Nhật Trí), trang 2
- HÃY TỎ RA MÌNH LÀ PHẬT TỬ (HT. Thích Trí Quang), trang 3
- TIÊN ÔN (thơ TN Giới Hương), trang 3
- QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC, tiếp theo (HT. Thích Thắng Hoan), trang 4
- BÓNG NHẠN QUA TRỜI (HT. Thích Thắng Hoan), trang 5
- CẢM NIỆM HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ CHƠN (thơ Điều ngự tử Tán Nghĩa), trang 5
- PHẬT GIÁO VÀ NGƯỜI HY LẠP - tt (Đào Viên), trang 6
- KÝ THÁC, ĐIỀU ÂM, GIỤC CHÀO (Thị Giới dịch), trang 8
- TRIẾT GIA PHẠM CÔNG THIÊN – RA ĐI GIỮA CUỘC VÔ THƯỜNG (Nguyễn Siêu), trang 9
- RA ĐI BÌNH AN THẦY NHÉ (Thích Giác Hạnh), trang 10
- ÂN THẦY (thơ Hàn Long Ẩn), tr. 10
- ĐÓT HƯƠNG KÍNH TIÊN THẦY PHẠM CÔNG THIÊN (H.K. Quang), 11
- TRÊN ĐÌNH TỊCH LẠNG (thơ Vĩnh Hào), trang 11
- THIÊN VỊ ĐÀU NON (Ngọc Bảo trích dịch), trang 12
- HT. THÍCH TRÍ CHƠN – CON ĐƯỜNG HOẢNG PHÁP VÀ VĂN HÓA (Nguyễn Siêu), tr. 13
- CẢM NIỆM AN SƯ (T. Đồng Trí), tr. 14
- TỰ BIỆT MỘT NHÀ THƠ (Trần Khải), trang 15
- HÌNH ẢNH LỄ TƯỜNG NIỆM GS. PHẠM CÔNG THIÊN, trang 15
- HÌNH ẢNH TANG LỄ CỐ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ CHƠN (photos: Hải Triều Âm), tr. 16 & 17
- NHỮNG CON CHỮ TRONG BÀI THƠ, DƯỚI TÁN LÁ, BÓNG SỢ (thơ Nguyễn thị Khánh Minh), tr. 19
- BIẾT ĐỦ THÌ AN LÀNH, CẦU CẠNH SANH KHỔ LỤY (Tịnh Minh soạn dịch), trang 19
- LÝ NHÂN QUẢ (GDPTVN tại Hoa Kỳ), trang 20
- MẬT ƯỚC (thơ Vũ Tiến Lập), tr. 20
- TỈNH THỨC (thơ Tường Vân), trang 21
- “BÀI VĂN PHÓNG SANH” (Cư sĩ Liên Hoa), trang 21
- TIÊU NI VỚI VÔ CÔNG PHI THƯỜNG CỦA KATHMANDU (Trần Linh Thứu dịch), trang 22
- BỎ TẮT ĐANG SỐNG GIỮA CHÚNG TA (Quang Huệ Thiện), trang 23
- TA CÒN CHO (thơ Mai Phước Lộc), trang 23
- TIÊU SỬ VÀ CÔNG HẠNH CÓ ĐLHT THÍCH TRÍ CHƠN, trang 24
- VÔ ĐỀ (thơ Huyền Vũ), trang 24
- TIÊU SỬ CỐ GS. NGUYỄN TÁNH PHẠM CÔNG THIÊN, trang 25
- TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 27

ĐẾN-ĐI TỰ TẠI ĐIỀU VĂN TƯỜNG NIỆM CỐ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ CHƠN

Kính lễ Giác linh Hòa thượng,
Chúng tôi từng nghe, ở những thời kỳ Phật Pháp điều tàn, hàng bồ-tát thay nhau xuất hiện để duy trì đạo vàng của Như Lai. Có khi như vàng dương chói sáng, có khi như sao rừng lặng lẽ trong đêm: độ những chúng sanh đáng độ, làm những việc đáng làm, mà lòng vẫn tịch tịnh như hư không. Ấy là bởi nơi thế gian huyền mộng, chẳng việc gì mà không mộng huyền phù hư. Đã nhiều lần, Hòa thượng dẫn kinh Viên Giác, “*Khởi phát trí tuệ như huyền để giải trừ các pháp như huyền, làm các hạnh như huyền để cứu độ chúng sanh như huyền.*”

Con đường như thế, hành trạng như thế, Hòa thượng đã kinh qua một cách cao đẹp, tuyệt vời. Dù với hạnh xả ly vô chấp, Hòa thượng không muốn nhớ, chúng tôi cũng không thể nào quên.

Cát ái ly gia từ thiếu thời, một lòng học đạo hành trì để tỏ ngộ lý tánh nguồn chân. Tâm hồn chân chất, giới hạnh nghiêm minh, nhờ vậy mà được bốn sư ban truyền đạo hiệu **Tâm Chánh, Trí Chơn**.

Bao nhiêu năm theo thầy học đạo, chỉ biết trau dồi giới đức, lấy kinh điển làm thầy dẫn đường, xem sách vở như bạn đồng chúng đồng liêu. Nào Hán học, Tây học, chăm chỉ miệt mài quên ngày quên tháng. Đồng chơn nhập đạo, giới hạnh đủ đầy như thế, mà thọ Sa-di thập giới ở tuổi 23, tiếp nhận Tỳ-kheo đại giới ở tuổi 32! Nào phải không có cơ hội tấn đàn trong Phật trường tuyền sinh, mà chỉ vì tâm hiếu học và bản chất khắc kỷ khiêm cung.

Sa-di ấy, 24 tuổi đã làm hiệu trưởng trung học, 27 tuổi đã làm giáo sư Phật Pháp và Văn chương. Xông xáo, dẫn thân: tham gia hoằng pháp giáo dục, đóng góp văn học báo chí. Tập san Liên Hoa miền Trung và tạp chí Từ Quang miền Nam, báo nào cũng tích cực làm biên tập viên; Trung học Bồ Đề, Tỉnh hội Thừa Thiên các đạo tràng, nơi nào cần là có mặt làm giáo sư, giảng sư.

Làm bao nhiêu là việc, góp bao nhiêu là sức, vậy mà đến 32 tuổi mới thừa lệnh bốn sư đăng đàn thọ Cụ-túc giới. Từ đó, giốc lòng đi vào con đường chuyên khảo: nghiên cứu Phật giáo nơi đất Thái, rời nước du học ở Ấn Độ. Ròng rã bao năm kinh sử, văn bằng các thứ trên tay: Cử nhân, Tiến sĩ, Thạc sĩ. Pali cổ ngữ thông thạo, Anh văn sinh ngữ tinh chuyên; lại chuyên cứu Văn học sử Pali và Khảo cổ Phật giáo, những mong đem sở học để đổi chiếu và triển khai nền văn học Phật giáo nơi quê nhà.

Nào ngờ đất nước đổi thay, quê hương mờ mịt đường về. Từ đó, làm thân khách lữ ly hương, nơi xứ lạ xiển dương giáo lý Phật-đà, thừa tiếp sứ mệnh hoằng hóa của lịch đại Tổ sư.

Nhờ kinh nghiệm giảng dạy và chuyên khảo nền văn hóa Phật giáo của nhiều nước, Hòa thượng đã nhìn xa thấy rộng, tại xứ Cờ Hoa, một lòng dẫn thân trên đường dài văn hóa giáo dục: đảm nhận giảng sư Giáo Hội Liên Hữu, chủ bút nguyệt báo Long Hoa; xuất bản hàng chục tác phẩm, dịch thuật hàng trăm bài viết, biên tập cho báo chí khắp nơi.

Lại nghĩ với nhân duyên hành đạo nơi xứ người, nếu không xây dựng cơ sở thì lấy đâu làm nơi phát triển đạo vàng, và làm chỗ dựa tinh thần cho đỡ chúng nơi nơi; do vậy mà suốt bao năm tận tụy kiến lập đạo tràng, khích lệ thành lập các hội học Phật: khai sơn Vạn Hạnh thiền tự và Chùa Linh Mục Hải Ngoại, lãnh đạo tinh thần và làm chứng minh đạo sư cho mấy chục hội Phật giáo, tự viện và Niệm Phật đường trên nhiều tiểu bang.

Lặng lẽ một bóng, thân hành đến từng đạo tràng nơi những dặm xa. Từng tuyến xe đêm, từng chuyến bay dài, âm thầm sáng tác dịch thuật. Từng trang giấy, từng dòng mực, trải đầy tâm nguyện lợi sanh.

Trên ba mươi năm hành đạo tại hải ngoại, từ những chức vụ được thỉnh cử, cho đến những trọng trách mà Tăng đoàn và Giáo hội giao phó, chẳng việc khó khăn nào mà không đảm nhận, nhưng chức danh địa vị thì một mực chối từ lãng xa. Có chăng những chức vụ mà Hòa thượng nhận lãnh, thì tất cả đều vì sự hưng long của Chánh Pháp.

Vô chấp như thế, khiêm cung như thế, đường đời nẻo đạo mấy ai làm nổi!

Nhìn lại một đời hoằng hóa của Hòa thượng, chúng tôi nghiêng mình cảm kích công hạnh của một hành giả vô trú, khứ lai tự tại giữa những hưng-suy của vận nước và thế đạo nhân tâm. Vì thế gian thông khổ mà thực hiện mọi hạnh lành; vì Phật Pháp trường tồn mà vượt khỏi những chấp tranh tầm thường của huyền lợi hư danh mà ai kia mê vọng chìm đắm.

Bình thân trước thị-phi, im lặng khi bị phi báng: Hòa thượng đã nêu gương sáng của lòng khiêm nhẫn.

Lặng lặng chịu đựng đối với kẻ hủy nhục tăng-đoàn; tha thứ bao dung đối với người vọng tâm xúc xiêm: đây là thánh hạnh của bậc xuất thế trượng phu.

Sống đời bình dị một bát ba y, mà gánh cả sức nặng hưng long Chánh Pháp; làm thân du tăng không trụ xứ,



mà kiến lập đạo tràng mọi nơi.

Thấm thoát bóng thời gian, rơi nghiêng chiều xế tàn. *Thân huyền nhà mộng* có chi bền chắc! Cuối đời thu mình bên án sách chõng kinh, cặm cụi trước tác dịch thuật, trải sức tàn cho nền Phật giáo tương lai.

Ồi bao la, cao khiết, con đường người đi: sáng ngời hạnh nguyện của kẻ xuất trần thượng sĩ.

Giờ này đại chúng vân tập trước kim quan Hòa thượng, đạo tình chan chứa bao năm, tưởng chừng như sông như biển thu về trong ngắn lệ tiếc thương. Hương trầm quyện tỏa làm cay mắt, hay nỗi đau chực tràn cho lần cuối tiễn đưa? Dẫu biết thế gian huyền mộng, dẫu biết người xuất gia không bi lụy nơi duyên hợp duyên tan, nhưng tình pháp lữ đồng môn thâm thiết, đã cùng cát ái ly gia, đã cùng cất cao đại nguyện của những kẻ xuất trần, nay đến hồi chia biệt, làm sao ngăn được niềm kính tiếc, thương tâm! Lặng lòng, nén nỗi quận đau, kính vọng giác linh Hòa thượng, xin một lần bằng tâm cảm của những bạn đạo thân tình, khắp điều bằng những vần thơ tiễn biệt này:

*Bảy mươi chín năm nơi cõi trần
Giốc lòng học đạo, trừ tham sân
Tâm Chánh thực thi muôn hạnh chánh
Trí Chơn khai thị một nẻo chơn
Tài hoa nghiên-bút thơm văn giới
Đạo hạnh nhẫn-tử tỏa thiên môn
Sống-chết, đến-di hằng tự tại
Bước sen tịch lặng điểm chơn thường.*

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tông Tứ thập tam thế, Linh Mục Hải Ngoại đường thượng, Việt Nam Phật Giáo Thống Nhất Giáo Hội Hoa Kỳ, Hội Đồng Điều Hành Chủ Tịch, huy thượng **Tâm** hạ **Chánh**, hiệu **Trí Chơn** Đại Lão Hòa Thượng Liên Tòa Chứng Giám.

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK
phụng điệu

**SỐ ĐẶC BIỆT: TƯỜNG NIỆM
HT. THÍCH TRÍ CHƠN & GS. PHẠM CÔNG THIÊN**

Số **24**
4.2011

HẠNH PHÚC

Nguyên tác: **Đại Đức M. SUMANA** (Tân gia Ba)

Chuyển ngữ: **H.T. Thích Trí Chơn**

Phật giáo là một phương pháp sống hơn là tôn giáo. Giáo lý của đức Phật không chỉ nhằm đến vấn đề giải thoát cho con người ở đời sau mà còn nghĩ đến sự thăng hoa (nâng cao) cuộc sống của họ trong hiện tại cũng như tương lai. Có nhiều kinh điển Phật dạy cho hàng cư sĩ tại gia để họ sống được an vui hạnh phúc. Chẳng hạn như kinh Maha Mangala, Sigalovada và Vasala v.v.. là những bộ kinh mà những ai muốn tạo nên trong hiện tại một đời sống an lành, thảnh thơi phải thực hành theo.

Hạnh phúc là một trạng thái của tâm thức. Những người tầm thường đều tìm hạnh phúc của họ ở cảnh vật ngoại giới như sự giàu sang, địa vị, vợ con, nhưng đây là những điều không chắc thật, thường còn. Mỗi khi một trong những thứ kể trên mất đi thì hạnh phúc của họ cũng tiêu tan, và họ không tránh khỏi điều phiền muộn. Thế giới này chỉ toàn đầy sự đau khổ, vì mọi việc không bao giờ hiện bày theo ý chúng ta mong muốn. Do đó, chúng ta cần phải tự rèn luyện tu sửa để bình tĩnh đương đầu với mọi hoàn cảnh. Đức Phật chia loài người làm bốn hạng:

Hạng không thương nghĩ đến mình cũng như những kẻ khác.

Hạng chỉ biết lo nghĩ đến mình chứ không nghĩ đến kẻ khác,

Hạng chỉ thương nghĩ đến kẻ khác chứ không nghĩ đến mình,

Hạng vừa lo nghĩ đến mình vừa nghĩ đến kẻ khác.

Và đức Phật đã tán thán hạng người sau cùng này.

Mục đích của cuộc sống con người gồm hai bốn phận: bốn phận đối với bản thân và bốn phận đối với kẻ khác. Trong hai bốn phận này, bốn phận đối với chính mình là cần trước nhất. Trước hết người ta phải xây dựng chân chính bản thân mình rồi sau mới nghĩ đến việc xây dựng cho người khác. Và đây là phương pháp mà Phật đã dạy.

Chúng ta hãy luôn luôn nhớ rằng mọi lời dạy đạo đức được xây dựng trên những giáo lý siêu việt là những vật sở hữu cao quý nhất của con người để mang lại cho nó hạnh phúc chân thật. Chúng ta không thể có được hạnh phúc dài lâu trong một thế giới luôn thay đổi. Cứ nhìn quanh thế giới bên ngoài, người ta sẽ nhận thấy ngay lẽ thật này. Có gia đình nào, mà không phải gặp phải điều than tiếc cho sự mất của một người bà con hay một người bạn thân mến? Có ai thoát ly được cảnh già, đau và chết?. Mọi sự vật mà chúng ta nương vào đó để chúng ta có được hạnh phúc, sớm, chầy cũng sẽ bị bàn tay độc ác của con quỷ vô thường cấu xé để phá hoại tất cả những điều hạnh phúc mà từ lâu chúng ta đã bám chặt vào chúng.

Đức Phật đã truyền lại cho chúng ta một bức thông điệp đầy ý nghĩa và

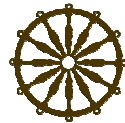


cao quý. Ngài nhấn mạnh điều cần bản mà con người cần ghi nhớ là "sự quan trọng của vấn đề phát triển đạo đức". Trình độ sơ đẳng đầu tiên của sự phát triển đạo đức này bao gồm trong sự thọ trì năm giới cấm Phật dạy. Sự thực hành này rất cần thiết. Như nền đất cần được dọn sạch trước khi muốn xây cất những vật liệu mới. Tánh xấu cũng diệt trừ trước khi muốn tánh tốt có thể thực hiện. Sự cải đổi năm tánh xấu này sẽ hướng dẫn con người trở thành nhân vật đạo đức và do đó, họ sẽ trở nên một công dân toàn hảo trong xã hội.

Người đã hành trì những giới cấm Phật dạy, sẽ không bao giờ tạo ra điều sợ hãi cho bất cứ kẻ nào. Họ là nguồn an lạc của xã hội. Nhờ khắc phục năm tánh xấu và hành động theo ngũ giới, con người có thể thực hiện hạnh Từ Bi (Metta), nghĩa là làm lợi tha cho tất cả. Chúng ta hiện đang chung sống với nhiều kẻ khác, nếu chúng ta có tâm niệm ghét hại họ, thì ngược lại họ cũng sẽ hại ghét chúng ta. Người nào đã gây hại cho kẻ khác, không bao giờ trở thành một nhân vật đạo đức. Tinh thần họ sẽ luôn bất an và không khi nào họ có được hạnh phúc, cho nên lòng từ bi là phương tiện giúp con người đạt đến an lành và hạnh phúc. Nó mang lại cho con người sự thanh tịnh tự tại và an lạc. Phương pháp duy nhất khiến kẻ khác chấm dứt hành động xấu muốn gây hại chúng ta là chúng ta phải hành động tốt với họ. Như ánh sáng quét sạch bóng tối, sức mạnh của thiện tâm sẽ tận diệt được năng lực của ác tâm. Đây là một sự thật tâm lý.

Mỗi cá nhân sống trong xã hội gồm có hai trách nhiệm: nhiệm vụ đối với tha nhân và hành động lợi ích cho họ. Không người nào có thể thoát hẳn liền được thế giới triền phược này vì không ai có thể nhảy vọt một bước để đến ngay cảnh giới Niết Bàn. Mọi nỗ lực tu hành của chúng ta phải tiến từ từ. Vấn đề căn bản là phải học hiểu và thực hành giáo lý đức Phật cùng tinh tấn tu sửa để cải thiện cho cuộc sống hiện tại ngày càng tốt đẹp hơn, ngày càng hạnh phúc hơn.

Trích dịch tạp chí "Voice Of Buddhism" (Tiếng nói Phật giáo)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

Phật Lịch 2553

Số 001/HĐĐH/TT/PCTNV

THÔNG TƯ

Tuần Lễ Cầu An Chư Tôn Đức:
HT Thích Hạnh Đạo, HT Thích Nguyên Lai, Hội Đồng Chứng Minh,
HT Thích Trí Chơn, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và quý Cư sĩ thành viên các Hội Đồng, các Tổng Vụ thuộc GHPGVNTNKH,

Trong thời gian gần đây, chư vị Đại Lão Hòa Thượng lãnh đạo Giáo Hội đã lâm trọng bệnh vì tuổi già sức yếu. Do đó, quý Ngài đã được đưa vào nhà thương để Bác sĩ dễ dàng theo dõi, chăm sóc sức khỏe của quý Ngài ngõ hầu sớm bình phục.

Để biểu tỏ lòng quý kính và ý thức trọng trách Giáo Hội đã giao phó được hoàn thành trên tinh thần thượng cầu hạ hóa, lợi lạc quần sanh, chúng tôi kính gửi Thông Tư này đến các cấp Giáo Hội, tùy theo hoàn cảnh sở tại, thiết lập tuần lễ Cầu An cho tam vị Hòa Thượng: Thích Hạnh Đạo (HĐCM), Thích Nguyên Lai (HĐCM), Thích Trí Chơn (HĐĐH).

Nương nhờ Hồng Ân chư Phật gia hộ và sự nhất tâm cầu nguyện của các cấp GH mà chư vị Đại Lão Hòa Thượng sớm được pháp thể khinh an, vô lượng cát tường.

Thành tâm kính cảm ơn và kính chúc chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni các cấp Giáo Hội Phật sự hanh thông, thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Santa Ana, ngày 09 tháng 03 năm 2011

Phó Chủ tịch Nội Vụ,

Tỳ Kheo Thích Tín Nghĩa

(Ấn ký)

Nơi nhận:

- Chư tôn túc trưởng lão Hòa Thượng Chứng Minh để "kính thăm tường,"
- Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNKH để "kính tường,"
- Chư tôn đức Tăng, Ni và quý Cư sĩ thành viên các Hội Đồng, các Tổng Vụ để "tri hành,"
- Hồ sơ lưu.

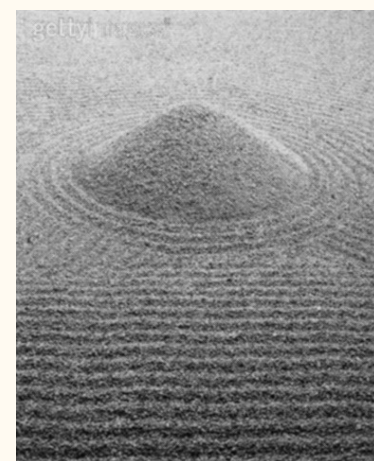
Ảo hóa

*Người đi vượt sóng, tưởng ảo hóa
Giữa trò sinh tử lại nở hoa
Bảo sở đi, về hay sẽ đến?
Muôn trùng cõi khác cũng đi qua.*

*Một ngày ở lại luôn vun xới
Dù biết người đi đã đến nơi
Riêng ta một cõi trời hoang vắng
Đã sinh phải nặng với cuộc đời.*

Kính tiễn Giác linh Hòa Thượng Thích Trí Chơn
California Mar 19, 2011

NHẬT TRÍ



HÃY TỎ RA MÌNH LÀ PHẬT TỬ

Trí Quang

Đây là những lời tha thiết chúng tôi muốn được đến tận tai, vào tận lòng toàn thể các vị Phật tử tại gia. Chúng tôi mong được tiếng vang dội của quý vị đáp lại lòng chân thành của nó.

Trước hết, chúng tôi xin quý vị hãy thẳng thắn tỏ ra mình là Phật tử trong bất cứ trường hợp nào.

Chúng tôi cũng biết rằng tiếp xúc với người mà tỏ ra mình là Phật tử, thì có lắm khi thế là một bức màn đã hạ xuống giữa mình với họ. Nhưng tỏ ra một cách ngoan cố, hơn nữa, một cách kiêu căng, mới thành bức màn ngăn cách. Chúng ta chỉ tránh sự ngoan cố và sự kiêu căng ấy là đủ. Còn trong mọi trường hợp, bất cứ tiếp xúc với ai, ta phải thành thật tỏ ra **"mình là người Phật tử"**. Điều ấy cần lắm. Vì chúng ta phải như thế để tỏ sự trung thành của mình đối với Đạo pháp, để tỏ sự hợp lý của đạo pháp mình tín ngưỡng, hơn nữa, để dắt dẫn người vào đạo pháp.

Chúng tôi thấy có người nghĩ rằng mình không phải là Phật tử xứng đáng nên không dám, không muốn tỏ ra "mình là Phật tử" trước mặt mọi người. Nhưng các vị có biết cho rằng chính thế, chính điều "không muốn tỏ ra mình là Phật tử" là không xứng đáng một người Phật tử rồi không? Huống chi Phật pháp vô thượng và vô cùng, được làm con Phật là hơn người lắm rồi, còn thật hành cho xứng đáng được bao nhiêu thì được. Ngay cái việc "tỏ ra mình là Phật tử" là một sự thực hành xứng đáng, một Phật tử khá xứng đáng rồi đó.

Có lắm người nghĩ "tự xưng hay tỏ ra mình là Phật tử" thì sợ bị người công kích. Nhưng người công kích ấy nếu là người ngoài, đối lập với tín ngưỡng chúng ta, thì họ càng công kích càng tỏ cái phải của đạo pháp ta tín ngưỡng. Ta hãy liên tưởng sự khinh chê của con chim sâu đối với con đại bàng. Còn người công kích ta nếu là người ngoài mà công kích một cách vũ phu, công kích vì những sự xích mích hay những lý do khác, thì thế là họ đã phạm đến tín ngưỡng của người: họ là người không lịch sự, nhân cách họ không xứng đáng, ta để ý làm chi. Còn nếu là Phật tử mà công kích nhau như thế thì thật là một tội lỗi lớn. Sao ta lại công kích sự "tự xưng", sự "tỏ ra" là Phật tử?

Dẫu người Phật tử khác không xứng đáng đến đâu, sự "tự xưng hoặc tỏ ra mình là Phật tử" vẫn là sự thực hành cần thiết, thành thật và đáng kính. Nay ta công kích việc ấy là ta công kích sự tu hành (đó là sự tu hành rồi vậy), sự cần thiết, sự thành thật, sự đáng kính và như vậy là công kích đức Phật, là tự công kích mình. Tội lỗi không thể dung được. Chúng ta đừng vì tập quán "chỉ trích người, công kích người" mà phạm vào tội lỗi ấy.

Có những vị nghĩ rằng tự xưng hoặc tỏ ra "mình là Phật tử" thì ngại cho nghề nghiệp bất chánh của mình, thiệt thòi cho sự cạnh tranh quá đáng

của mình, có lắm khi lại làm một sự mỉa mai cho cử chỉ và lời tiếng "không nhận thua" của mình. Nhưng nếu thế thì sự "tự xưng là Phật tử", sự "tỏ ra mình là Phật tử" quả là một điều vô thượng, một sự cần thiết vô cùng rồi. Sao ta không thực hành một việc gián dị mà lợi ích ấy?

Hiện nay có những người tự xưng là Phật tử mà mê tín, quấy quá. Những người này càng tự xưng là Phật tử lại càng làm cho người hiểu lầm đạo Phật. Phần đông người ta hiểu một đạo bằng cách theo thói quen nhìn vào người tự xưng là tín đồ đạo ấy. Cho nên những người mê tín, quấy quá, đã làm cho phần đông hiểu lầm đạo pháp vì sự tự xưng là Phật tử của họ. Thế rồi có các người Phật tử khác muốn đừng lẫn lộn với những người ấy, nên không muốn tỏ ra "mình là Phật tử" mà có khi lại công kích những người ấy nữa. Ấy là một cử chỉ không đúng tí nào. Những người tự xưng là Phật tử mà làm cho người hiểu lầm đạo Phật của ta, thì giờ chính chúng ta phải tự xưng, phải tỏ ra "mình là Phật tử" để cải chính lại.

Muốn người ta không hiểu lầm Phật pháp, những người Phật tử phải tự tỏ rõ mình ra. Huống chi so với những người kia, ta còn kém nhiều: họ thành thật và can đảm hơn một cách rõ rệt. Nói rằng họ tự xưng như thế làm cho đạo pháp bị hiểu lầm, bị ẩn khuất, thì ta cũng chẳng khác gì; ta làm cho đạo pháp bị hiểu lầm, bị ẩn khuất vì sự làm thinh, sự che giấu, sự kém thành thật, sự kém can đảm của mình. Lắm khi cử chỉ làm thinh, không tỏ ra "mình là Phật tử" trước mọi người còn tai hại hơn: mọi người sẽ nghĩ rằng đạo Phật có hay gì vì chính những người tín đồ cũng không muốn tỏ ra mình là Phật tử. Hai biết ngần nào?

Riêng đối với các vị Phật tử mê tín và quấy quá, ta phải tìm cách chuyển họ, chứ không được công kích. Là Phật tử mà ta công kích họ thì môi hở răng lạnh, ta công kích họ là ta gián tiếp tự công kích mình, tự gạt bỏ người đồng tín ngưỡng của mình. Họ quấy quá còn hơn những người ngoài đạo. Họ quấy quá nhưng đối với Tam bảo, mỉa mai thay, lắm khi còn trung thành và duy nhất hơn. Và, xin quý vị nhớ, công kích chỉ trích không thể sửa đổi người mà chỉ gạt người ra khỏi đạo pháp. Huống chi họ không phải là người đáng công kích. Nếu các vị chân chánh mà so sánh với họ thì hoàn cảnh chẳng khác gì những người thành phố sánh với người nhà quê: nhà quê không học thức nhưng tiền và sức của họ xây dựng lên thành phố, người thành phố hưởng của họ lại kiêu hãnh với họ một cách lỗ bịch.

Chúng ta cũng vậy: xây dựng và duy trì đạo pháp là lực lượng chung mà ta là người phước duyên được hưởng đạo pháp khá, thế thì ta phải cảm ơn người kém hơn ta mới phải, sao lại công kích? Cho nên việc ta làm là phải khuyến dẫn họ, một trong những khuyến dẫn ấy là làm sao cho họ "tỏ ra mình là Phật tử" trước mọi người và trong mọi trường hợp. Và cách khuyến

dẫn hay nhất là chính ta phải làm như thế trước.

Có những người không "tỏ ra mình là Phật tử" đến nỗi không tụng kinh, ăn chay một cách bộc lộ công nhiên. Có khi họ đến đạo Phật với một thái độ tán thành, thiện cảm. Rồi dừng lại ở đó. Họ không muốn "tỏ ra mình là Phật tử" để cá nhân được rộng rãi hơn: đến với ai cũng được mà không có một tín ngưỡng, một lý tưởng dứt khoát. Điều ấy là điều mà chúng ta, nhất là người trí thức, rất không nên làm, bởi như thế là chúng ta không thành thật với chính mình, thái độ là muốn bắt cá nhiều tay.

Lại có những người Phật tử vin vào giáo lý không phân biệt nên lắm khi không những không "tỏ ra mình là Phật tử" trước những người đối lập với tín ngưỡng mình mà còn nói theo họ, làm với họ nữa. Nhưng tinh thần rộng lớn vô phân biệt là thấy ai khổ cũng cứu, mà cứu bằng cách dùng mọi phương tiện đem Phật pháp đến cho họ. Nói khác đi, là làm sao cho họ cũng thành Phật tử. Trong những trường hợp hợp tác với người đối lập Phật pháp, chúng ta phải xét có thể đi đến mục đích trên, hoặc ít ra có lợi cho Phật pháp, mới được làm.

Còn khi ta là Phật tử mà hợp tác với người đối lập tín ngưỡng mình không vì chuyển hóa họ, không vì lợi ích đạo pháp, mà vì bất cứ một lý do nào, dù là lý do của cá nhân mình đi nữa, cũng hại cả. Cái hại thứ nhất là phạm giới tam quy: không theo thiên thần quý vật (*ai chủ trương không có Phật pháp cũng là quý vật cả*), không theo ngoại đạo tà giáo (*thỏa mãn cách gì cho loài người mà không làm cho người tín ngưỡng Phật pháp cũng là tà giáo*) và không theo tôn hữu ác đảng (*ai chủ trương công kích Phật pháp cũng là tôn hữu ác đảng cả*). Cái hại thứ hai là làm theo, nói theo những người đối lập tín ngưỡng Phật pháp tức là mình tự khinh thị và làm cho họ khinh thị tín ngưỡng của mình.

Người tự trọng không bao giờ chịu nhục khi tín ngưỡng của mình bị khinh

thị. Huống chi mình tự khinh thị tín ngưỡng của mình. Có người nghĩ rằng mình làm với người như thế, người sẽ khen mình quảng đại, không cố chấp, hẹp hòi, mình dừng cảm trước điều đâu không hợp với Phật pháp. Nhưng khen thế tức là chê đấy: người ta chê sự tín ngưỡng hơi hẹp của mình, người ta thấy mình dễ lung lạc, tai hại hơn nữa, người ta sẽ thấy mình có thể làm trái tín ngưỡng của mình, làm trái quyền lợi của đạo mình, tức là tín ngưỡng của mình và đạo của mình không đáng gì. Nhưng quả có phải không đáng gì hay không? Chỉ mình không "tỏ ra mình là Phật tử" thì mới không đáng gì mà thôi.

Tôi từng thấy một đạo hữu hòa nhã đưa tượng Phật đeo nơi ngực ra cho một người đối lập với tín ngưỡng mình:

- Xin lỗi ngài, tôi đã là một Phật tử.

Thế là người kia tỏ ra cử chỉ hiểu biết ngay. Một thanh niên Phật tử khác từ chối hiền hòa một sự nài ép:

- Tôi là Phật tử, hoạt động không hề những điều lợi người của đạo Phật rồi.

Một người khác không cúng tiền cho một tổ chức từ thiện ngoài tổ chức của đạo Phật:

- Xin lỗi ngài, chúng tôi đang làm từ thiện trong phạm vi Phật giáo của chúng tôi; chúng tôi là Phật tử.

Chắc các vị sẽ hiềm rằng thế nó hẹp hòi quá. Nhưng không đâu. Trong đạo pháp ta không thiếu một địa hạt nào cho ta hoạt động những điều ích lợi quần chúng. Chỉ e chúng ta không đủ sức làm cho vừa sự đòi hỏi của đạo pháp. Các vị bị người ta công kích là "người Phật tử kém hoạt động những điều có ích", bị công kích như thế, các vị khó chịu, nhiều vị lại hỏi sao đạo pháp ta kém hoạt động, trong khi đó, các vị đi hoạt động theo người, cho người! Mình không làm cho mình, để bị công kích, trong khi đó đem việc làm của mình đi làm cho người để người công kích. Không những họ công kích, họ còn khinh thị mình theo đuôi họ nữa. Thật là điên đảo!

(xem tiếp trang 6)

Tiền Ôn

Ôi bóng cây đại thọ đã già!

Ôn vĩnh viễn ra đi!

*Bảy mươi chín năm - một cuộc đời
Tinh thương ban trái, khắp trời Mỹ Âu.*

Một chút gì để lại

Khiến lòng người ngân nhớ.

Vô thường - Ôn thị hiện

Tan biến giữa không hoa.

Trần gian tuôn giọt lệ

Đưa tiễn bước chân Ôn!

(Kính dâng Giác Linh Ôn - Cổ Đại Lão Hòa Thượng
thượng Trí hạ Chơn)

Chùa Hương Sen, ngày 19 tháng 3 năm 2011

THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG



QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**

Người dịch: **THẮNG HOAN**

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG III LỊCH SỬ PHẬT HỌC TRUNG QUỐC XEM DUY THỨC HỌC

B.-QUAN NIỆM KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ PHẬT GIÁO TỪ ĐỜI ĐƯỜNG TRỞ VỀ SAU:

Phật học Trung Quốc từ đời Đường trở về sau, bao quát tất cả gồm có bốn phái (Thiền, Tịnh, Giáo, Luật), hoặc năm phái (Thiền, Tịnh, Giáo, Luật, Mật). Tầng chúng của đại đa số Tự Viện trong thời kỳ này chẳng tham thiền thì niệm Phật, chẳng niệm Phật thì tham thiền và vấn đề tông phái không ở trong phạm vi hứng thú của họ. Vấn đề Giáo Tông của thời nhà Đường thì bao gồm cả bốn Tông như: Thiên Đài (Thiền Thai), Hiền Thủ (Hoa Nghiêm), Tam Luận và Duy Thức. Còn hai Tông như: Câu Xá và Thành Thật của Tiểu Thừa thì cũng có công đức lớn trong việc cùng lúc thi đua nghiên cứu.

Từ thời nhà Tống trở về sau (gồm bốn triều đại: Tống, Nguyên, Minh, Thanh), Trung quốc giảng "Giáo Tông" đều sử dụng Thiên Đài Tông (Thiền Thai Tông) và Hiền Thủ Tông (Hoa Nghiêm Tông) làm chủ yếu. Nhưng Tam Luận Tông, Duy Thức Tông, Câu Xá Tông, v.v... thì không có người quan tâm đến. Riêng hai Tông Tam Luận và Duy Thức tại Hội Xương, đã bị pháp nạn của Võ Tông đời Đường hủy diệt hết những tài liệu chú sớ về điển tịch. Đã không còn điển tịch chân thật và lại không có nhân tài truyền thừa để phục hưng, hai Tông này trở nên mai một.

Mặt khác, Thiên Đài Tông và Hiền Thủ Tông thì chú trọng nơi giáo quán hơn, nghĩa là giáo lý đặt nặng nơi sự thực hành quán chiếu nhiều hơn. Trái lại, Tam Luận Tông và Duy Thức Tông thì chú trọng nơi giáo lý. Phương pháp quán hạnh của Thiên Đài Tông và Hiền Thủ Tông mặc dù không kinh điển nhưng còn có thể truyền thừa. Ở đây giáo lý của Tam Luận Tông và Duy Thức Tông nếu như không điển tịch thì diệu lý khó liễu tri. Hơn nữa, học thuyết của hai Tông Thiên Đài và Hiền Thủ thì rất gần với tư tưởng của Lão Trang. Cho thấy, những vị sáng lập hai Tông Thiên Đài và Hiền Thủ đều căn cứ nơi tư tưởng phát triển của người Trung quốc, lẽ dĩ nhiên, sản phẩm tư tưởng dung hợp của Trung-Ấn để cho người Trung quốc tiếp nhận. Đã vậy, căn cứ nơi địa dư thành lập tông phái, hai Tông Thiên Đài và Hiền Thủ đều được xây dựng nơi Trung thổ. Còn hai Tông Tam Luận và Duy Thức đều phát nguồn từ Ấn Độ lại được mang vào

Trung quốc trong lúc tư tưởng của người Trung quốc chưa tiếp nhận và dung hóa. Cho nên sau pháp nạn tại Hội Xương, một khi không còn điển tịch và cũng không còn ai kế thừa, thành thử sở học của hai Tông này trở nên bị mai một luôn. Đặc biệt hơn hai Tông Thiên Đài và Hiền Thủ thì không giống tình thế như hai Tông Tam Luận và Duy Thức. "Giáo Học" của hai Tông này vẫn còn truyền thừa từ đời Triệu và đời Tống trở về sau.

Thiên Đài Tông thì dùng Kinh Pháp Hoa làm chủ yếu và Hiền Thủ Tông thì dùng Kinh Hoa Nghiêm làm chủ yếu. Trong khoảng thời gian từ đời Tống cho đến cuối đời Thanh và đầu Dân Quốc, người Trung quốc nghiên cứu Phật Học, ngoại trừ hai Tông Tịnh Độ và Thiền, đều học tập giáo nghĩa các tông phái, nhất là 19 nhân vật nghiên cứu Thiên Đài Tông và Hiền Thủ Tông. Đáng chú ý nhất, ngoài hai loại Kinh chủ yếu là Kinh Pháp Hoa và Kinh Hoa Nghiêm, người của hai Tông Thiên Đài và Hiền Thủ đều giảng giải các Kinh khác như: Kinh Niết Bàn, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Duy Ma, Kinh Viên Giác, Kinh Kim Cang, Kinh Phạm Võng, Kinh Di Đà, Luật Tứ Phần, v.v... Họ lại còn trình bày điển tịch tông yếu về giáo nghi (nghi thức giáo lý) của bốn phái (Thiền, Tịnh, Giáo, Luật) hoặc giáo nghi của năm phái (Thiền, Tịnh, Giáo, Luật, Mật). Nếu như trừ những kinh điển này ra, họ đâu còn có chi để giảng giải và văn chương giảng giải những kinh điển trên của họ đều có khắc bản để lưu lại. Những tự viện của Giáo Tông sở dĩ gọi là Giảng Tự nhằm để phân biệt với Thiền Tự và Luật Tự. Giảng Tự nghĩa là những cơ sở mà Giáo Tông thường sử dụng để giảng thuyết những kinh giáo.

Đề cập đến Tam Luận Tông và Duy Thức Tông tại Trung quốc, mãi đến đầu năm Dân Quốc, hai Tông này mới được hồi sinh. Những kinh luận chú sớ về hai Tông này cũng được mang từ Nhật Bản về Trung quốc làm tài liệu nghiên cứu. Nhờ đó các học giả danh tiếng của Trung quốc mới đổ xô nghiên cứu đến. Sự phục hưng của hai Tông Tam Luận và Duy Thức tại Trung quốc không ngoài 340 năm gần đây mà thôi!

Kinh căn bản của Duy Thức Học gồm sáu loại, nhưng trong đó Kinh Giải Thâm Mật là quan trọng nhất. Kinh này căn cứ nơi năm Pháp, ba Tự Tánh, tám Thức và hai Vô Ngã làm tông yếu. Riêng Tam Luận Tông thì gồm có những bộ luận căn bản như: Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận, v.v... Hơn nữa Tông này lại còn tham khảo thêm Đại Trí Độ Luận để bổ sung giáo nghĩa, thường gọi là Tứ Luận. Tam Luận Tông thì căn cứ trên nghĩa Không sâu thẳm của Kinh Bát Nhã làm tông yếu.

Ngoài bốn tông phái như: Thiền,

Tịnh, Giáo, Luật đã được nêu ở trước, Trung Quốc còn có thêm một tông phái nữa là Mật Tông. Mật Tông thì chuyên nghiên cứu giáo lý bí mật. Tông này thường y cứ theo các Kinh như: Kinh Đại Nhật, Kinh Tô Tất Địa, Kinh Kim Cang Đỉnh làm tông yếu. Mật Tông có hai đại bộ môn: Giáo Tướng và Sự Tướng. Giáo Tướng nghĩa là căn cứ nơi sự tướng của Tông này để nghiên cứu giáo lý. Sự Tướng của tông này là kiến lập Đàn Tràng để tu trì tất cả nghi thức của Tam Mật. Tất cả nghi thức đều là tượng trưng chân lý vạn hữu của giáo tướng giải thích. Mật Tông rất thịnh hành trong thời đại nhà Đường cũng như nhà Tống và sau đó thì mất chân truyền.

Người đời Đường đã chú sớ tất cả nghi thức Bí Bản của Mật Tông và những nghi thức này đều bị thất truyền từ nơi Nhật Bản. Do đó, sở học của Mật Tông nơi Trung Quốc khởi đầu từ nhà Thanh và nhà Minh cho đến sau này đều bị mai một luôn. Tông này chỉ còn lưu lại nghi thức Du Già Diễm Khẩu và Mông Sơn Thí Thực, v.v... để cho các sư ứng phó biểu diễn hát xướng. Mật Tông cũng thuộc về "Giáo Tông", nguyên vì chủ yếu của Tông này là chú trọng sự thông đạt nơi Giáo Tướng. Nhưng Giáo Tướng không rõ ràng thì Sự Tướng không thể truyền thọ. Và lại, vấn đề truyền thừa cách tu trì sửa Sự Tướng lại chú trọng vị sư thừa kế và miệng của vị sư đó trực tiếp trao truyền giáo chỉ. Đây cũng là pháp môn hành trì và pháp môn này do người tu chứng chỉ huy.

Từ đây trở về trước, tám tông phái đại thừa như: Thiền, Tịnh, Luật, Mật, Thiên Đài, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức đã được trình bày qua và ngoài tám tông phái này, Phật Học Trung quốc còn có hai học phái nữa là Câu Xá Tông và Thành Thật Tông. Kể từ đời Đường cho đến sau này, Phật Giáo Trung quốc bình thường không thấy ai bàn đến hai tông phái trên. Tại bởi Câu Xá và Thành Thật là hai tông phái của Tiểu Thừa và cũng thuộc về "Giáo Tông". Các giới Phật Học Trung quốc từ xưa đến nay đều thiên trọng về Đại Thừa và quan niệm khinh

thường Tiểu Thừa. Đây là sự ngộ nhận sai lầm. Ngày nay chúng ta cũng nên bỏ đi quan niệm sai lầm đó. Đúng hơn Phật Giáo Tiểu Thừa mới thật sự là Phật Giáo căn bản của nguyên thủy. Giáo nghĩa của Phật Giáo này mới chính thật nơi miệng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đích thân nói ra. Thế nên giáo nghĩa của hai tông Câu Xá và Thành Thật một lần nữa cũng xin được chiếu cố để tường thuật lại một cách tỉ mỉ hơn.

Hai Tông phái Tiểu Thừa và tám Tông phái Đại Thừa cộng chung lại thành mười Tông phái của Phật Giáo Trung quốc. So sánh với Học phái Duy Thức, mười Tông phái nói trên có quan hệ mật thiết như thế nào? Lẽ dĩ nhiên trên tinh thần dung thông và hỗ trợ lẫn nhau của Phật giáo, Học phái Duy Thức nhất định quan hệ mật thiết với mười Tông phái nói trên, nhưng không phải quan hệ nhau với tánh cách đối lập như nước và lửa. Huống chi Học phái Duy Thức là nguồn suối tư tưởng học thuyết của những Tông Phái nói trên và cũng là căn nguyên của Phật nói. Người nghiên cứu Phật Học cũng nên đặc biệt chú ý đến sự kiến giải của Học phái Duy Thức. Người nghiên cứu không nên khư khư giữ nếp cũ, phân ngành, định loại và cũng không nên đóng khung sự quan hệ, bài xích sự hỗ tương, phân loại sông ngòi để uống nước. Chúng ta nên biết rằng đạo lý lượng nước sông ngòi tuy khác nhau trạng thái, nhưng chung quy đều chảy về biển cả. Nếu hiểu rõ điểm này, chúng ta nhận biết giữa các Tông phái Phật Học Trung quốc đều có sự hỗ trợ lẫn nhau để thành lập, hỗ trợ lẫn nhau để phát minh và hỗ trợ một cách bình đẳng không có vấn đề cao thấp (tôi không tán thành tác phong phán giáo Tiểu Thừa và Đại Thừa vừa kể). Học phái Duy Thức chính là một trong tất cả Phật Pháp, lẽ tự nhiên cũng rất quan hệ mật thiết với mười Tông phái nói trên.

(còn tiếp)



Đại lão Hòa thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN Hoa Kỳ, đọc Cầm Từ trước giờ Di quan Cố ĐLHT Thích Trí Chơn.

BÓNG NHẠN QUA TRỜI

CẢM TỪ CỦA ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH THẮNG HOAN
TRONG TANG LỄ CỔ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ CHƠN

Kính bạch chư tôn thiên đức hiện tiền,
Kính bạch Giác linh,

Những kẻ xuất trần như chúng ta, đến và đi trong thế gian này như bóng nhận bay qua trời rộng: hành tất cả hạnh, tu tất cả pháp, nhưng không để lại dấu vết gì. Nghĩa là không đảm trước, chấp giữ nơi sở tri, sở kiến, sở hạnh và sở tu của mình trong bước đường hành đạo.

Cổ Đại lão Hòa thượng tân viên tịch, người huynh-đệ thân thiết của tôi, đã có thể đi ngang qua cuộc đời này một cách nhẹ nhàng như thế. Cuộc đời của giác linh là một bài học sinh động của một thiền giả mà chúng tôi muốn lấy đó làm quà tặng, làm gương sáng cho chư vị Tăng Ni thuộc các thế hệ đi sau thế hệ chúng tôi.

Thứ nhất, khi đã suy nghiệm rốt ráo về một vấn đề gì rồi, hãy đặt hết niềm tin vào vấn đề ấy, dù gặp chướng ngại hay cảm dỗ nào của cuộc đời cũng không thay đổi: đây là **Tín** hạnh.

Thứ hai, khi đã có niềm tin và chọn được mục tiêu của mình trong cuộc đời, hãy chuyên tâm nỗ lực thực-hiện thật tốt đẹp chọn lựa ấy; miệt mài không biết mỏi mệt, tất cả thời gian, tất cả cuộc đời đều chỉ vì niềm tin và mục tiêu ấy: đây là **Tấn** hạnh.

Thứ ba, dù làm việc gì, đóng vai trò gì đối với thời đại, thì cũng chỉ là giai đoạn, là việc của nhất thời; phải biết cái việc cốt lõi của những sứ giả Như Lai là hoằng pháp, là nối tiếp và trao truyền ngọn đèn giác ngộ mà Đức Thế Tôn để lại, không có con đường nào khác hơn, không có con đường nào cao cả hơn. Đây là **Huệ** hạnh.

Bóng nhận qua trời tuy không cố ý để lại dấu tích, nhưng đường bay của nó có thể tạo nên những âm ba kỳ tuyệt giữa hư không. Việc sống-chết của cổ Đại lão Hòa thượng tân viên tịch là như thế. Quý vị hậu sinh nên khắc ghi bài học từ người và nên hãnh diện là ở trong cuộc đời này, quý vị đã có một bậc thầy xứng đáng.

Riêng cá nhân chúng tôi, đã là một lão tăng đi gần hết cuộc đời của mình trong nẻo đạo, không còn bận lòng việc sống-chết, nhưng cũng không khỏi ngậm ngùi khi chia tay pháp lữ thân tình của mình. Thưa giác linh, chúng ta cùng một thế hệ, nhập đạo và trưởng thành từ quê hương, cùng góp sức xây dựng cho nền Phật giáo nước nhà từ trong nước ra đến hải ngoại; nay giáo hội vẫn còn trăm việc phải làm, nhiều dự án văn hóa, giáo dục, hoằng pháp, vẫn còn dang dở và mong đợi sự tiếp nối của các thế hệ kế thừa, sao Ngàiỡ bỏ tôi đi trước? Dầu biết các pháp hữu vi đều như bọt nước, mấy hôm nay tôi vẫn lặng người đau tiếc về sự ra đi của Ngài. Chỉ biết nhìn đàn hậu học nhiệt tâm, giỏi dang, tề tựu đông đảo nơi đây để vui và tin vào tương lai của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại. Đây, Ngài hãy nhìn lần cuối để yên lòng: Tăng Ni các thế hệ sau đã sẵn sàng gánh vác trọng nhiệm hoằng pháp thay cho chúng ta. Thôi thì Ngài hãy cứ đi, thông dong tự tại về chốn ấy, nhưng đừng quên trở lại để tiếp tục bòn nguyền lợi sinh của mình.

Nam mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Cảm Niệm Hòa Thượng Trí Chơn

*Thọ sanh đất Phan Thiết,
Chánh quán đứng Quảng Nam,
Xuất gia Thừa Thiên - Huế,
Linh Mục, nguyện dẫn thân.*

*Bái Đệ tam Tăng Thống,
Phát nguyện xin đầu sư,
Từ nay chuyên tu niệm,
Nhận giáo pháp nhất như.*

*Pháp danh là Tâm Chánh,
Đạo hiệu Thích Trí Chơn,
Ứng pháp, dung nhị đế,
Đệ tử của Thích Tôn.*

*Bảy chín năm trụ thế,
Hạ lạc bốn sáu năm,
Trọn đời hành Phật đạo,
Sóng gió không ngại ngần.*

*Đi du học Ấn Độ,
Học vị: Tiến sĩ xong,
Qua Hoa Kỳ hành đạo,
Giới pháp không rời thân.*

*Hơn bốn chục cỡ sở,
Một tay dựng đạo tràng,
Dù phi cơ, xe bus,
Vẫn tự tại ung dung.*

*Một đời cho Văn hóa,
Dịch thuật những áng văn,
Làm sáng tỏ đạo nghiệp,
Một tu sĩ văn nhân.*

*Thế rồi xuân Tân Mão,
Nhìn thất chúng an nhiên,
Xả báo thân tự tại,
Làm rung động chư thiên.*

*Ngài đà quây gót đấng trình,
Tăng ni, Phật tử đứng nhìn ngẩn ngơ.
Từ nay lương đồng dẫn thừa,
Chúng tôi ở lại tâm tư nảo nề.
Nguyện cầu Đại giác Bồ đề,
Quê hương, Đạo pháp tư bề bình an.*

Tân Mão Trọng xuân - March 2011

Điều ngự tử **TÍN NGHĨA**



HT. THÍCH TRÍ CHƠN
(1933 – 2011)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. Tel. & Fax: (949) 986-2433

CÁO BẠCH

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Kính bạch chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng,
Ni,
Kính thưa chư thiện nam tín nữ Phật tử,

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ cung kính cáo bạch:

Đại Lão Hòa Thượng thượng Tâm hạ Chánh, hiệu **Thích Trí Chơn**, đời thứ 43 Thiên Phái Lâm Tế, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1933 (Quý Dậu), tại Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam,

- Nguyên thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương GHPGVNTN,

- Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ,

- Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ,

Đã thuận thế vô thường, thân thần thị tịch vào lúc 6 giờ chiều ngày 14 tháng 3 năm 2011, (nhằm ngày mười tháng Hai năm Tân Mão), tại Chùa Bát Nhã, thành phố Santa Ana, California, Hoa Kỳ, thế thọ 79, hạ lạc 46.

Lễ Nhập Kim Quan vào lúc 4 giờ chiều thứ Năm, ngày 17 tháng 3 năm 2011 (nhằm ngày 13 tháng 2 năm Tân Mão).

Lễ Di Quan và Trà Tỳ vào lúc 2 giờ chiều Chủ Nhật, ngày 20 tháng 3 năm 2011 (nhằm ngày 16 tháng 2 năm Tân Mão).

Ngưỡng mong chư tôn Thiên Đức trong mười phương nhất tâm hộ niệm và cầu nguyện Cổ Đại Lão Hòa Thượng tân viên tịch Cao Đăng Phật Quốc.

Nam Mô Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,
Nay cáo bạch,

Santa Ana, ngày 14 tháng 3 năm 2011,
T.M Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN HK
Chánh Văn Phòng

Sa Môn Thích Thắng Hoan



HÃY TỎ RA MÌNH LÀ PHẬT TỬ

Trí Quang

(tiếp theo trang 3)



Thường thấy có nhiều người phàn nàn Phật giáo chúng ta kém tổ chức, kém thể lực, kém rầm rộ. Có lẽ nghĩ thế nên có người không "tỏ ra mình là Phật tử". Nhưng cái kém trong Phật pháp, cái kém đáng gọi là kém, là không tu hành, không thực hành theo Phật pháp, không thành thật tỏ ra mình là Phật tử. Còn nếu tất cả đều tỏ ra mình là Phật tử, dầu chỉ tỏ ra một cách tương đối thì tự nhiên Phật pháp ích lợi mình-người. Tôi chỉ nói sự ích lợi, ích lợi chân thật theo Phật pháp mà thôi. Còn sự thể lực, sự rầm rộ thì có khi không hợp với Phật pháp. Ta hãy tìm nơi Phật pháp những lực lượng lẽ phải, sự rầm rộ ích lợi, còn thể lực và rầm rộ vô ích thì chắc chắn không bao giờ có.

Nói thế là tôi muốn các vị để ý hai thứ lực lượng rầm rộ. Tôi muốn nhắc lời đạo hữu Malalasekera, Hội trưởng TỔNG HỘI PHẬT GIÁO THẾ GIỚI đã nói với chúng ta: "con rắn hổ mang (Cobra) dương oai mà người chết, con rắn hổ đất (Serpent à sonnette) dương oai mà người không hại gì". Chúng ta chỉ tỏ lực lượng rầm rộ và cần phải tỏ lực lượng rầm rộ, để mà làm việc phải làm của Phật. Mà muốn vậy thì "tỏ ra mình là Phật tử" cần lắm, cần thiết một cách trực tiếp trong việc ấy.

Trên đây là chúng tôi muốn nói với các vị Phật tử không "tỏ ra mình là Phật tử" vì lý do này hay vì lý do khác. Nhưng ngoài ra, có những người tự coi mình là đạo dòng của đạo Phật, ông bà cha mẹ và thân quyến mình đều là Phật tử, vì vậy mà tự nhiên quá hóa ra vô lý, không "tỏ ra mình là Phật tử" trước mọi người, mọi trường hợp. Những người ấy quả như một người Phật tử Mỹ nói "Phật tử Á đông sống nhờ Phật pháp nhưng lâu ngày họ

quên đi, ví như nhờ không khí mà loài người được sống, nhưng ít ai nhớ đến không khí". Sự nhận xét ấy quả là đúng. Nhưng tại sao ta lại hời hợt với chính sự tín ngưỡng của chúng ta đến nỗi ấy?

Lại có người đáng khen là thường đeo tượng Phật, tượng Bồ tát nơi ngực, nhưng không chào hỏi nhau. Phật tử chúng ta đáng lý phải giúp nhau, đồng vui đồng khổ với nhau, nhưng không được thể thì ít ra là cũng chào hỏi vui vẻ với nhau. Khi gặp nhau giữa đường, trong chợ hay nơi hội họp, chỗ công cộng, bất cứ ở đâu, chúng ta cũng phải chào nhau, hỏi nhau, tỏ tình thân ái với nhau. Và chính điều ấy là "tỏ ra mình là Phật tử" và tỏ ra, hơn nữa, gây ra "lực lượng của Phật tử" chúng ta vậy.

* * *

Biết sự "tỏ ra mình là Phật tử" là cần thiết rồi, vậy mong toàn thể các vị Phật tử tại gia hãy chú ý mấy điều tối thiểu sau đây:

- Thường đeo tượng Phật.
- Thường chào hỏi các thầy và chào hỏi nhau.
- Thăng trần tỏ ra mình là Phật tử trong mọi trường hợp.
- Không nói và làm theo người đối lập với đạo pháp của mình khi thấy sự nói và việc làm ấy không chuyển hóa được họ, không lợi cho danh dự và quyền lợi của đạo pháp mình tôn thờ.
- Tự mình và khuyên cả nhà ăn chay mỗi tháng hai ngày rằm và mồng một.
- Tự mình và toàn gia hãy niệm Phật to tiếng (niệm to) mỗi tối trước khi đi ngủ. Đọc được bài Sám hối càng tốt. Hãy ngồi trên giường ngủ mà niệm và đọc.
- Mỗi tháng đến chùa hay Niệm Phật đường ít nhất một lần.

Không cần nói người xưa, hiện bây giờ đây vẫn có những người Phật tử uống thuốc độc để "tỏ ra mình là Phật tử", có những em Phật tử quyết liệt "tỏ ra mình là Phật tử" trước sự thù ghét, dọa nạt. Có những đạo hữu và những em Phật tử tin tưởng ở Phật, tin lý nhân quả, thân nhiên thờ Phật, tụng kinh, ăn chay như thường ở những nơi thôn dã, bao bọc chung quanh họ đây sự đe dọa trực tiếp đến tánh mạng.

Đức Phật vô thượng, Phật pháp vô thượng, được vinh dự làm Phật tử, ta hãy "tỏ ra mình là Phật tử" để xứng đáng với vinh dự ấy.

Trí quang - 08.5.2495 (1951)
(Trích Tâm ảnh lục, tập 2, in lại trong Tâm ảnh lục, nxb Văn Hóa Sài-gòn, 2009, trang 400-415)

PHẬT GIÁO VÀ NGƯỜI HY-LẠP

Đào Viên

(tiếp theo và hết)

4. Cuộc đối thoại giữa vua Di Lan Đà và Tỳ Kheo Na Tiên

Cuộc tham vấn này đã được ghi chép lại để trở thành một bản kinh rất nổi tiếng trong giáo lý Nguyên Thủy mà hầu hết Phật tử đều biết. Bản kinh tiếng Pali gọi là "Milindapanhà": Milinda là tên vua Menander, hay Di Lan Đà; panhà là hỏi, Minlindapanhà là vua Di Lan Đà hỏi. Bản Kinh chữ Hán gọi là "Na Tiên Tỳ Kheo Kinh". Hai bản Pali và Hán tạng có đôi chút khác biệt nhưng cơ bản thì như nhau. Ngài Hòa Thượng Thích Trí Thủ⁽¹⁾ đã giới thiệu bộ Kinh này như sau:

"Na Tiên Tỳ kheo Kinh là một bộ Kinh phản ánh đầy đủ những đường nét chính của Giáo lý Nguyên Thủy. Nhưng nếu chỉ có thể thôi thì Kinh này chỉ là một bản trưng tuyên vô vị, không đáng được có một địa vị Tam Tạng Thánh Giáo.

Đặc sắc của Kinh này dĩ nhiên không phải ở chỗ trưng tuyên vô bổ ấy. Đặc sắc của nó là chính ở những ví dụ rất khéo lý và khéo cơ mà Ngài Na Tiên đã chủ điểm giáo lý căn bản của Phật Giáo Nguyên Thủy. Các ví dụ rất linh động ấy là hoàn toàn do Ngài sáng chế để đóng góp vào chánh pháp và thúc đẩy bánh xe Chánh Pháp chuyển mau thêm."

Tiểu sử của vua Menander (hay Di Lan Đà) đã được trình bày nơi trên

Tiểu sử của Ngài Na Tiên, căn cứ vào phần một của Na Tiên Tỳ kheo Kinh, hoặc quyển I của Milindapanhà, đại khái như sau:

Ngài sanh tại làng Casangala (có nơi viết là Kajangala), dưới chân núi Hy Mã Lạp, ở vùng Tây bắc Ấn Độ, trong một gia đình Bà La Môn mà thân phụ tên là Sonattara. Theo bản Hán dịch thì làng này thuộc nước Kế Tân (Kashmir). Ngài xuất gia thọ giáo với La hán Lâu Hán (Rohana), từng được bốn sư cho tháp tùng để học đạo và du hóa tại các Chùa trên núi Hy Mã Lạp. Tiếp theo, Ngài được gửi đến thọ giáo với La hán Át Bá Nhựt (Assagutta) tại Chùa Hộ Tân (Vattaniya). Trong thời gian thọ giáo với La hán Át Bá Nhựt, nhân một thời pháp nói cho một lão tín nữ nghe, cả Ngài và lão tín nữ bỗng nhiên được pháp quả "nhãn tịnh", và cả hai cùng chứng đắc sơ quả "Dự lưu" mà siêu phàm nhập Thánh. Sau đó, Ngài được La hán Át Bá Nhựt cho đồng du, đến thọ giáo với La hán Đạt Ma Ra Khi Ta (Dhammarakhita) tại Chùa A-Dục (Asokàrama) ở thành Hoa Thị (Pataliputra). Ngài thông suốt Tam Tạng Thánh Giáo và chứng quả A La Hán tại đây. Từ đó, tiếng tăm lừng lẫy, Ngài đi giáo hóa khắp đó đây. Cuối cùng, Ngài dừng chân tại Chùa San Khế

Da (Sankkheya) ở thủ đô Xá Kiệt (Sagala) trong vùng thượng lưu Ngũ Hà (Punjab). Tại đây, Ngài gặp Vua Di Lan Đà, trước đó đã quy y với trưởng lão Dã Hòa La (Ayupala) mà nhà Vua đã nhiều lần đến hỏi đạo và không mấy được thỏa mãn. Sự tương ngộ giữa Di Lan Đà và Ngài là đầu mối của Kinh Milindapanhà hay Na Tiên Tỳ kheo Kinh.



Hình vẽ Tỳ kheo Na Tiên (Nagasena)

Kinh Milindapanhà tiếng Pali hay Na Tiên Tỳ kheo Kinh chữ Hán khá dài vì cuộc tham vấn của vua Menander với nhà sư Nagasena hay Tỳ kheo Na Tiên, có trên 240 câu văn đáp.

Ở đây chúng ta sẽ chỉ xem 3 câu hỏi đầu, tiêu biểu cuộc đối thoại lý thú đầy hương vị giáo lý Nguyên Thủy, trích từ bản dịch của Hòa Thượng Giới Nghiêm⁽²⁾ (Maha Thera Thita Silo) từ Kinh Milindapanhà tiếng Pali.

"a. Câu hỏi thứ nhất về Danh

Đức vua Mi-lan-đà sau khi đánh lễ Tăng chúng tám mươi ngàn vị cùng với đại đức Na-Tiên, ngồi một nơi phải lễ, đức vua khởi chuyện:

- Bạch đại đức, Trẫm muốn đàm luận với ngài vài điều được chăng?

Tỳ kheo Na-tiên đã quan sát vị vua hữu danh đã từng làm cho các tôn giáo điên đảo từ bấy lâu nay. Quả thật là không hư truyền, vì ngài chưa từng gặp một người có tướng mạo phi phàm như thế. Nhưng với thẳng đứng, thẳng trí và thẳng tuệ, ngài cảm thấy không khó khăn gì khi nhiếp phục đức vua này.

Khi nghe hỏi, Na-tiên tỳ kheo mỉm cười đáp:

- Tâu đại vương, ngài cứ hỏi, bản tăng sẽ nghe.



- **Bạch đại đức, trầm hỏi rồi, ngài hãy nghe đi.**

- *Tâu đại vương, bản tăng nghe rồi, ngài hãy nói đi!*

- **Bạch đại đức, Trầm hỏi rồi.**

- *Tâu đại vương, bản tăng đáp rồi.*

- **Ngài đáp như thế nào?**

- *Đại vương hỏi như thế nào?*

Chỉ vài câu vấn đáp khởi đầu, cử tọa thính chúng gồm tám mươi ngàn Tăng chúng, năm trăm tùy tùng của đức vua cùng với cận sự nam nữ đông đặc bên ngoài giảng đường... đều cảm thấy thú vị, họ cất tiếng hô "*lành thay!*" vang rền như sấm dội.

Đợi cho không khí yên lặng, nhà vua hỏi tiếp:

- **Bạch đại đức, ngài tên gì?**

- *Tâu đại vương! Bản tăng tên là Na-Tiên! Thầy tổ, huynh đệ, pháp hữu của bản tăng cũng gọi tên bản tăng như thế. Còn cha mẹ của bản tăng không những gọi tên bản tăng là Na-Tiên, mà đôi khi kêu là Viranasena, Surasena hoặc Sihasena! Tuy nhiên, dù gọi tên gì đi nữa thì nó cũng chỉ là cái tên, cái tên suông, chẳng liên hệ gì đến bản tăng cả. Cái tên ấy chỉ để mà phân biệt giữa người này và người kia, thể thôi, chẳng có gì là "tôi" là "của tôi" như ngã chấp và tà kiến thế gian thường nhận lầm, tâu đại vương được rõ!*

Đức vua Mi-lan-đà ngạc nhiên, đưa tay lên, phân bua với mọi người xung quanh:

- **Xin tất cả các vị hãy làm chứng cho trẫm. Đại đức Na-Tiên vừa nói rằng, cái tên Na-Tiên là tên do cha mẹ đặt, các vị đồng phạm hạnh cũng gọi như thế, nhưng chẳng có cái gì là Na-Tiên ở đây, chẳng có gì là "tôi" và "của tôi" cả. Mọi người nghe rõ rồi đấy chứ?**

Rồi quay sang tỳ kheo Na-Tiên, đức vua phân vấn:

- **Bạch đại đức! Nếu không có cái gọi là "ta" và "của ta" thì những người bố thí cúng dường y bát, vật thực, thất liêu, chỗ ở, thuốc chữa bệnh, vật dụng v.v... thì ai là người thọ nhận sự ấy? Ai trì giới? Ai tham thiền? Ai chứng ngộ đạo quả và Niết bàn? Từ đó suy ra, những tội ác như sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói lời hư dối, uông rược; cho chỉ những ngũ nghịch đại tội vô gián địa ngục, cũng chẳng có ai làm gì cả! Và như vậy thì nghiệp lành, nghiệp ác cũng không, chẳng có ai tạo tội cả, lành dữ đều không có quả báo. Nếu thế có kẻ giết chết đại đức họ cũng không phạm tội giết người. Và thầy tiếp dẫn, thầy giáo thọ, hòa thượng tế độ cho đại đức cũng không có. Các vị đồng phạm hạnh gọi tên đại đức Na-Tiên là gì đó cũng không có luôn. Vậy cái gọi là Na-Tiên đó là ai? Mong đại đức giảng giải cho trẫm. Đại đức nghe rõ rồi đấy chứ.**

- *Tâu đại vương! Bản tăng nghe rõ rồi!*

- **Người nghe đó có phải là Na-Tiên chăng?**

- *Tâu, không phải.*

- **Chẳng có gì là Na-Tiên cả sao?**

- *Vâng, chính thế!*

- **Tóc, lông, móng, răng da... kia là Na-Tiên sao?**

- *Tâu, đại vương, không phải.*

- **Thịt, tủy, gân, xương là Na-**

Tiên chăng?

- *Thưa, không phải!*

- **Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Na-Tiên chăng?**

- *Tâu, Đại vương, không phải.*

- **Hay lục căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là Na-Tiên?**

- *Tâu, không phải thế.*

- **Vậy ngũ uẩn hợp lại là Na-Tiên?**

- *Tâu, cũng chưa chắc là vậy.*

Đến ngang đây chợt đức vua Mi-lan-đà cất giọng nói lớn:

- **Bạch đại đức! Hồi nãy giờ trẫm đã cận kề hỏi về ba mươi hai thể trước, lục căn, ngũ uẩn v.v... có phải là Na-Tiên chăng, tất thầy đều bị đại đức phủ nhận. Và quả thật, trẫm cũng công nhận như thế. Vì khi quán tưởng một cách tận tường từng phần được nêu ra trong câu hỏi, thì chẳng có cái gì được gọi là Na-Tiên cả. Thế tại sao, trước đây khi trẫm hỏi, đại đức bảo đại đức là Na-Tiên? Té ra là đại đức nói dối! Nay, năm trăm tùy tùng thân tín của trẫm và tám mươi ngàn Tăng chúng tỳ kheo, xin quý vị hãy làm chứng cho trẫm đây nhé!**

Đại đức Na-Tiên là một Thánh nhân A-la-hán đặc thân thông và đắc cả 4 tuệ phân tích: tuệ về nhân, tuệ về quả, tuệ văn tự, ngữ nghĩa, tuệ biện tài, biện luận. Tâm ngài như đỉnh núi chúa, trí ngài như mặt trời, mặt trăng, lòng từ của ngài bao la như biển lớn. Do vậy, ngài độ lượng với đức vua Mi-lan-đà như mẹ đối với con; với tâm nguyện là phải nhiếp phục đức vua, tế độ đức vua, đặt đức vua trong Chánh đạo; nên dù đức vua có nói gì ngài cũng chỉ ngồi làm thính và mở rộng lòng từ.

Để cho ngoạn khí và sự xao động trong tâm trí đức vua yên lặng lại một chút, đại đức Na-Tiên mới chậm rãi nói:

- *Tâu đại vương! Ngài là một bậc đế vương nhiều phước báu và nhiều an vui, thảnh thơi sống trong hạnh phúc cao sang. Nhưng vì tâm cầu đạo, ngài chẳng quản đường xa, đến đây giữa cơn nắng nóng oi bức nên có lẽ ngọc thể cũng bất an. Lại nữa, từ hoàng cung đến đây mà sao đại vương không đi bằng xe mà lại đi bằng chân cho mệt?*

- **Bạch đại đức! Trẫm đến chùa bằng xe chứ! Chỉ đi bộ từ cổng, nhưng vào giảng đường mới đi bằng chân không!**

- *Thế ra đại vương tới đây bằng xe.*

- **Vâng, trẫm đến bằng xe.**

Đại đức Na-Tiên giờ cũng làm như cách của vua Mi-lan-đà, phân bua với mọi người:

- *Năm trăm tùy tùng quan chức, thị vệ của đức vua và tám mươi ngàn chư tỳ kheo đại chúng hãy xác nhận cho: đức vua đã nói rằng ngài đến đây bằng xe!*

Rồi quay sang đức vua, ngài Na-Tiên hỏi lại:

- *Đại vương bảo rằng đại vương đến đây bằng xe, đây là lời nói thật chứ?*

- **Chắc chắn là thật.**

- *Vậy đại vương hãy nói cho rõ về cái xe ấy! Cái gì gọi là xe? Cái gọng chẳng?*

- **Không phải.**

- *Hay cái trục, cái bánh là xe?*

- **Cũng không phải.**

- *Cái thùng, cái mui là xe chẳng?*

- **Chẳng phải đâu.**

- *Hoặc roi, dây cương là xe?*

- **Chẳng phải.**

- *Thế chắc cái ách, cựa xe?*

- **Không phải nốt.**

- *Vậy cái gì là xe?*

Đức vua Mi-lan-đà im lặng.

Đại đức Na-tiên cất giọng chậm rãi:

- *Tâu đại vương! Bản tăng đã đưa từng bộ phận một, và hỏi rằng cái gì là xe thì đều bị đại vương phủ nhận. Mà quả thật, bản tăng cũng thấy vậy, chẳng có cái gì được gọi là xe trong tất cả các bộ phận chi tiết ấy. Tuy nhiên, đại vương là vị hoàng đế cao cả, là đấng nhân chủ, là bậc anh minh cai quản một quốc độ mệnh mông; quả thật là không thích đáng khi đại vương nói dối rằng, ngài đến đây bằng xe! Xin tất cả chư vị và Chư Tăng đại chúng ở đây hãy làm chứng cho!*

Mọi người không ngớt lời tán dương ca ngợi biện tài của đại đức Na-Tiên. Riêng năm trăm người tùy tùng thì cung thỉnh đức vua tìm cách luận thắng đối phương.

Sau một hồi làm thính, đức vua Mi-lan-đà nói:

- **Đại đức biện luận hay lắm! Nhưng mà hãy nghe trẫm nói đây! Tất cả những bộ phận chi tiết như thùng, mui, cựa, bánh, trục v.v... nếu năm riêng lẻ thì không thể gọi là xe, nhưng chúng kết hợp toàn bộ lại thì giả danh gọi là xe, có phải thế chẳng? Vậy trẫm bảo rằng, trẫm đến đây bằng xe đâu phải lời nói dối?**

- *Tâu đại vương! Cũng thế, tất cả những cái gọi là tóc, lông, móng, răng, da, ngũ uẩn, lục căn... nếu chúng năm riêng lẻ thì làm sao được gọi là Na-Tiên? Nhưng nếu được kết hợp lại thì giả danh gọi là Na-Tiên! Bản tăng nói rằng, bản tăng tên là Na-Tiên thì đâu phải lời nói dối?*

Nghe đến đây, đức vua Mi-lan-đà vô cùng thích thú, hết lòng tán thán đại đức Na-Tiên:

- **Hay lắm! Hôm nay, lần đầu tiên trong đời cái lỗ tai của trẫm rất là hoan hỷ, đại đức có biết thế chẳng?**

Cả đại giảng đường vang lên tiếng "*lành thay, lành thay!*" làm chấn động cả kinh đô Sàgala.

b. Câu hỏi thứ Hai về con số Hạ Lạp

Để cho không khí im lặng lại một lúc, đức vua hỏi tiếp:

- **Đại đức năm nay được bao nhiêu hạ Lạp rồi?**

- *Thưa, bản tăng tu mới được bảy hạ.*

- **Con số 7 ấy là đếm luôn cả đại đức vào trong, hay là chỉ đếm cái hạ không thôi? Con số 7 ấy là con số của đại đức hay con số của hạ?**

Khi ấy, đức vua đang mặc ý phục vương giả với những đồ trang sức quý báu, cái bóng sáng rờ của ngài rọi vào trong chai đựng nước ai cũng trông thấy rõ ràng. Đại đức Na-Tiên đưa tay chỉ, rồi hỏi ngược lại rằng:

- *Tâu đại vương! Cái bóng với đồ trang sức rờ trong chai nước kia là đại vương, hay người đang đối thoại với bản tăng đây là đại vương?*

- **Trẫm đây mới thật là trẫm, còn cái bóng kia nương nơi trẫm mà có. Nó có là bởi trẫm.**

- *Cũng thế, tâu đại vương! Số 7 kia là số hạ Lạp chứ không phải bản tăng, nhưng nó có được là do nương gá nơi bản tăng. Nó có là bởi bản tăng.*

- **Hay lắm! Quả thật đúng như**



Vua Di-Lan-Đà (Menander)

vậy! Cục đá quăng qua thì cục chì ném lại. Thật thú vị làm sao!

c. Câu hỏi thứ Ba: Đàm thoại như một Trí giả hay như một Vương giả?

Sau hai câu hỏi mở đầu, đức vua biết là gặp được bậc trí tuệ, nên ngài muốn đi sâu vào giáo pháp, bèn ướm lời:

- **Bạch đại đức! Trẫm rất thích đàm đạo với đại đức về nhiều vấn đề khác nữa, nhưng không rõ đại đức có hoan hỷ không?**

- *Tâu đại vương! Cái đó còn tùy thuộc nơi đại vương! Nếu đại vương đàm thoại mà lấy tư cách một Trí giả (Panditavada), thì bản tăng sẵn sàng hầu đáp. Nhưng nếu đại vương đứng trên tư cách mình là bậc Vương giả (Rajavada), thì xin thưa thẳng, bản tăng sẽ không thể hầu đối được.*

- **Tư cách một Trí giả là như thế nào?**

- *Tâu đại vương! Phàm là Trí giả nói chuyện với nhau, bao giờ cũng nói lời ngay thật, muốn trao đổi hiểu biết, soi sáng hiểu biết cho nhau.*

Trong câu chuyện, nếu có những lý lẽ đưa ra, dù đúng, dù sai, dù cao, dù thấp, dù phải, dù trái v.v... các bậc Trí giả không bao giờ vì thế mà phiền lòng hay nóng giận. Họ tôn trọng nhau, dù ý kiến, tư tưởng có bất đồng chẳng nữa. Thắng, bại không hề làm cho họ chau mày, mà chính chân lý, sự thật mới thuyết phục được họ. Nếu gặp phải đối phương là tay lợi trí, lợi khẩu, hùng biện đại tài, bậc Trí giả không vì thế mà tìm cách cản ngăn, áp chế, bắt ngừng nói, đuổi ra khỏi chỗ ngồi; hoặc lơ lửng dùng những xảo thuật miêng lưỡi, ngụy biện nhằm tranh thắng cho kỳ được! Đây là cốt cách, phong thái đầy hiểu biết của bậc Trí giả, tâu đại vương!

Đức vua gật đầu mỉm cười:

- **Đúng bậc Trí giả là vậy! Còn tư cách của bậc Vương giả là thế nào, thưa đại đức?**

- *Tâu đại vương! Bậc Vương giả vì quen sống trong quyền lực, nhất hô bá ứng, nên khi đối thoại thường quen áp đảo, bắt buộc kẻ khác chấp thuận quan điểm của mình. Nếu có ai đó nói một câu không vừa ý, hoặc đối nghịch với tư kiến của mình; bậc vương giả sẽ không hài lòng, sẵn sàng dùng*



quyền uy của mình mà bắt tội, chẳng dựa vào lẽ phải và công bằng. Những cuộc nói chuyện như thế rồi chẳng đi đến đâu, vì thái độ và lối xử sự của các bậc Vương giả đã **tự ngăn chặn con đường về với sự thật, đốt cháy mỗi cảm thông và cắt đứt sự hiểu biết**. Đối thoại trong tư thế bậc Vương giả thường rơi vào một chiều, phiến diện và ngổ cụt như vậy đấy, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà lại gật đầu nữa:
- **Hay lắm, thưa đại đức, trăm đã hiểu rõ rồi. Trăm chẳng thích cách nói chuyện của người Vương giả, trái lại, trăm sẽ cố gắng xem mình là người Trí giả để hầu chuyện với đại đức. Khi đối thoại, đại đức hãy quên cái hào nhoáng cao sang bên**

ngoài của trăm đi, mà hãy tiếp xúc với chính con người của trăm thôi. **Đại đức cứ nói chuyện một cách tự nhiên, bình thường như đại đức nói chuyện với chư tỳ kheo, tỳ kheo ni, sa di, sa di ni, cận sự nam, nữ v.v...; thậm chí như nói chuyện với người hộ tự, người quét rác, người nấu ăn trong ngôi chùa này cũng được vậy, trăm không bắt lỗi gì đâu!**

- Tâu đại vương! Ngài đã phán những lời rất cao quý, rất hay, rất đúng đắn, đúng là lời của một bậc minh quân vĩ đại nhất trên thế gian. Bần tăng rất khâm phục, và bần tăng sẽ rất hoan hỷ, thoải mái để hầu chuyện với Đại vương như là một bậc Trí giả

- **Vậy đại đức hãy nghe Trăm hỏi.**
- *Tâu, xin ngài cứ hỏi đi?*
- **Bạch, trăm đã hỏi xong rồi.**
- *Thưa, bần tăng đã đáp rồi.*
- **Đại đức đáp như thế nào?**
- *Đại vương hỏi như thế nào?*

Đức vua Mi-lan-đà vì vui thích mà thử trí tuệ của đại đức Na-Tiên đó thôi, các câu hỏi này chỉ lặp lại, nhưng giàng đường thì mọi người hoan hô, tán thán vang rân.

Đến đây đức vua bảo viên đại thần Devamantiya đến đánh lễ đại đức Na-Tiên và xin mời ngài vào hoàng cung ngày mai."

Đến cuối đời vua Menander, trong nước không được yên. Nhà vua lại phải đem quân đi đánh giặc. Menander đã bị chết trong một cuộc hành quân. Cái chết của nhà vua đã đem lại tiếc thương của cả nước. Theo Plutarch, sử gia Hy-Lạp, các bộ lạc trong nước tranh nhau dành ngọc xá lợi của nhà vua sau khi được hỏa táng.

Sau triều đại Menander, nhiều thế hệ con cháu người Hy-Lạp tiếp tục cai trị vùng đất vương quốc của Menander. Vương quốc này trở nên suy yếu, ảnh hưởng của văn minh Ấn-Độ ngày một gia tăng, trong khi những gì là giá trị Hy-Lạp nhạt dần trong xã hội. Sang đến cuối thế kỷ thứ 2 sau Tây Lịch, nghĩa là 350 năm sau vua Menander băng hà thì người ta không còn thấy một cộng đồng Hy-Lạp đáng kể nào nữa.

5. Di Tích của người Hy-Lạp tại Ấn-Độ

Người Hy-Lạp đã để lại những gì sau cuộc gặp gỡ Đông Tây suốt trong chiều dài lịch sử, bắt đầu từ cuộc chinh phạt Đông tiến của vua A-Lịch-Sơn Đại-Đế?

Nhiều người Hy-Lạp đã trở thành Phật Tử. Dù cho đến 500 năm sau khi Đức Phật Thích Ca thành đạo, người Ấn-Độ đã không hình dung ra được Đức Phật như là một thực thể con người. Kinh Phật chỉ chép lại Ngài có 32 tướng tốt với 80 vẻ đẹp. Trong các trụ đá, các hang động, hình tượng về Đức Phật chỉ là những bánh xe Pháp Luân, gốc cây Bồ Đề, hay cùng lắm là những vết chân mà người ta nghĩ là của Đức Phật.

Hy-Lạp, ngay từ thế kỷ thứ 5, thứ 6 trước Tây Lịch, đã có một nền văn minh khá cao, được các sử gia coi là nền văn minh cơ bản cho học thuật và văn hóa Tây phương, ảnh hưởng nhiều đến văn hóa La Mã và Âu Châu. Hy-Lạp đã có những nhà điêu khắc, đắp tượng rất giỏi mà tác phẩm còn lưu truyền mãi đến bây giờ tại các viện bảo tàng danh tiếng trên thế giới.

Không được trực tiếp nhìn Đức Phật, nghệ nhân Hy-Lạp đã tạc tượng Đức Phật như là một vị thần, đẹp trai, khỏe mạnh, thần Apollo, vị thần của ánh sáng, của trí tuệ. Những tượng đó, tóc xoăn, tai dài, vóc dáng Tây phương, lần lần trở thành những tượng Phật trong các chùa chiền tại nhiều nước ngày nay.

Đào Viên

Tài liệu tham khảo:

a) *The awakening of the West- the Encounter of Buddhism and Western Culture của Stephen Batchlor*

b) *Nghiên Cứu Phật Học. Triết học Phật giáo- Kinh Na tiên Tỳ kheo viết bởi Cao Hữu Đỉnh*

c) *Buddha Sasana - Mi Tiên Vấn Đáp (Milinda Panhà)- Dịch Giả Hòa Thượng Giới Nghiêm*

Chú thích:

1) Hòa Thượng **Thích Trí Thủ**, thế danh Nguyễn Văn Kính, sinh năm 1909, mất năm 1985, 76 tuổi đời, 56 tuổi đạo, là một cao tăng thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam. Ngài đã xuất gia thọ giới năm 17 tuổi với Hoà Thượng Viên Thành, chùa Trà Am, Huế. Năm Ngài 20 tuổi (1929), được Bốn sư cho vào thọ giới Cụ Túc (Tỳ Kheo) tại Đại giới đàn chùa Từ Vân ở Đà Nẵng. Ngài đã dẫn đầu nhiều phái đoàn đại biểu Phật giáo Việt Nam tham dự Đại hội Phật Giáo Quốc Tế.

2) Hòa thượng **Thích Giới Nghiêm** (Thitasilamahathera), thế danh Nguyễn Đình Trần, sinh ngày 5/5/1921 tại làng Giạ Lê Thượng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Ngài xuất thân trong một gia đình có truyền thống đạo đức lâu đời, tại một quê hương nghèo khổ, nhưng lại phát tích rất nhiều tu sĩ và cao tăng thuộc cả hai truyền thừa Nam Bắc tông. Chỉ riêng trong gia đình, bác của Ngài - Hòa thượng Thích Phước Duyên - và chú của Ngài đều là bậc xuất gia. Còn vị thân sinh - Hòa thượng Thích Quang Diệu (Nguyễn Đình Tài) - sau nửa cuộc đời lập gia đình với mẹ của Ngài là cụ bà Huỳnh Thị Thành, cũng xuất gia, sống đời phạm hạnh.

Ký thác

*nay ta cuốc đất phơi già mông
còn em hương phấn đã nhòa chưa?
chung quanh những cảnh đời xao động
còn có trong nhau mấy đợi chờ?
nay ta sỏi đất nuôi mầm sống
còn em khép cửa tập làm thơ
chung quanh những cảnh đời hôn ám
còn thấy mai kia bóng ngọn cờ
nay ta mua đất bên trời rộng
cắt một chồi thơ, uống rượu thiền
còn em mắt đã phai màu biếc
ngồi vọng ân tình giữa đảo điên
nay ta ôm đất trời mà ngủ
đợi lúc xuân sang rộn sắc hoa
ta sẽ đưa em về quê cũ
cuốc đất chôn ta dưới cội già.*

Diệu âm

*mưa đầu núi dạt về bãi rộng
bến trắng non lồng lộng gió bay
người qua sông lặng lẽ bầy
bầu trời thình vắng bỗng đầy âm thanh.*

Giục chào

*người còn giữa bóng tối cầm
nghe ra vắng tiếng vĩ cầm trong mưa
nghe ra phố thị mấy mùa
vẫn xoay hình tích cột đèn già danh
nghe ra ngoài cõi trăng thành
mưa Trường sơn gọi sóng lành biển nam
bão xưa đã chết trên đầm
bóng mây mông mị bao năm vẫn còn
nghe ra kiếm lịch so đàn
giấy chưa đốt
tuổi vàng son đốt rồi
đường về chưa vội ra roi
ngựa lồng trong bóng chiều thoi thóp mờ
ngoài đời còn có ai chờ?
tóc tro xỏa xuống mây bờ chiêm bao
nghe ra ngục tối
nghe vào
vĩ cầm nén tiếng giục chào tri âm.*

PHÙ DU



Dấu chân Đức Phật



Tượng Đức Phật tóc xoăn, tai dài, vóc dáng theo chuẩn mực của thần Apollo Hy Lạp



TRIẾT GIA PHẠM CÔNG THIỆN Ra đi giữa cuộc Vô Thường

Nguyễn Siêu

Thầy Phạm Công Thiện - một Triết gia; một nhà giáo dục; một nhà văn hóa; một thi sĩ Phật tử thuần thành quy y Tam Bảo với ôn Già Lam, pháp danh Nguyên Tánh tại Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang, đầu thập niên 60.

Giờ đây Thầy đã xả bỏ báo thân, nhưng chưa từng một lần xả bỏ, như lời Thầy nói. Thầy đến trong cuộc đời này như "Hồ Thắm Tư Tưởng" và hôm nay Thầy ra đi như "Im Lặng Hồ Thắm". Tất cả đều là "Hồ Thắm" của vô ngôn, không đi và không đến. Đến và đi với Thầy chỉ là một ngôn ngữ của "Hồ Thắm", một thứ ngôn ngữ của "Im Lặng", của "hoang vu trên mặt đất". Hiện thân của Thầy trong cuộc đời này như sự hiện thân của đất trời man nhiên, sương mù, khói đá, biển xanh và đỉnh cao.

Bảy mươi một năm ở với đời, Thầy đi bằng đôi chân của một Triết gia, "thần đồng của thời đại"; một thi sĩ "Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất"; một nhà giáo dục đã dẫn tuổi trẻ đi vào tư tưởng mộng lung huyền nhiệm và một nhà văn học có sức thu hút đến từng trái tim của thế hệ đôi mươi của nhiều thập niên về trước. Trong cuộc đời nhiều cảnh trạng vô thường, Thầy đã lên thác xuống ghềnh bằng bút tích dị thường để ghi lại những mảnh đời tan rã rồi hợp, thành rồi vỡ đầy ắp trong những tác phẩm phi thường lưu lại cho hậu thế.

Trong tầm cỡ lối lạc của một Triết gia được chuyên chở qua hai nền Triết học Đông Tây, Thầy đã đột nhập và phá tung cánh cửa ngôn ngữ của loài người trên mặt đất.

Nếu chịu khó đi lần vào những tác phẩm của Thầy thì sẽ thấy ngay một Triết gia, một thi sĩ, một nhà văn hóa lớn đang tĩnh tọa trên đỉnh núi cao của thế kỷ, và ở nơi đó con người mãi đắm mình trong núi rừng của ngôn ngữ Triết học, thi ca mà Thầy đã phổ diễn tài tình, lịch nghiệm.

Sau đôi mươi năm làm thân kẻ sĩ giữa cuộc vô thường, Thầy đã quẳng gánh bụi hồng để bước chân vào thế giới Diệu thường của Phật pháp và từ đó, Thầy đã hóa thân theo hạnh Bồ Tát. Ngôn ngữ Bồ Tát của Thầy đã dệt thành lời để ca tụng con đường Bồ Tát Đạo, Bồ Tát Hạnh và Bồ Tát Nguyện. Thầy mang cả trái tim của người Tăng sĩ để

phụng hiến cho đời. Thầy đã sống và sống một cách thành thiết an nhiên, tự tại trong nền văn hóa giác ngộ của Phật giáo Việt Nam. Thầy được un đúc, trưởng thành trong nền văn hóa giác ngộ đó để rồi hiện thân như một Lạt Ma Tây Tạng, trì chú, bắt ấn với đời sống tâm linh cao với vượt thoát. Nơi đây, Thầy đã để lòng thương yêu đến cả loài vật, cỏ cây, sỏi đá, Thầy đã nói những lời hy hiến cả đời mình để phụng sự cho chúng sinh, và chỉ có lý tưởng phụng sự cho chúng sinh mới là lý tưởng siêu tuyệt. Lý tưởng của Bồ Tát. Thầy đang làm hạnh Bồ Tát.

Một buổi sớm mai, tách café vừa cạn, điều thuốc cũng vừa tàn, Thầy lại hóa thân vào cuộc vô thường, huyền ảo, nhiều mộng mị. Thầy đi, đi từ thế giới phương Đông qua thế giới phương Tây và đi khắp mọi nơi trên mặt đất. Từ những dấu chân đi ấy, Thầy đã lưu lại nhiều vô kể những tư tưởng cao siêu cả đời lẫn đạo, cả Tăng lẫn tục, cả hữu ngôn lẫn vô ngôn. Thầy đã gõ cửa từng vị triết gia, tư tưởng thời ấy. Triết gia của phương Đông, tư tưởng của phương Tây như là những người bạn chí thân, tri kỷ. Thầy đọc, Thầy viết những tư tưởng của loài người như đọc và viết những tư tưởng của chính Thầy, vì đó mà Thầy được tôn xưng là Triết gia, thần đồng hay nhà văn hóa lớn của thế kỷ. Nhưng, có lẽ vì Triết gia thần đồng hay nhà thơ nhiều mộng mơ mà Thầy đã đắm nát cả thế giới tục đế, như "những bước chân nhẹ nhàng trở về sự im lặng" và thực sự Thầy đã im lặng ra đi như chưa một lần ra đi nào cả. Thầy chỉ đau nhẹ, tự mình điều hòa hơi thở, bắt ấn tam muội đi vào thiền định.

Nơi đây, những gì đã có với Thầy một thời sinh tiền như là một kỷ niệm chỉ có thể cảm nhận mà không thể nói ra như một thứ ngôn ngữ phiêu bồng.

Giữa cuộc đời vô thường hay diệu thường, giữa cảnh giới tục đế hay chân đế, giữa bậc Thánh giả hay phàm phu, Thầy là tất cả như bông hoa cỏ nội mây ngàn, núi cao biển rộng hàm tàng đại thể như nhiên.

Nguyễn Siêu
Xuân Tân Mão



GS. PHẠM CÔNG THIỆN (1941 – 2011)

GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A.
Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

CÁO BẠCH

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư Tôn Thiên Đức,

Kính thưa quý đồng hương Phật tử,

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ xin kính cáo bạch cùng chư tôn Thiên Đức và đồng hương Phật tử mười phương:

Giáo Sư Phạm Công Thiện, Pháp danh **Nguyên Tánh**,

Sinh ngày 01 tháng 6 năm Tân Tỵ, 1941, tại Mỹ Tho, Việt Nam,

- Tiến Sĩ Triết Học tại Đại Học Sorbonne, Pháp,

- Nguyên Giáo Sư Triết Học tại Đại Học Toulouse, Pháp,

- Nguyên Khoa Trưởng Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn tại Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn; Giám Đốc Soạn Thảo Chương Trình Giảng Dạy cho tất cả các Phân Khoa của Viện Đại Học Vạn Hạnh từ năm 1966 tới năm 1970,

- Nguyên Chủ Biên Tạp Chí Tư Tưởng của Viện Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn,

- Nguyên Giáo Sư Phật Học tại các Học Viện, Cao Đẳng Phật Học tại Hoa Kỳ,

- Nguyên Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Hoa Kỳ, Văn Phòng 2 Viện Hóa Đạo,

Đã thuận thế vô thường, xả bỏ thân tứ đại vào ngày 08 tháng 3 năm 2011 (nhằm mùng 04 tháng Hai, Tân Mão), tại Thành Phố Houston, Texas, hưởng thọ 71 tuổi.

Đề tưởng niệm công đức lớn lao mà Cố Giáo Sư Phạm Công Thiện đã đóng góp cho nền văn hóa, giáo dục và hoằng pháp của Phật Giáo Việt Nam trong cũng như ngoài nước suốt nửa thế kỷ qua, GHPGVNTNHK sẽ long trọng cử hành lễ tưởng niệm và cầu siêu vào lúc 11 giờ sáng Chủ Nhật, ngày 13 tháng 3 năm 2011 tại Chùa Viên Thông, 15933 Clark Avenue, Bellflower, CA 90706. Tel. (562) 867-8929.

Kính cung thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni từ bi quang lâm chứng minh hộ niệm và kính mời quý đồng hương Phật tử hoan hỷ đến tham dự để trợ niệm cho Giác Linh Cố Giáo Sư Phạm Công Thiện, Pháp danh Nguyên Tánh được nhờ Phật lực tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc quốc. Đồng thời, Giáo Hội thành tâm khuyến thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni tại các Chùa, Tự Viện, Tu Viện tùy hoàn cảnh sở tại thiết lễ tưởng niệm công đức và cầu nguyện cho Giác Linh Cố Giáo Sư Phạm Công Thiện siêu sanh Tịnh Độ.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật tác đại chứng minh.

Santa Ana, ngày 09 tháng 3 năm 2011,

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK

Chủ tịch,

Sa Môn Thích Trí Chơn



Từ trái sang phải: Triết gia Phạm Công Thiện, Nhà văn Doãn Quốc Sỹ và TT. Thích Nguyên Siêu. Ảnh chụp trong ngày ra mắt tác phẩm "Huyền Thoại Duy Ma Cật" của TT. Tuệ Sỹ, tại Houston, Texas, ngày 04.11.2007.



RA ĐI BÌNH AN, THẦY NHÉ!

Thích Giác Hạnh



Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thành kính bái bạch giác linh Hoà Thượng!

Trước tiên, cho con được gọi Ngài bằng tiếng "Thầy" thân thương và đạo tình, như Ngài vẫn thường xưng hô với con khi còn tại thế.

Thầy kính yêu của con!

Sáng nay, nhận được hung tin từ Ni sư Trụ Trì chùa Hải Ấn - Georgia, lại một lần nữa con thấy đất trời như sụp đổ quanh mình. Chỉ trong vòng một tháng thôi, Phật Giáo Việt Nam đã phải ngậm ngùi vĩnh viễn chia tay với các bậc cao tăng và cư sĩ kiệt xuất: Từ quê nhà, Đại Lão Hoà Thượng thượng Bào hạ An - bậc Tôn sư quý kính của con - vừa xả bỏ thân tứ đại để về với nước Phật an vui vĩnh cửu; Tại Hải ngoại, Dịch giả Sunanda Phạm Kim Khánh, Triết gia Phạm Công Thiện cũng tạ từ trần gian để về với thế giới an nhiên tịch tĩnh... Và hôm nay, nhận được tin Thầy vừa giã từ thế giới phù du sau một lần đi qua trần thế.

Thầy kính! Con còn nhớ rõ lắm cái lần đầu tiên con được gặp Thầy. Đó là một ngày Hè giữa năm 2006, con đến Chùa Viên Thông - Georgia diện kiến một vị Hoà Thượng có vóc dáng nhỏ bé mà người ta thường gọi là "Hoà Thượng xe Bus". Lần đầu con hầu chuyện với Thầy khá lâu. Thầy cởi mở, thân tình mà gần gũi làm sao! Hình ảnh lần đầu diện kiến ấy là ấn tượng không bao giờ xoá nhoà trong con.

Gặp Thầy, con như kẻ tìm được minh quân, như đoàn hải hành giáp mặt với ngọn hải đăng giữa mênh mông đêm tối. Thầy diu dắt con những ngày tháng đầu tiên bơ vơ trên đất Mỹ. Những cơ sở Phật giáo Việt Nam ở vùng đông-nam Hoa Kỳ này, nơi nào Thầy đến, nơi đó Thầy dắt con đi. Thầy dẫn con về chùa Lộc Uyển - Florida, Thầy giới thiệu con đến với Hội Phật Giáo Myrtle Beach - South Carolina, Thầy ân cần động viên những lúc con tưởng như mình sắp ngã gục... Thầy ơi, bao nhiêu ân

tình, biết bao giờ con mới đền đáp được đây!

Gần Thầy, con học được cốt cách bình dị của một cao Tăng mà không phải ai cũng có thể làm được. Vóc dáng nhỏ bé, tuổi đã cao...mỗi lần đi hoằng pháp, Thầy kéo theo cái va-li nặng lắm; con muốn xách phụ Thầy, nhưng Thầy không cho. Thầy nói dù tuổi Thầy cao, nhưng còn kéo được thì Thầy không muốn làm phiền người khác. Thầy là vị Hoà Thượng cao niên của Giáo hội, con cung kính gọi Thầy bằng "Hoà Thượng", bằng "Sư Ông" để tỏ lòng kính trọng; Thầy bảo con gọi "Thầy" nghe cho gần gũi và thân tình. Suốt mấy chục năm ròng trên những chuyến xe Bus dọc ngang nước Mỹ, Thầy đi vận động Phật tử tạo dựng bao nhiêu ngôi chùa, nhưng Thầy không trụ lại một nơi nào với danh nghĩa "Trụ trì" hay "Viện chủ". Vạn pháp vốn "Không" thì với Thầy chùa chiền, chức vụ, đệ tử nào có nghĩa lý gì...chỉ là hư danh, phù phiếm, ảo ảnh trong một chuyến viễn du... phải không, bạch Thầy!

Sống giữa dòng đời nghiệt ngã, thế thái nhân tình đổi trắng thay đen, người ta phản Thầy. Bị lẫn quẩn trong cái vòng thị-phi nhơn-ngã, đua chen danh lợi, phù du chức vị, người ta tìm cách bôi nhọ Thầy, hạ bệ Thầy. Bao lần con chứng kiến cảnh giả nhân giả nghĩa, lừa thầy phản bạn, người ta hại Thầy, bêu rếu Thầy. Vậy mà Thầy vẫn im lặng, mặc nhiên!

Thế cuộc đổi thay, Thầy đứng mũi chịu sào; gánh vác trọng trách giáo hội, Thầy làm bìa cho người đâm kẻ bắn; thương đàn hậu tấn, Thầy chấp nhận búa rìu dư luận. Tiếp xúc cùng Thầy, con nhận ra nơi Thầy luôn toả sáng tình thương; hầu chuyện cùng Thầy con hiểu được những ưu tư của Thầy cho cơ đồ Đạo pháp...

Hôm nay, những hoài bão - ưu tư của Thầy còn đó, búa rìu dư luận những kẻ vô minh vẫn còn đây; thì Thầy kính yêu của con đã nhẹ bước ra đi, mang theo bao nhiêu đạo tình sang thế giới bên kia sau chuyến ngao du qua quả đất này!

...Hơn một năm qua, con sống tự túc về mọi mặt. Biết con khó khăn, tháng nào Thầy cũng gọi điện động viên. Để duy trì "ngôi chùa online", con ôm máy đi khắp các thư viện Seattle, Lynnwood, Shoreline, Atlanta hay Đại học Edmonds...nhiều lúc mệt mỏi; Thầy bảo con phải cố gắng "ôm" cái "kho báu" truyền thông đại chúng. Tương lai Phật Giáo Việt Nam rất cần những kênh thông tin đại chúng để truyền bá chánh pháp! Thầy khuyên con chuyển về California sống để phụ giúp việc giáo hội. Thầy tìm chỗ gửi gắm để con được về ở gần Thầy, phụ giúp Thầy một tay...nhưng rồi con lại không về California. Không phải con sợ "chụp mũ", mà con cần tìm một nơi có nhiều thời gian hơn để kiểm chứng lại những kiến thức đã thu thập và nhìn lại chính mình. Xin Thầy thứ lỗi cho con!

Đầu tháng 11 năm ngoái, trong cuộc "hành trình gió bụi", con lái xe một mình từ Seattle - Washington về đến Atlanta - Georgia. Đến California, con cố gắng sắp xếp đến thăm Thầy và Thầy Trụ trì chùa Quang Thiện một lần, nhưng lúc ấy ai cũng bận lo lễ tang của Ngài Thuyền Ấn. Biết duyên chưa đủ, con đành lái xe băng qua Arizona và New Mexico trong đêm ấy. Vậy là ước nguyện ấy sẽ mãi mãi chỉ là ước nguyện, biết đến bao giờ...!

Lần cuối hầu chuyện với Thầy qua điện thoại, Thầy dặn con luôn sát cánh, hỗ trợ Tăng ni tại tiểu bang Georgia

trong mọi Phật sự. Thầy bảo con cố gắng cộng tác với báo "Chánh Pháp", và gọi điện nhắn Cư sĩ Vĩnh Hào gửi báo để đọc; con vẫn thường xuyên xem các số báo Chánh Pháp trên internet; những lúc khó khăn như thế này, một con tem cũng là tiền của Giáo hội, thưa Thầy! Thầy nói, bây giờ Thầy ăn kiêng theo kiểu Nhật Bản nên khoẻ lắm; con vẫn đang ăn kiêng theo cách của Thầy đây. Hôm nay, con đang làm theo những lời dạy của Thầy, mà Thầy lại bỏ con ra đi mãi mãi!

Thầy quý kính của con!

Vẫn biết trong đời có đến rồi đi, dẫu kiên cố đến đâu cũng không thoát khỏi hai chữ "Vô Thường". Con cố gắng dặn lòng mình đừng khóc trước cảnh sanh ly tử biệt, nhưng sao khoẻ mắt cay xè!

Ni sư Trụ trì chùa Hải Ấn nói Thầy ra đi nhẹ nhàng lắm. Vâng, giờ đây Thầy đã ra đi! Thầy ra đi nhẹ nhàng như những chuyến xe Bus băng qua thành phố! Nhẹ nhàng như câu chuyện "Hoà Thượng xe Bus ngàn năm có một" ghi lại trong trang sử Phật giáo Việt Nam!

Thầy ơi, con đang chấp tay cung kính tiễn Thầy - bậc Thầy kính yêu của con - trở về với Phật! Thầy ra đi bình an, Thầy nhé!

Georgia - Hoa Kỳ, tháng 3 năm 2011

Con, **Tỳ kheo THÍCH GIÁC HẠNH**

Ân Thầy

*Từ đạo ấy lên chùa Quy-y Phật
Con cúi đầu đánh lễ xuất gia
Nương bóng thầy tìm thoát cảnh Ta-bà
Ân pháp vũ sười hồn con sương lạnh.*

*Thầy đã chấp vào thân con đôi cánh
Giữa trùng dương sóng nước cuộc đời
Dẫu có lúc nước mắt chát bờ môi
Con tự nhủ thầy luôn bên cạnh.*

*Đường thiên lý áng mây chiều chấp chạng
Con tha hương viễn mộng âm thầm
Nơi quê nhà thầy thức với vầng trăng
Nghe bông khế trước hiên chùa rơi khế.*

*Thầy đã gieo vào lòng con thông điệp
Biết làm người biết hiếu nghĩa mẹ cha
Hãy nương theo giáo lý Phật-đà
Và con nhé, đừng bao giờ bội nghĩa!*

*Dẫu cuộc sống lưới đời giăng tứ phía
Gắng đi con, khoác chiếc áo hoại màu
Ai hạnh phúc mà chẳng trải niềm đau
Thì con nhớ, phải tự mình thấp đức!*

*Con vắt vẻo gánh đường đời xuôi ngược
Những lời răn thầy dạy hôm nào
Nương theo thầy con tắm ánh trắng sao
Con mắc nợ. Thầy ơi, Con biết!*

Con quỳ lạy ân mệnh mông trời biển...

HÀN LONG ẨN



ĐỐT HƯƠNG KÍNH TIỄN THẦY NGUYỄN TÁNH PHẠM CÔNG THIỆN

Tâm Huy Huỳnh Kim Quang

Ấn tượng khó quên mà lần đầu tiên tôi gặp Thầy Phạm Công Thiện là Thầy đã khuyên tôi nên tinh tấn tu tập, thực hành lời Phật dạy và niệm Phật.

Lần đó là vào giữa năm 1991, nửa năm sau khi tôi từ New York dời về Cali để sống, thành phố Monterey Park, Los Angeles. Trong đầu tôi, trước khi gặp Thầy, tưởng tượng ra một Phạm Công Thiện hiền ngang và nói thao thao bất tuyệt về triết học Tây Phương, về Trung Quán, về Bát Nhã, v.v... Nhưng không, tất cả những suy nghĩ viển vông và mộng tưởng đó đều bị sụp đổ tan tành khi tôi ngồi đối diện với Thầy Phạm Công Thiện trong một căn phòng nhỏ ở Chùa Diệu Pháp. Thầy Phạm Công Thiện, với dáng điệu từ tốn, khiêm cung, trầm lặng, chỉ nói những điều hết sức bình thường, chỉ khuyên những điều hết sức phổ thông mà người Phật tử nào cũng thường nghe quý Thầy khuyên bảo như thế.

Tuy nhiên, đối với tôi thì điều này lại là một sự kiện không bình thường, một ấn tượng sâu sắc khiến tôi khó quên. Duyên do là vì sự phản nghịch giữa hiện thực trước mắt và ý tưởng trong đầu mà từ lâu tôi đã cư mang. Trong đầu óc tôi, Thầy Phạm Công Thiện là một triết gia, tư tưởng gia, đã từng một thời khuấy động không khí văn học và triết học tại Miền Nam trước năm 1975. Tôi đã từng đọc những cuốn như "Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Và Triết Học," "Hồ Thắm Tư Tưởng," "Im Lặng Hồ Thắm," "Tự Do Đầu Tiên và Cuối Cùng," "Ngày Sinh Của Rắn," v.v... của Thầy từ hồi mới 15, 16 tuổi. Bây giờ trước mặt tôi là một Thầy Phạm Công Thiện đơn sơ, bình dị và trầm mặc chỉ khuyên tôi thường niệm Phật. Đối với tôi, lúc đó, là một chuyện lạ. Có vẻ như Thầy đã dùng cách đó để khai thị cho tôi điều gì. Phải chăng Thầy muốn nói rằng tất cả những triết thuyết và lý luận cuối cùng rồi cũng chỉ là hý luận, mà điều thực tiễn, lợi lạc nhất chính là điều phục tâm mình để thoát ra khỏi những vướng mắc của danh ngôn!

Những năm tháng sau đó, càng gần gũi với Thầy tôi càng hiểu rằng Phật Pháp mới chính là chất liệu sống chính yếu nhất của Thầy. Có lần, khi Thầy còn ở tại Chùa Diệu Pháp, tôi vào phòng thăm Thầy, tôi thấy Thầy nằm trên giường có vẻ mệt mỏi. Tôi hỏi Thầy có sao không. Thầy bảo Thầy mệt từ đêm hôm qua tới giờ. Rồi Thầy lại trấn an tôi rằng không sao đâu, đừng lo cho Thầy, Thầy đã và đang dùng thiền định và thần chú để tự điều trị. Thầy thường xuyên trì chú. Nhiều lần Thầy đã dạy cho tôi mấy câu chú của Mật Tông. Thầy còn khuyên tôi hãy dạy cho đứa con gái của tôi câu chú "An Ma Ni Bát Mê

Hồng," để làm món quà quý giá nhất cho cả cuộc đời nó. Bây giờ cháu lớn lên, đi học xa, tôi mới thấy lời dạy của Thầy thật đúng.

Thầy Phạm Công Thiện là người có lòng với Phật Pháp nói chung và với những anh em lớp trẻ như chúng tôi nói riêng. Trong nhóm Chân Nguyên hồi đó, Thầy thường xuyên khuyến khích quý Thầy như Thầy Viên Lý, Minh Dung, Thông Niệm, Đồng Trí, và mấy anh em cư sĩ như Vân Nguyên, Vĩnh Hào, Như Hùng, và tôi sáng tác, dịch thuật về Phật Pháp để góp phần vào việc truyền bá Chánh Pháp. Thầy chính là người mua sách tặng và khuyến khích tôi dịch cuốn "Đức Đạo Kinh," và "Những Mộng Đàm Về Phật Giáo Thiền Tông." Thầy còn mua tặng cho tôi cuốn "The Buddhist I Ching," bản dịch từ tác phẩm Kinh Dịch Phật Giáo của Tổ Ngẫu Ích Trí Húc, và khuyến tôi dịch, nhưng mãi đến hôm nay tôi cũng chưa dịch xong. Cuối năm 2009, khi đến Việt Báo thăm, Thầy còn nhắc tôi dịch cho xong cuốn sách đó.

Thời gian tôi còn ở trên Monterey Park trước năm 2000, và Thầy ở Chùa Diệu Pháp, Thầy thường đi bộ sang nhà tôi. Hai thầy trò xách ghế ra trước hiên nhà, ngồi uống trà, hút thuốc và trò chuyện. Thầy biết tôi nghèo rất mong tới, nên mỗi khi rủ tôi đi ăn Thầy đều bảo tôi đừng lo, Thầy bao cho. Lần nọ, Thầy kêu tôi lái xe đưa Thầy lên tiệm sách Bodhi Tree ở Los Angeles để Thầy mua sách. Trên đường đi, Thầy kể tôi nghe rất nhiều chuyện vui và dạy rất nhiều điều về Phật Pháp. Cao hứng, Thầy nói rằng nếu trên đời này mà không có đàn bà thì Thầy thành Phật ngay tức khắc. Trong thâm tâm, tôi tin lời Thầy nói đó là thật. Bởi vì với một người có trí tuệ sâu thẳm như Thầy thì chuyện kiến đạo là điều có thể thực hiện dễ dàng, chỉ còn lại phần tu đạo, mà cái chướng duyên lớn nhất là ái dục. Tôi nhớ đâu đó, đức Phật đã nói đại ý rằng cũng may trên đời này chỉ có một thứ là ái dục, chứ nếu có 2 cái giống như thế thì Ngài cũng khó thành Phật. Lần đó, Thầy nói với tôi rằng nhờ Phật Pháp cứu mà Thầy còn sống tới hôm nay, nếu không thì Thầy đã tự tử chết từ lâu vì những khủng hoảng trong cuộc sống.

Mỗi lần nhắc đến vị Bổn Sư của Thầy là Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Thầy đều bày tỏ sự kính ngưỡng sâu xa về Ngài. Thầy nhắc lại rằng mỗi khi có dịp về dâng lễ Hòa Thượng Bổn Sư thì Thầy chỉ thấy nụ cười hiền từ trên khuôn mặt phúc hậu của Ngài, mà không hề nghe một lời khiển trách nào, dù Ngài biết Thầy "lêu lổng bên ngoài."

Có sống gần mới cảm nhận được sự thông thái phi thường của Thầy. Ngoài kiến thức uyên bác về triết lý và văn chương Tây Phương, mà đôi khi Thầy cho là không thể sánh kịp đối với Phật

Pháp, Thầy không những là người có trí tuệ quán thông về Phật học mà còn là một hành giả chuyên cần và tâm đắc. Thầy thông thạo tiếng Phạn, Tây Tạng cho nên, Thầy giảng nghĩa thật tinh tường nhiều thuật ngữ Phật học khó tìm được nơi tài liệu nào khác. Đặc biệt, Thầy rất tâm đắc giáo nghĩa Bát Nhã và Trung Quán. Chính Thầy là người khuyến khích nhà văn Vân Nguyên dịch lược mấy phẩm trong Đại Trí Độ Luận của Bồ Tát Long Thọ, và cuốn Bách Luận của Ngài Đề Bà, rất tiếc chưa kịp xuất bản thì anh Vân Nguyên đã đi theo Phật hồi năm 2004.

Sáng Thứ Tư, ngày 09 tháng 3 năm 2011, 7 giờ rưỡi, điện thoại nhà reo. Trên đầu giấy bên kia, giọng của Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu:

- Tâm Huy ơi, nghe gì chưa, Thầy Phạm Công Thiện mất rồi!

- Sao linh quá vậy! Tôi thảng thốt kêu lên.

Hòa Thượng Nguyên Siêu không hiểu nên hỏi lại:

- Cái gì mà linh quá vậy?

- Thì mới tối hôm qua, tôi nằm mộng gặp Thầy Thiện cùng nhau dạo chơi và trò chuyện ở một cảnh chùa nào đó, mơ hồ không nhớ rõ. Thức giấc giữa đêm, lòng bồi hồi, cảm thấy như có điều gì bất thường đối với Thầy Thiện. Thì ra là Thầy đã ra đi...

Tôi nghĩ rằng Phật Giáo Việt Nam thời hiện đại, ngoài những vị cao tăng thị hiện, còn có được cái may mắn hiếm hoi là cùng một lúc có 3 vị Bồ Tát xuất hiện, đó là Thầy Nguyễn Tấn Phạm Công Thiện, Thầy Nguyễn Chứng Thích Tuệ Sĩ,

và Thầy Trí Siêu Lê Mạnh Thát. Cả 3 vị đều có trí tuệ và thân chứng Phật Pháp rất cao siêu, cũng như đã đóng góp lớn lao cho công cuộc phát triển văn hóa, giáo dục, và hoằng pháp trong nhiều thập niên qua, đặc biệt là xây dựng một Viện Đại Học Vạn Hạnh với hùng phong cao ngất như một thứ thành trì kiên cố bảo vệ nền văn hiến Việt giữa bối cảnh của đất nước đang ngửa nghiêng vì chiến tranh loạn lạc và phá sản toàn diện.

Nói như nhà văn Phan Tấn Hải trong bài viết "Nghĩ Về Nhà Thơ Phạm Công Thiện," đăng trên Việt Báo online gần đây, rằng: "Nếu Tây Tạng có các hoá thân Đạt Lai Lạt Ma, Ban Thiền Lạt Ma, Karmapa, Rinpoche, vân vân... thì Việt Nam mình ngay trong thời này cũng có các hoá thân Bồ tát như các nhà thơ Tuệ Sỹ, Bùi Giáng, Phạm Công Thiện..."

Bây giờ, Thầy Nguyễn Tấn Phạm Công Thiện đã ra đi, còn lại 2 vị Tuệ Sỹ và Trí Siêu ở trong nước mà tuổi đời đã sắp bước qua cái ngưỡng "thất thập cổ lai hy."

Mong rằng Thầy Phạm Công Thiện sẽ hóa sinh trở lại thế giới này và trong lòng Phật Giáo Việt Nam để tiếp tục con đường hoằng Pháp mà Thầy đã một đời hy hiến.

Trưa Chủ Nhật, 13 tháng 3 là ngày hỏa thiêu nhục thân Thầy Phạm Công Thiện tại Houston, Texas, con xin đốt nén tâm hương xông khắp mười phương pháp giới, cúi đầu kính tiễn biệt Thầy nhập Pháp Thân tịnh lạc.

Trên đỉnh tịch lặng

*Rắn trườn lên đồi tây
Rung hết cả rừng cây
Gió về bên đồi đông
Tịch liêu. Chiều. Ráng hồng.*

*Lang thang ngày mây trắng
Rộn ràng như trẻ thơ
Đêm về trên ngô vắng
Một mình. Im. Như tờ.*

*Một đêm đã qua chưa
Hoang vu đất lạnh tằm.
Trên đỉnh tịch lặng ấy
Lật nhẹ bảy mươi năm.*

*Một đêm đã qua rồi
Anh về, lời buông hết.
Đồi cao. Ngồi. Lặng im.
Hoa trắng rợp phương trời.*



(Kính tiễn Thầy Phạm Công Thiện)
Học trò nhỏ của Thầy,

VĨNH HẢO





TÍN TÂM MINH của Tam Tổ Tăng Xán

LỜI TÒA SOẠN: Bài Tín Tâm Minh của Tam Tổ Tăng Xán với lời giới thiệu và bản dịch của cố Cư sĩ Trúc Thiên đã được trích đăng nơi báo Chánh Pháp số 23 (tháng 3.2011). Liền sau khi báo được phát hành, tòa soạn nhận được lời nhắc của Cư sĩ Mật Nghiêm về hai đoạn nhầm lẫn trong bản dịch, do lỗi của người đánh máy: hai đoạn này vẫn giữ nguyên phiên âm Hán-Việt thay vì dịch ra Việt ngữ như bản nguyên thủy của cố Cư sĩ Trúc Thiên. Vì vậy, chúng tôi xin thành kính sám hối với dịch giả, cáo lỗi quý độc giả, và cảm tạ sự góp ý của Cư sĩ Mật Nghiêm.

Đính chính như sau: nơi trang 10 (báo số 23), cột thứ 3, bốn câu đầu: **"Vô cữu vô pháp, bất sanh bất tâm, năng tùy cảnh diệt, cảnh trực năng trầm,"** xin đổi thành **"Không tội thì không pháp, chẳng sanh thì chẳng tâm, tâm theo cảnh mà bật, cảnh theo tâm mà chìm."**

Đoạn nhầm lẫn thứ hai, cùng trang 10, cột thứ 3, hàng thứ 29, với bốn câu sau: **"Lục trần bất ác, hoàn đồng chánh giác, trí giả vô vi, ngu nhân tự phược,"** xin sửa lại là **"Sáu trần có xấu chi, vẫn chung về giác đầy, bậc trí giữ vô vi, người ngu tự buộc lấy."**

Nhân đính chính các lỗi này, cũng xin trích đăng bản chữ Hán của Tam Tổ Tăng Xán nơi đây để quý độc giả tham cứu, ngâm vịnh, vì dù bản dịch có thần đến thế nào, nguyên tác vẫn là chính xác và hay nhất.

信心銘

至道無難
唯嫌揀擇
但莫憎愛
洞然明白
毫厘有差
天地懸隔
欲得現前
莫存順逆
違順相爭
是為心病
不識玄旨
徒勞念靜
圓同太虛
無欠無餘
良由取舍
所以不如
莫逐有緣
勿住空忍
一種平懷
泯然自盡
止動歸止
止更彌動
唯滯兩邊
寧知一種
一種不通
兩處失功
遣有沒空
從空背空
多言多慮
轉不相應
絕言絕慮
無處不通
歸根得旨
隨照失宗
須臾返照
勝卻前空
前空轉變
皆由妄見
不用求真
唯須息見

二見不住
慎莫追尋
才有是非
紛然失心
二由一有
一亦莫守
一心不生
萬法無咎
無咎無法
不生不心
能隨境滅
境逐能沈
境由能境
能由境能
欲知兩段
元是一空
一空同兩
齊含萬象
不見精麤
寧有扁黨
大道體寬
無易無難
小見狐疑
轉急轉遲
執之失度
必入邪路
放之自然
體無去住
任性合道
逍遙絕惱
繫念乖真
昏沈不好
不好勞神
何用疏親
欲取一乘
勿惡六塵
六塵不惡
還同正覺
智者無為
愚人自縛

法無異法
妄自愛著
將心用心
豈非大錯
迷生寂亂
悟無好惡
一切二邊
良由斟酌
夢幻虛華
何勞把捉
得失是非
一時放卻
眼若不睡
諸夢自除
心若不異
萬法一如
一如體玄
兀爾忘緣
萬法齊觀
歸復自然
混其所由
不可方比
止動無動
動止無止
兩既不成
一何有爾
究竟窮極
不存軌則
契心平等
所作俱息
狐疑盡淨
正信調直
一切不留
無可記憶

虛明自照
不勞心力
非思量處
識情難測
真如法界
無他無自
要急相應
唯言不二
不二皆同
無不包容
十方智者
皆入此宗
宗非促延
一念萬年
無在不前
十方目前
極小同大
忘絕境界
極大同小
不見邊表
有即是無
無即是無
若不如守
必不須守
一即一切
一切即一
但能如是
何慮不畢
信心不二
不二信心
言語道斷
非去來今



THIÊN VỊ ĐÀU NON

Ngọc Bảo

(trích dịch từ những bài thơ núi của Shih-Wu 1272-1352)

Tôi ở nơi đây chốn núi rừng có nhiều lúc rảnh rỗi, khi nào không ngủ, tôi thường hay làm thơ. Nhưng vì thiếu giấy mực, nên tôi chẳng nghĩ đến việc ghi lại. Giờ đây có vài vị thiền tăng đến yêu cầu tôi chép lại những gì hay hay nơi chốn sơn lâm này. Tôi đã ngồi đây trong tĩnh lặng và để cho ngòi bút lướt đi. Chẳng mấy chốc, tập giấy đã đầy chữ viết. Tôi đóng tập thơ lại rồi gửi xuống với lời dặn hãy đừng cố ngâm những bài thơ này. Nếu yên lặng thường thức, chắc bạn sẽ thấy điều gì hay trong đó.

*Tôi ở chốn xa xôi hoang vắng
Thờ hương rừng cây lá rêu xanh
Thấy núi ngàn trong mưa trong nắng
Chẳng bao giờ nghe tiếng thị thành
Đốt lá cây, đun nước uống trà
Vớt mây trời, vớt áo cà sa
Đời người sống trăm năm là mấy?
Danh lợi làm chi, lăm úy phiền*

*Thân này chẳng qua như bọt nước
Những gì đến rồi cũng tan đi
Mấy khi việc như điều mong muốn
Hiểu thấu rồi còn thấy lo chi
Ta như hoa nở rồi tàn úa
Hợp rồi tan như đám mây trôi
Chuyện trần thế từ lâu quên lãng
Đỉnh non cao ngày tháng rong chơi*

*Thiền thất cheo leo trên đầu núi
Mây bay ngang mờ phủ lưng trời
Phía trước một giải thác nước đổ
Phía sau triền núi đá chơi với
Trên vách núi vẽ hình ba Phật
Nhánh mai gãy cắm lọ làm nhang
Cánh đồng ở dưới trông như lụa
Sao bằng am không vướng bụi trần*

*Tôi tìm tào tác chẳng tới đâu
Bỗng nhiên gặp chốn núi xanh màu
Tôi dựng lều tranh nơi triền đá
Cao vút cao như thâu tận trời
Lỡ mòn rêu phủ đầy ngõ trúc
Đến đây tôi quên hết nợ đời
Mặc ai theo danh lợi trò chơi
Bao năm sống thiền chẳng mấy chốc
Đầu hạn sương mai tuổi đã già
Kỳ quan của thông và đá lạ
Bao giờ được biết đến với người
Còn mãi đem tâm đi tìm tâm*

*Muốn thành Phật xin hãy cứ miên mật
Như giọt nước nhỏ xuống đá soi mòn
Có đầu nào cứng quá không xuyên được
Chỉ tại người tưởng tâm chướng đó thôi*

*Túp lều tranh tuy trông nhỏ bé
Ai biết trong rộng lớn bao la
Muôn ngàn giải thế giới ngân hà
Đủ cho tôi và gối thiền tọa*

oOo

Shih-Wu ngày nay hầu như không còn được biết tới. Năm 40 tuổi, từ chối không nhận trụ trì một ngôi chùa, ngài đã đi vào núi rừng sống ẩn dật trong đó. Thơ của ngài đầy những lời khích lệ khuyến tu, với những ý từ lấy từ kinh

và những câu chuyện Thiền. Những bài thơ trên đây được viết mười bốn năm trước khi ngài thị tịch. Có hai sưu tập tác phẩm của ngài đã được in ra - những bài thơ núi và một sưu tập những bài kệ, nhưng những cái đó không đủ cho ngài lưu danh lại trong thơ văn Trung Hoa và ngay cả danh tiếng của ngài như một vị Thiền sư cũng lại càng lu mờ hơn. Đọc những lời thơ của ngài, có thể thấy chan chứa trong đó sự hồn nhiên, bình dị và lưu loát.

Nhiều người trong chúng ta cũng mơ đến một túp lều tranh trong chốn núi rừng thanh tịnh để quên hết thế sự, về tu ẩn dật trong đó, nhưng thực sự tập thiền ngay trong những xao động của đời sống thị tứ hàng ngày cũng sẽ đem lại những lợi ích và giá trị sâu xa mà chúng ta phải biết quý trọng.

Thay vì tìm cách thiết lập hai vế nghịch nhau của rừng núi/ẩn tu/giác ngộ đối lại với thành thị/tán tâm/vọng động, sao ta không tập đưa tâm mình đến chỗ không còn đối đãi phân biệt? Sao ta không thực tập để có thể áp dụng tu ở bất cứ nơi nào? Chẳng phải là sự tươi mát của núi rừng không có hiệu quả gì cho chúng ta, nhưng tại sao ta không tạo cho mình một đời sống an lành ở ngay nơi hiện tại đang sống?

Thay vì để tâm vào những điều luôn luôn xảy ra không đúng ý mình mong muốn, thay vì đi tìm cầu một nơi chốn thanh tịnh để tu, chúng ta có thể trở về với túp lều tranh vẫn hằng có sẵn ở ngay nơi chính mình, mà không cần phải lệ thuộc vào ngoại cảnh bên ngoài.

Bạch Ẩn đại sư (1748) đã nói: Hãy làm chiếc áo mình đang mặc thành chiếc áo tràng thanh tịnh

Hãy làm chiếc ghế mình đang ngồi thành chiếc gối tọa thiền

Hãy làm núi rừng và đất đai rộng lớn thành chỗ ta ngồi thiền

Hãy làm tất cả vũ trụ thành hang động thiền thất của riêng mình

Đó mới là sự tu hành chân chính của những bậc đạt đạo, ngày xưa cũng như ngày nay.

Ngọc Bảo

(Trích dịch từ Daily Zen Journal)



HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ CHƠN

Con đường Hoằng Pháp và Văn Hóa

Nguyễn Siêu

Giờ thì Hòa Thượng đã ra đi, ra đi chung quanh quý Thầy, Cô trong môn đồ pháp quyến đang nhất tâm niệm Phật để cung tiễn Hòa Thượng về với Phật.

Đôi ngày nằm ở bệnh viện, nhiều người đến hỏi thăm và hầu chuyện với Hòa Thượng, nhất là Ni Sư Giới Châu túc trực bên giường bệnh đã nghe Hòa Thượng nói nhiều lần, khi bác sĩ bệnh viện muốn thử nghiệm một số cơ phận để tìm hiểu bệnh lý của Ngài, Hòa Thượng dạy:

"Theo sự hiểu biết của tui, thì sự văn minh tiến bộ y học là điều rất cần thiết để cứu người, nhưng hiện tại mình đã là ông Thầy tu, mình có niềm tin trong sáng nơi Phật pháp; mình có chữ Bồ Tát, chữ Phật gia hộ; mình có Phật Dược Sư phát nguyện cứu độ chúng sinh. Mình nhất tâm niệm danh hiệu đức Phật Dược Sư, nếu nghiệp lực mình chưa phải chết thì nương nhờ Phật lực mà được khỏe mạnh lại, chỉ bằng đến lúc phải xả bỏ bảo thân thì ngày đêm mình thường niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà, thì mình về với Phật trong tâm nhẹ nhàng, thanh thản. Đây là điều tui suy nghĩ cả một đời tu hành. Quý Thầy, Cô đưa tui về Bát Nhã để tĩnh dưỡng đôi ngày rồi về với Phật, đó là con đường cuối cùng của ông Thầy tu. Quý Thầy, Cô hoan hỷ, Mô Phật."

Nghe lời dạy của Hòa Thượng, ai cũng nhìn nhau cảm phục, cảm phục niềm tin kiên cố vào tánh đức Từ Bi, vào hạnh nguyện cứu khổ chúng sinh của ba đời chư Phật, và hôm nay Hòa Thượng đã ra đi trong sự cứu độ của chư Phật. Thượng Tọa Trí Thành, pháp đệ của Hòa Thượng, kể lại: "Quý Thầy, Cô hầu bên giường bệnh trước khi Hòa Thượng viên tịch khoảng nửa giờ, Hòa Thượng hãy còn hỏi thăm từng người một, hỏi thăm Chùa Linh Mục trong cũng như ngoài nước. Căn dặn quý Thầy, Cô hãy gìn giữ những ngôi Tam Bảo mà Hòa Thượng đã xây dựng nhiều thập niên qua, ở nhiều tiểu bang, quý Thầy phải biết thương nhau, đùm bọc nhau mà sống nơi xứ người. Chỉ có mình biết thương nhau, đoàn kết với nhau thì cuộc sống mới có ý nghĩa, mới làm lợi lạc cho ngôi Tam Bảo, lý tưởng của người xuất gia. Không khí thân tình, dù người bệnh hay người khỏe, đều diễn ra tự nhiên, thanh thản, không ai nghĩ rằng sau đôi mươi phút truyện trò Hòa Thượng ra đi nhanh và tự tại như vậy."

Sắc mặt Hòa Thượng đôi chút thay đổi, mắt hơi nhắm, yên lặng, nhẹ nhàng, Hòa Thượng an nhiên thị tịch giữa những lời niệm Phật tiếp dẫn. Thượng Tọa Trí Thành đưa tay vuốt nhẹ đôi mắt và nâng cằm của Hòa Thượng lên. Tất cả sự ra đi của Hòa Thượng chỉ có thế. Một đời Tăng sĩ 46 hạ lạp, đã được hiến dâng tất cả bằng tâm huyết nhiệt thành cho đời, cho đạo.

Con Đường Hoằng Pháp

Hòa Thượng là đệ tử của đức đệ tam Tăng Thống GHPGVNTN, đại lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, chùa Linh Mục, Huế. Suốt cả một đời hành điếu, cũng như khi lớn lên dưới mái chùa cổ kính nổi tiếng trên dòng Hương Giang ấy, Hòa Thượng đã luôn đặt trọng tâm vào công việc hoằng pháp và văn hóa. Con đường hoằng pháp của Hòa Thượng dù ở trong nước hay xuất ngoại du học Ấn Độ, tốt nghiệp học vị Tiến sĩ, du nhập vào đất nước Hoa Kỳ, Hòa Thượng luôn là người biểu tỏ tấm lòng cầu mong Phật pháp được lan truyền đến mọi tầng lớp xã hội, đến các quốc gia, dân tộc khắp nơi trên thế giới. Vì tâm nguyện này mà Hòa Thượng đã không từ nan, quản ngại mọi khó khăn, cách trở xa xôi, Hòa Thượng đã dẫn thân đi vào sinh hoạt các tổ chức Phật giáo của các quốc gia Á Châu như: Nhật Bản, Đại Hàn, Đài Loan, Hồng Kông, Tân Gia Ba, Tích Lan, Mã Lai, Mông Cổ... để nghiên cứu tinh hoa của Phật giáo bạn chắt lọc ứng dụng cho Phật giáo Việt Nam, ngõ hầu đem Phật pháp vào lòng người.

Từ những nghiên cứu cho công cuộc hoằng pháp ở các quốc gia Đông phương, Hòa Thượng cũng đã nỗ lực không ngừng để tầm nghiên cứu, tham khảo con đường hoằng pháp của các tổ chức Phật giáo và văn hóa của các quốc gia Âu Tây như: Anh, Pháp, Đức, Ý, Bỉ, Hòa Lan, Đan Mạch, Thụy Sĩ, Na Uy, Phần Lan, Thụy Điển, Hy Lạp, Tây Ban Nha... trước sau như một, Hòa Thượng đã thật sự hiến thân phụng sự đạo pháp. Qua bao thập niên, với tấm thân nhỏ nhắn, ốm gầy, trên vai một tay nài, trong tay một túi xách vật dụng tùy thân, một cuốn sổ nhỏ ghi lịch trình sinh hoạt thuyết giảng các Tự Viện, mà Hòa Thượng đã thành lập cho các Phật tử địa phương, Ngài đã rày đây mai đó đi khắp các tiểu bang Hoa Kỳ. Bằng tấm lòng phụng hành di ngôn của Phật: "Này các Tỳ kheo, các con hãy đi và đi một mình. Đi vì sự bình an, hạnh phúc cho con người và chư Thiên. Đi để đem giáo pháp giải thoát cho muôn nơi và chúng sinh trong cuộc đời này. Các con hãy lên đường vì hạnh phúc và lợi ích chung." Hòa Thượng đã đi đến từng địa phương heo lánh ở các tiểu bang xa xôi, nơi có cư dân người Việt tha hương tị nạn để xây dựng cho họ đời sống tâm linh nơi hải ngoại. Trong công cuộc hoằng pháp này, Hòa Thượng đã đích thân lãnh đạo tinh thần, chứng minh Đạo Sư, hay cố vấn các Tự Viện, Hội Phật giáo, cộng đồng Phật giáo ... khoảng 36 đơn vị của các tiểu bang Hoa Kỳ. Cuộc hoằng pháp đi sâu vào hạ tầng cơ sở của Hòa Thượng đã tạo dựng nền móng vững chắc cho Giáo Hội, bồi đắp và giữ vững niềm tin Phật pháp của cộng đồng Phật tử nơi đó. Hòa Thượng đã được tôn xưng là vị Tổ khai sơn các Tự Viện, Hội Phật giáo, cộng đồng Phật giáo của các địa phương ấy. Ngài được phong tặng

biệt danh "Hòa Thượng xe bus" để nêu cao công hạnh hy sinh, kham nhẫn, hoằng dương Phật pháp bằng những phương tiện di chuyển khiêm tốn trên những chuyến xe lửa tốc hành, trên những chuyến bus xuyên bang suốt đêm với những gói chip, những phần ăn thanh cảnh nơi các trạm xe mà hoàn thành Phật sự hóa độ sâu dày.

Con Đường Văn Hóa

Nếu nói rằng con đường Hoằng Pháp là tâm huyết của Hòa Thượng thì con đường Văn Hóa là tim óc một đời của Hòa Thượng để có được những dịch phẩm nổi tiếng để đóng góp cho ngôi nhà văn hóa Phật giáo Việt Nam hải ngoại. Hòa Thượng có khoảng 22 dịch phẩm với chủ đề: Tổng Quan Phật giáo, Truyện Tích, Nhân Vật Phật giáo, Phật Giáo và Thời Đại, Phật Giáo và Xã Hội, Phật Giáo Thế Giới ... Ngoài ra Hòa Thượng còn có những tài liệu khác nằm trong bàn thảo chưa kịp xuất bản. Thật là một đóng góp lớn lao cho nền văn hóa Phật giáo Việt Nam nơi hải ngoại. Một số các tác phẩm của Đức Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng cũng đã được Hòa Thượng phiên dịch và phổ biến trên các tạp chí. Có dịp ghé thăm Hòa Thượng tại Phật Học Viện Quốc Tế sẽ thấy cả một phòng đầy sách vở, từ trên kệ sách cho đến bàn ghế hay trên mặt đất, đó đây sách và sách. Hòa Thượng đã sống với kinh sách cho đến ngày từ giã ra đi.

Hòa Thượng sống đời tự lập và tự dưỡng cho đến khi tuổi già sức yếu, răng không còn Hòa Thượng tự nấu cháo gạo lức xay nhuyễn để uống. Hòa Thượng quan niệm đó là văn hóa tự thân của Ngài, cố gắng tự lo mọi việc cá nhân để tránh làm phiền mọi người trong cuộc sống riêng tư. Hòa Thượng đi hoằng pháp, làm văn hóa một mình một bóng như những cánh vạc khuya giữa đêm trường cô tịch, khi đi cũng như lúc về chẳng ai hay biết, chỉ có con tàu và sân ga làm bạn đồng hành.

Từ nền văn hóa tự thân phát huy nền văn hóa quần chúng, Hòa Thượng đã để lại một kho tàng văn hóa dịch thuật cả đạo lẫn đời, biết bao nhiêu bút mực, dầu đèn sớm hôm khuya tối. Lời viết có hạn, công đức Hòa Thượng thì vô cùng. Vô cùng như hành trạng một bậc Cao Tăng hiện thân vào đời để hóa độ, khi công viên quả mãn thì nhẹ nhàng cất bước ra đi, không bận tâm lưu luyến.

Hai con đường hoằng pháp và văn hóa đã nuôi lớn Hòa Thượng trong chí nguyện độ sinh và ngày về với Phật. Hôm nay, những gì đáng độ, Hòa Thượng đã độ, ngày về với Phật thì Hòa Thượng cũng đã về, chỉ còn lại hàng hậu học với niềm thương nhớ đầy vơi.

San Diego, 16 tháng 02 năm 2011



CẢM TẠ

Thành thật cảm tạ sự ủng hộ quý báu bằng tinh thần hay tinh tài của chư tôn đức Tăng Ni và đồng bào Phật tử đối với báo Chánh Pháp. Đây là niềm khích lệ to lớn cho chúng tôi trong công tác truyền thông, hoằng pháp.

Ngoài sự bảo trợ ẩn phí của chư tôn đức và các tự viện, chúng tôi còn nhận được sự ủng hộ của chư tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử cũng như của quý thân chủ quảng cáo.

Sau đây là danh sách ủng hộ báo Chánh Pháp tháng qua:

Cố HT. Thích Trí Chơn \$1,300, HT. Thích Nguyễn Siêu (CA) \$1,300, TT. Thích Nhật Trí (FL) \$1,200, Chùa Quang Minh (IL) \$400, Sa-di Tâm Định \$20, Nguyễn Kiều (CA) \$30, Nguyễn Chúc (CA) \$50, Diệu Minh (CA) \$20, Vinh Vũ (CA) \$5, Diệu Cầm (FL) \$100, Đạo hữu Hòa (CA) \$40

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thù từ gia hộ chư liệt vị thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Ban Thư Ký Chánh Pháp



CẢM NIỆM ƠN SỰ

Thích Đồng Trí

(Nén tâm hương tưởng niệm Cổ Hòa Thượng thượng Trí hạ Chơn Giác Linh)

Ngưỡng bạch Giác Linh Hòa Thượng Ân Sư,
Sài Gòn nay chợt chuyển cơn mưa
Tình Nghĩa Ân Sư mấy cho vừa
Người về quê cũ, duyên đã mãn
Quận thất lòng con lệ tiễn đưa...

Mùa Xuân là mùa tràn đầy sinh lực, sum họp và hạnh phúc nhưng mùa Xuân Tân Mão năm nay con lại tiếp xúc với nhiều cảnh gia nua, bệnh hoạn, tang tóc, phân ly,...Con chợt bàng hoàng, ngẩn ngơ, xúc động khi hay tin Hòa Thượng đã vĩnh viễn ra đi, xả bỏ thế gian, về miền Tịnh Lạc !...

Bao nhiêu kỷ ức, kỷ niệm ân tình với Hòa Thượng lại hiện về. Con có duyên phước gắn liền với Thầy trong suốt hành trình hơn 6 năm ở Hoa Kỳ vừa qua. Con đến Hoa Kỳ du học vào năm 2004 tại Đại Học Boston, Massachusetts và ở Chùa Lục Hòa gần đó để vừa học, vừa sinh hoạt Phật Pháp. Ngay liền sau đó, Vu Lan năm 2004 Thầy đến Chùa Lục Hòa để con được diện kiến, đánh lễ, Thầy hướng dẫn, ổn định cuộc sống tu học của con tại Chùa Lục Hòa và Hoa Kỳ.

Thầy có hình dáng mảnh khảnh, gọn gàng nhưng lại chứa đựng bên trong một nguồn năng lực dồi dào, bất khả tư nghì. Vì để tiết kiệm kinh phí cho Phật tử và có thể đi đến nhiều

nơi, Thầy đã đi bằng xe buýt (bus) di chuyển từ đạo tràng này sang đạo tràng khác và được mệnh danh là "Hòa Thượng xe buýt". Hình ảnh một vị Hòa Thượng ngồi đợi chờ xe buýt. dịch kinh sách tại bến xe buýt thông dong tự tại quả nhiên là bài thuyết Pháp không lời hùng hồn sống động về khiêm tốn, giản dị, vô ngã, vị tha, dẫn thân, nhập thế, chánh niệm, tỉnh giác, giải thoát,... Nơi nào khó khăn, đang cần thì Thầy đến, nơi nào đã ổn thì Thầy lại đi. Thầy không màng làm trụ trì một ngôi Chùa to Phật lớn, xung quanh luôn có nhiều đồ chúng đông vui mà xong Phật sự, Thầy lại trở về một tịnh thất tại Phật Học Viện Quốc Tế - Nam Cali. Đây là tấm gương xả ly vô trụ chấp, "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm". Thầy gần gũi và chia sẻ, hướng dẫn cho Ban Quản Trị, Ban Hộ Tự và các vị trụ trì trẻ không mệt mỏi ngày này sang ngày khác, nơi này đến nơi khác. Cứ như thế và với cách "Lấy lớn nuôi nhỏ", hỗ trợ lẫn nhau, từng bước phát triển mà Thầy thành lập, tổ chức sinh hoạt và cố vấn cho khoảng 30 Hội Phật giáo và hơn 20 ngôi chùa, Niệm Phật Đường ở khắp 15 tiểu bang tại Hoa Kỳ. (tham khảo them www.chualinhmu.com)

Con được diện kiến Thầy khá nhiều lần : tại Chùa Lục Hòa (Boston), Chùa Huyền Quang - Springfield, Chùa Từ Ân

- Louisville (Kentucky), Chùa Viên Quang - Ohio, Phật Học Viện Quốc Tế, ... Thầy với con có nhiều duyên gắn bó: Thầy là hậu duệ của Đức Đệ Tam Tăng Thống - Chùa Linh Mục Huế, con là hậu duệ của Đức Đệ Tứ Tăng Thống - Tu Viện Nguyên Thiều, Bình Định, con được Thầy ủy thác đến làm chủ lễ, thuyết giảng, hướng dẫn khóa tu tập tại các Chùa mà Thầy làm cố vấn. Thầy chia sẻ tâm sự với con rất nhiều về lập trường, đường hướng sinh hoạt của Thầy, những khó khăn và kỷ niệm hành trình Thầy đã trải qua, những bài học, kinh nghiệm và hành trang mà người tu sỹ trẻ hành đạo nơi hải ngoại cần biết... Khi con còn ở Boston (2004-2006), Thầy muốn góp cho tiền cho con mua xe (car) đi học nhưng con nghĩ đi học bằng xe lửa cũng được chứ chưa cần đến xe hơi cho tốn tiền xăng và bảo hiểm nên thôi. Năm 2006, xét tình hình thực tế Chùa Viên Quang Ohio, Hoa Kỳ đang rất cần một vị tu sỹ trụ trì để ổn định tình hình và phát triển việc tu học sinh hoạt nơi đây, nên Thầy đã khuyên và giới thiệu con về đó. Sau đó, với cương vị Phó Chủ Tịch HĐĐH GHPGVNT-NHN-HK, Thầy mang và đọc quyết định bổ nhiệm trụ trì cho con tại Chùa Viên Quang. Theo như sự hướng đạo của Thầy, con sinh hoạt, xây dựng và phát triển cơ sở tự viện Viên Quang này kể từ 2006 đến nay.

Với uy đức, khả năng và lòng tận tụy với Phật Pháp như vậy, Ngài được chư Tăng quy kính và cung thỉnh vào cương vị Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Hội Đồng Điều Hành của GHPGVNTNHN/HK. Đến năm 2008, trong Đại Hội Thành Lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Ngài được cung thỉnh vào ngôi vị Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành cho đến ngày viên tịch.

Mặc dù hết sức bận rộn với công việc của chùa chiền, đạo tràng cũng như là công việc của Giáo Hội Thầy cũng tranh thủ từng chút thời gian để nghiên cứu, sáng tác cho hơn 15 đặc san, tạp chí, nguyệt san... và dịch thuật số lượng nhiều sách cho tư tưởng, văn hoá, giáo dục Phật Giáo. Cái đáng quý của đời người không phải tính đếm bằng năm tháng ngày giờ đã sống mà là những gì người đó đã làm được và để lại cho đời. Quả thật, Thầy đã cống hiến rất nhiều cho Đạo Pháp, chúng sanh, trọn một đời bèn bỉ, phấn đấu, phụng sự, "kiếp tầm nhà tơ". Những gì cần nói, Thầy đã nói, những nơi cần đến, Ngài đã đến, những gì cần làm, Thầy đã làm. Giờ đây, công hạnh tròn đầy, cơ duyên đã mãn, đến lúc Thầy phải ra đi, thân thần thị tịch.

Con còn nhớ rõ mồn một lần cuối cùng con đánh lễ Thầy tại Phật Học Viện Quốc Tế, vào 2 tháng trước đây, đó là ngày 22/01/2011. Vì sợ trễ chuyến bay, nên nhiều lần con tự bảo lòng mình là tạm gác việc thăm Thầy chờ đến lần về Cali tiếp theo, nhưng lại do nguồn động lực nào đó khiến con lái xe từ San Jose bon bon trực chỉ lên núi hướng về PHVQT thay vì lái đến phi trường Los Angeles. Phải chăng đó là uy đức của Thầy có một mãnh lực cuốn hút lớn lao, nỗi nhớ thiết tha sau một khoảng thời gian xa cách Thầy, nỗi khao khát đợi chờ đón nhận nguồn tiếp lực của Thầy cho một giai đoạn hành trình mới của con hay là đó là sự giao cảm tâm linh nhiệm mầu thôi thúc con có một cuộc hầu cận với Thầy lần cuối? Tuy rằng tuổi già sức yếu, Thầy vẫn nhận ra con

và Thầy vào phòng trong mang ghế ra cho con ngồi (tuy rằng con khẩn khoản xin đứng hầu chuyện) và tặng cho con một cuốn sách về Ngài Đạt Lai Lạt Ma mà Thầy vừa dịch (Thầy vẫn thường gửi sách Thầy dịch đến Chùa Viên Quang cho con). Con chú ý cách nói chuyện của Thầy lần này có khác hơn bao lần trước. Khi con hỏi: "Thưa Thầy, ưu tư quan tâm hàng đầu của Thầy, công việc Thầy đang chú trọng hiện nay là gì trong khi Thầy tuổi già sức yếu, lòng người đa đoan, nhân ngã thị phi, Tăng chúng chưa thực sự hòa hợp như nước với sữa, vào chung một khối?" Thầy đáp: "Nghiệp của chúng sanh còn nặng, Thầy đã làm những gì Thầy có thể làm được mà thôi, có những điều dù muốn cũng chưa được, phần còn lại các Thầy hãy cố gắng tiếp tục làm. Nơi nào yên, phải lễ thì nên ở, nơi nào thị phi phiền nhiễu khó tu thì nên tránh, tùy duyên và buông xả. Các Ngài lớp Thầy hầu hết ra đi rồi, Thầy cũng chẳng có gì để nắm giữ, còn ngày nào, Thầy chỉ chuyên tâm dịch sách và niệm Phật mà thôi." "Dẫn thân", "Tuỳ duyên" và "Buông xả" là 3 bài học lớn đầy ẩn tượng rút ra từ cuộc hội kiến với Thầy lần cuối đó. Con trân trọng lắng nghe những lời huấn thị của Thầy đến nỗi phải trễ và đổi chuyến bay mà con không hề hối tiếc. Ngồi chờ đợi tại các sân bay cũng như mãi mãi về sau này, con luôn vâng vọng nghe được lời nhắc nhở đầy tình thương và huấn thị sâu sắc của Thầy.

Người ra đi, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ mất đi một vị Chủ Tịch lãnh đạo rường cột sáng suốt, tín đồ Phật tử khắp nơi mất đi một vị Thầy tận tụy, khả kính, bản thân con cảm thấy mất đi một đại thọ Bồ Đề, một vị ân sư gần gũi, thâm tình...

"Người đi, dấu vết chưa nhòa", tuy Thầy không còn hiện diện nữa với hình hài, dáng vóc, nhưng Thầy đã hòa quyện vào bầu trời xanh, Ánh Thái Dương rạng rỡ, những ngôi sao sáng, chòm lá, khóm hoa, dòng nước chảy,... Hình ảnh của Thầy, ân tình sâu nặng và những lời giáo huấn đã thành nguồn thương và lẽ sống của đời con. Nén tâm hương hướng về Liên Toà của Ngài tại Cali con xin đánh lễ tri ân duyên hội ngộ và giáo dưỡng của Người và cung tiễn Người vào cõi "vô tung bất diệt". Người ơi! Người đã quyết định buông xả vạn duyên trần thế thật rồi sao hay là Người chỉ thay đổi lớp áo ngũ uẩn để tiếp tục một cuộc hội nhập mới vào cõi Ta bà và tiếp tục công hạnh của Người? Dù gì đi nữa, với con, Người đã ra đi nhưng vẫn còn ở lại, ngọn đuốc Ngài trao cho con vẫn còn chói sáng trong tâm thức và con nguyện khơi ngọn đuốc ấy mãi toả sáng giữa chốn trần gian đây phong ba ô trược trong suốt hành trình kiếp nhân sinh và đời Tăng Sỹ của mình. Xin Người hãy chứng minh và tiếp tục gia bị cho con.

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Tam Thế, Linh Mục Hải Ngoại Đường Thượng, Việt Nam Phật Giáo Thống Nhất Giáo Hội Ư Hoa Kỳ, Hội Đồng Điều Hành Chủ Tịch, Húy thượng Tâm hạ Chánh, Hiệu Trí Chơn Trưởng Lão Hòa Thượng Liên Toà Chứng Giám.

Hướng đến Linh Mục Hải Ngoại và Liên Toà Giác Linh Cổ Hòa Thượng
Khế thủ,
Con : **Tỳ Kheo Thích Đồng Trí**

YẾM TRỢ BÁO CHÁNH PHÁP

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa quý Phật tử và bạn đọc gần xa,

Nhằm phổ biến giáo lý Giác ngộ của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni và tạo mối dây liên hệ tinh thần giữa Phật giáo đồ khắp nơi, báo Chánh Pháp ra đời. Thời gian qua, báo Chánh Pháp đã tạo được niềm tin cậy và yêu thích của bạn đọc, xuất gia hay tại gia.

Tuy vậy, để báo Chánh Pháp được duy trì và phát triển trên đường dài, Ban Chủ Trương chúng tôi mong mọi được sự yểm trợ sâu rộng của chư tôn đức và quý Phật-tử qua các phương thức sau:

- Chư tôn đức Tăng Ni và quý văn thi hữu xin đóng góp bài vở, gửi về tòa soạn (nội dung liên quan Phật giáo, Văn Hóa, Xã Hội, Từ Thiện...)
- Quý Phật-tử có thương vụ xin đăng quảng cáo để ủng hộ
- Quý Phật-tử đồng hương xin phát tâm ủng hộ mỗi vị \$3 một tháng (để trang trải cước phí gửi báo đi khắp nơi)
- Giới thiệu báo Chánh Pháp đến thân nhân, bằng hữu, bạn đạo khác.

Sự yểm trợ của chư tôn đức, văn thi hữu và bạn đọc sẽ giúp cho nội dung báo Chánh Pháp ngày càng phong phú, đặc sắc hơn, giúp chúng tôi vượt qua những trở ngại tài chánh để nuôi dưỡng tờ báo dài lâu, góp phần hoằng dương Phật đạo.

Thành thật tri ân chư liệt vị.
Tỳ kheo Thích Nguyên Trí

Tịnh tài xin gửi: CHÁNH PHÁP
11502 Daniel Ave.,
Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.
Tel.: **(714) 638-0989**

Bài vở xin gửi: baivochanhphap@gmail.com



TỪ BIỆT MỘT NHÀ THƠ

Trần Khải

Thế gian hằng như mộng... Đời người chỉ trong một thế kỷ rồi biến dạng hẳn, như tia chớp tới rồi đi, như bọt nước hiện ra rồi tan vỡ, như hơi thở không biết từ đâu tới và cũng không biết sẽ tan biến về đâu.

Trong cõi mộng manh như thế, thi sĩ là người thâm cảm được những cơn lạnh hừ vô tử xương tủy, và rồi chữ viết ghi lại sẽ làm buốt giá những trang giấy cho đời sau. Nhà thơ Phạm Công Thiện là một người như thế — sau những thời tuổi trẻ sôi nổi trong Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ và Triết Học, rồi một thời trau dồi đi giữa những quán xá và các sân chùa hải ngoại, và rồi tới một thời lặng lẽ của những tháng, những năm nhập thất tại Chùa Viên Thông ở Long Beach, qua đó để lại những trang giấy thi ca lặng lẽ trước khi từ biệt vào cõi vô cùng.

Nhà thơ Phạm Công Thiện đã từ trần ngày 8-3-2011 tại Houston, Texas, thọ 71 tuổi. Theo lời kể qua điện thoại của nhà thơ Lê Giang Trần, GS Phạm Công Thiện đã dặn dò một số việc trước, rồi trì một khóa thần chú, nhập định và ra đi nhẹ nhàng.

Mọi chuyện có lẽ không chỉ là dặn dò mới vài ngày trước, như Lê Giang Trần kể lại. Nhà thơ Phạm Công Thiện như dường đã dặn dò từ nhiều năm trước, qua tập thơ nhan đề "Trên Tất Cả Đỉnh Cao Là Lặng Im." Nơi đó, những dòng thơ hiu hắt như những làn gió chiều của hư vô.

Trong bản in năm 2000, do nhà xuất bản Viên Thông ở California, trong Lời Mở Đầu, nhà thơ Phạm Công Thiện viết, "Tôi đã bỏ quên đâu mất rất nhiều bài thơ của mình trên 35 năm lang thang lưu lạc khắp thế giới; tập thơ này chỉ còn lại những gì vẫn còn lại với sự Lặng Im hiu hắt nào đó trên cao..." (trang 6).

Đó cũng là số phận chung của đời người, của nhân loại: lang thang, lưu lạc, chỉ còn lại sự Lặng Im hiu hắt...

Như bài thơ "Cuốc":

*Cuốc kêu đầu xương rỗng
Dương xỉ rụng trắng rằm
Vỗ mạnh vào thạch động
Rồi lui mất biệt tăm. (trang 8)*

Đó là định mệnh người thi sĩ, mở miệng kêu, trắng rằm rụng, và rồi chàng lui mất biệt tăm...

Nhưng đâu có phải là biệt tăm hẳn. Lời đã kêu lên, chữ đã viết xuống... Khi "ông già có độc ngồi đọc Kim Cương" sẽ tất nhiên có lúc thấy được "Nhật nguyệt lang thang thiên di ngày tháng." (trang 70)

Do vậy, như dường nhà thơ Phạm Công Thiện đã tiên tri tới những ngày khi cõi đất tàn phai, như bài "Ứng hiện":

*Thất bại giữa đời này
Chết sáng ngời trên cao
Bông tàn phai cõi đất
Mọc lại giữa trăng sao. (trang 71)*

Thi sĩ cũng như Thiền sư, đều phải qua những cơn chết lớn, như bông tàn phai cõi đất mới thực sự thấy mình ứng hiện trên cao.

Sau này, nghe nói trong lần tái bản tập thơ "Trên Tất Cả Đỉnh Cao Là Lặng Im" tại Sài Gòn, có thêm phần Lời Dẫn của nhà sư thi sĩ Tuệ Sỹ.

Theo trang nhà Phật Giáo Hoavouu.com, Thầy Tuệ Sỹ viết Lời Dẫn trích như sau:

"Anh đã ra đi từ đó, từ thời buổi hỗn mang. Trong từng khoảnh khắc sát na, từng quãng liên tục vi tế của hạt bụi, anh từ chối chính mình. Khi mọi người ca tụng anh như một thiên tài, anh vất bỏ thần tượng để đi như một tên lãng tử vô lại. Khi người đời khinh miệt, khi những người thân yêu thù ghét, căm hận, anh đốt lửa soi đường độc hành bằng ánh sao Mai lẻ loi..."

...Có gì trong những bước đi, và còn gì trong những bước đi? Chỉ một khoảng ngăn cản vượt qua, khoảng ngăn được đo bằng chính tự ngã của ta. Anh nhảy qua hố thẳm. Hố thẳm như là, vì chính là, ý hướng tính của ta phóng xuất ra đó; bóng tối của thời gian tích tụ ào ào ngưng đọng của tuổi trẻ. Anh nhảy qua hố thẳm, nhảy qua cái bóng của chính mình. Những bước nhảy về thành chuỗi thất bại liên tục trong đời, trong dòng tương tục vô hạn của thời gian, lan tràn qua biên độ vô biên của thế giới:

Đã đi mất hẳn đi rồi

Hạ phương tịch mịch trùng khơi phong kiêu

Cái đã đi, một cái gì đó vô nhân, vô ngã, đã đi qua trong tôi, trong người, trong đâu đó, hữu biên và vô biên, hữu hạn và vô hạn; cái đã đi ấy chưa hề được thực hiện, chưa hề được đi. Khoảng khắc đột nhiên ngưng lại. Quá khứ biến mất. Cái đã đi, cái tôi nào đó đã đi, con đường nào đó đã được đi, ngày tháng nào đó đã trải đi; thời gian và thế gian ngưng tụ, ngưng đọng. Không quá khứ; phóng ảnh vị lai chột đứng lại, như bị đẩy lùi lại sau, đẩy lùi vào quá khứ, rồi biến mất...

...Hết thầy hiện tượng thầy đều thanh tịnh, tự tánh xuất hiện trong hư không pháp tánh...

...Như huyền tượng, như chiêm bao, như thành phố giữa hư không, cũng vậy, những gì xuất hiện, tồn tại, rồi hủy hoại.

Đã đi rồi đã đi chưa

Thượng phương lựa trắng đong đưa giữa trời." (hết trích)

Như thế, có phải nhà thơ Phạm Công Thiện đã hóa thân trở thành giải lụa trắng đong đưa giữa trời? Nhưng, có phải giải lụa trắng cũng vẫn như huyền tượng, như chiêm bao?

Không, đây không phải là hư vô. Tuy là huyền tượng, tuy là chiêm bao, tuy là một bước nhảy vọt để rồi biến mất... vẫn không phải là hư vô.

Chính nơi đây, Kinh Lăng Già mới viết rằng khi thấy thế gian này như

huyễn, bấy giờ dấy lên lòng thương xót cho mọi người, bấy giờ tâm đại bi mới sinh khởi, Tâm Bồ Đề mới khởi dậy.

Nhà thơ Phạm Công Thiện trong một bài rất dài, nhan đề "Lên Đường" nơi trang 104-108, đã viết, trích:

*Chim ca lẳng kêu sương
Tôi sụp lạy cúng dường
Lôi bỏ đề tâm dầy
Chấn động khắp mười phương...*

*Chim ca lẳng kêu sương
Tôi sụp lạy đại dương
Lôi bỏ đề tâm dầy
Sấm sét nổ mười phương...*

Trong một bài viết năm 1988, nhan đề "Một Buổi Sáng Đọc Thơ Tuệ Sỹ," nhà thơ Phạm Công Thiện đã viết về thiền sư

Tuệ Sỹ, nhưng cũng như dường viết cho chính bản thân mình:

"...thơ Tuệ Sỹ chính là tiếng thơ đổi giọng của một loài chim đi từ cõi xa xưa của vô biên tế kiếp trong lòng sâu thẳm của Tính Mệnh Quê Hương."

Và để trân trọng gửi lời từ biệt nhà thơ Phạm Công Thiện, bài viết này xin khép lại bằng cách chép lại bốn dòng (đọc nghe như lời dặn dò của nhà thơ họ Phạm từ những thập niên trước) nơi trang 152 của tập "Trên Tất Cả Đỉnh Cao Là Lặng Im":

*Nhảy thẳng vào sự việc
Chẳng có gì đáng tiếc
Sự việc lớn lao nhất
Là hiện tiền tịch diệt.*

LỄ TƯỞNG NIỆM GS. PHẠM CÔNG THIỆN TẠI CHÙA VIÊN THÔNG, BELLFLOWER, CALIF., HOA KỲ NGÀY 13.3.2011 (Photos: Như Hùng)



LỄ NHẬP KIM QUAN VÀ THỌ TANG CỔ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ CHƠN—NGÀY 17 & 18.3.2011



LỄ DI QUAN VÀ TRÀ TỖ CỔ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ CHƠN - NGÀY 20.3.2011



Những con chữ trong bài thơ

Những con chữ khi được nối vào nhau
Trong âm sắc tình tự
Chúng làm ta bay bổng
Chúng làm ta ngủ
Chúng làm ta mềm như một điệu uốn cong

Những con chữ khi được nối vào nhau
Tự do
Mạnh mẽ
Thách thức
Như hạt cát vướng trong giày
Như hạt bụi làm ta xốn mắt
Như viên đá cắt xuống mặt hồ phẳng lặng
Như miếng vỡ
Mà khi cầm lên ta phải sợ
Cạnh sắc

Dưới tán lá

Những buổi sáng con đường đi rất thẳng
Hàng cây xanh. Giữ bóng tối đêm xanh
Mặt trời còn đang rất thấp
Con nắng chưa về vẽ những khúc quanh

Những buổi sáng ánh nhìn lên rất sáng
Sau chiêm bao là màu xanh da trời
Đường cỏ mềm dưới chân đi dọn sóng
Dong ngày lên. Nắng gập. Biển khơi

Những buổi sáng những vòng tay rôiing mở
Tôi ngồi nghe trong tán lá bình yên
Nhịp xao động con đường dưới phố
Nắng nói gì nơi âm thanh mọc lên

Phía này. Nhẹ nhàng rơi. Những dòng trên giấy
Ban mai đang chọn tôi
Trao gửi Nụ cười
Thức dậy.

Bóng sợ

Như ban đêm
Có những tiếng đập cửa
Nổi giạt mình ấy thường xuyên vẫn về trong giấc ngủ

Như bóng đen
Luôn chực chờ
In xuống sau lưng
Nổi canh chừng ấy làm tôi bước hụt

Như hăm hồ
Trên đường đi không biết trước
Nổi rụt rè ấy làm tôi luôn vấp ngã

Lâu dần. Thành thói quen
Tôi như con thỏ
Thấy sau lùm cây nào cũng có bóng

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

BIẾT ĐỦ THÌ AN LÀNH CẦU CẠNH SANH KHỔ LỤY

Tịnh Minh soạn dịch từ Pháp Thoại Pháp Cú

Thuở nọ có một thanh niên tên là Ni-ga-ma Ti-xa (Nigama Tissa), sinh trưởng tại một thị trấn cách thành Xá-vệ không xa, xuất gia theo Phật, gia nhập Tăng đoàn. Sư lúc nào cũng chu toàn bốn phần, mẫu mực trang nghiêm, tinh chuyên nỗ lực; nổi bật nhất là hạnh cần kiệm, tri túc, thanh tịnh, quyết tâm, và cũng chính nhờ những phẩm hạnh đó mà sư trở thành biểu tượng cao đẹp cho toàn thị trấn. Sư thường đi khát thực một vòng quanh làng, nơi bà con thân tộc của sư cư ngụ. Mặc dù rất nhiều Phật tử, đặc biệt là trưởng giả Cấp Cô Độc và quốc vương Ba-tư-nặc (Pasennadi), hai đại thí chủ, cúng dường vô số lễ vật cho Tăng đoàn tại thành Xá-vệ, nhưng Sa-môn Ti-xa vẫn không bao giờ đến đó.

Thấy Ti-xa thường thiên hành và khát thực quanh quần trong làng, các Sa-môn một hôm đến thưa với Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, sư Ni-ga-ma Ti-xa lúc nào cũng bận bịu, vướng víu với bà con thân tộc, không bao giờ lên Xá-vệ kinh hành khát thực, cho dù trưởng giả Cấp Cô Độc và quốc vương Ba-tư-nặc cúng dường rất nhiều lễ vật, không đâu sánh bằng.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn cho mời Ti-xa đến, hỏi:

- Nghe nói thầy ngày ngày quanh quần, lụ lụ với bà con xóm làng, không bao giờ lên thành hóa duyên truyền đạo, khát thực thiên hành, có đúng vậy không?

- Bạch Thế Tôn, không phải con nặng lòng gắn bó với bà con thân tộc. Con chỉ nhận vật thực của họ vừa đủ mỗi ngày một bữa cho con. Dù ngon hay dở, con vẫn nhiếp tâm thọ dụng, tán thán và chú nguyện công đức của đàn na thí chủ. Bạch Thế Tôn, con nghĩ như vậy là đủ lắm rồi. Mình chẳng lao động sản xuất ra của cải vật chất mà ngựa tay đón nhận lễ vật cúng dường quá nhiều thì e rằng không hợp, con sợ lắm!

Biết rõ tánh hạnh của Ti-xa, Đức Thế Tôn mỉm cười, ca ngợi:

- Lành thay, lành thay, Sa-môn! Ta rất vui là có được một môn đệ như vậy. Nay Ti-xa, cần kiệm là bản chất và tập quán của ta đó!

Rồi, theo yêu cầu của đại chúng, Đức Thế Tôn kể một truyện tích như sau:

Ngày xưa có một bầy kết nhiều đến hàng mấy ngàn con sinh sống tại một cánh rừng toàn cây và trong rừng Hy-mã-lạp sơn trên bờ sông Hằng. Gặp mùa hạn hán, cây cỏ khô cằn, hoa quả tàn rụi, sông ngòi cạn kiệt. Không còn trái cây để ăn, bầy kết mỗi lúc một lâm vào tình trạng nguy kịch. Bấy giờ con kết đầu đàn không chê ngon dở, hợp khẩu hay không; nó gặp thứ gì ăn được thì ăn: hoặc lá chồi khô héo, hoặc vỏ rễ cứng giòn; ăn xong xuống sông Hằng uống nước rồi bay lên cành cây thông dong ca hót, vui vẻ hài lòng với nếp sống hiện tại của mình. Thấy rõ nguyên nhân và phẩm hạnh tri túc của con kết đầu đàn, Đệ Thích quyết định thử nghiệm bằng cách vận dụng thần thông xô ngã các cây, chỉ còn trơ vớ những gốc rễ khẳng khiu, nứt nẻ lờm chờm. Mỗi khi gió lộng, hơi nóng bốc lên, bụi bay mù mịt, kết đầu đàn vẫn ung dung tự tại, thư thả trong lòng: mổ rìa một vài mẩu rễ cây nho nhỏ rồi xuống sông uống nước, lên cành lú lo, mặc cho gió gào, nắng gắt.

Thấy phong thái tự nhiên, tâm hồn an lạc của con kết, Đệ Thích tự nhủ:

- Ta sẽ đến gặp kết để thấy rõ hơn tình thân hữu, và làm cho cánh rừng và đầm chồi này lộc, đơm hoa kết trái trở lại.

Đệ Thích cải dạng thành một con ngỗng trời xinh đẹp bay đến đậu trên một gốc cây, rồi tỏ vẻ thân thiện bắt chuyện với kết. Kết này:

Có nhiều cây xanh lá,
Với trái ngọt đầy cành,
Sao kết vẫn an phận,
Với gốc rễ vầy quanh!

Kết đáp:

Ta vốn thích an lành,
Thuận theo từng tình cảnh,
Tri túc và chánh hạnh,
Cho trọn vẹn ngày xanh!

Im lặng trong giây lát, Đức Thế Tôn mỉm cười, nói:

- Nay các thầy Tỳ-kheo, Đệ Thích bấy giờ là A-nan, còn con kết đầu đàn chính là ta vậy. Các thầy thấy đấy, biết đủ là bản chất và tập quán của ta đó! Và cũng chả có gì xa lạ, Ni-ga-ma-va-xi Ti-xa (Nigamavasi Tissa), luôn luôn an lạc và biết đủ, đã từng là con trai của ta nên đã nhận ta làm Thầy. Một Sa-môn như thế thì nhứt định phải đạt đến niết bàn.

Ngài đọc kệ:

Tỳ-kheo thích tinh cần,
Sợ hãi nhìn phóng dật,
Ắt không bị thổi thắt,
Nhất định gần niết bàn.
(PC. 32)



PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ LÝ NHÂN QUẢ

Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ biên soạn

I. Định Nghĩa Chữ Nhân Quả:

Nhân: Nguyên nhân, năng lực phát động
Quả: Kết quả, sự hình thành của năng lực phát động

II. Định Lý Nhân Quả:

Lý Nhân Quả là một định luật nêu rõ sự tương quan tương duyên giữa nhân và quả; có nhân duyên phối hợp tất có quả hình thành.

III. Những Đặc Điểm Về Lý Nhân Quả:

1. Nhân Quả Là Định Luật Hiện Thật: Đức Phật không phải là người sáng chế đạo lý Nhân Quả; Ngài chỉ là người đã giác ngộ sự tương quan, tương duyên giữa nguyên nhân và kết quả của sự vật. Đức Phật căn cứ trên đời sống thực tại để thuyết giảng Lý Nhân Quả cho chúng ta hiểu và áp dụng.

2. Nhân Quả Chi Phối Tất Cả: Sở dĩ mọi thứ trên đời khác nhau vì được cấu tạo bởi nghiệp nhân khác nhau. Vì thế định luật Nhân Quả chi phối tất cả sự vật. Định luật Nhân Quả không thiên vị, không bên vực một ai. Không ai có thể phủ nhận hoặc sửa đổi định lý tất nhiên này.

3. Nhân Quả Là Một Định Luật Rất Phức Tạp: Lý Nhân Quả không phải giản dị như chúng ta thường hiểu. Sự liên hệ, tương quan, tương duyên, tương phản giữa nhân và quả thường tạo nên phức tạp và khó hiểu. Chính vì vậy, những ai chưa nhận rõ sự tương quan này thường khó nhận thức được sự chính xác của Lý Nhân Quả và gây nên những ngộ nhận.

IV. Sự Tương Quan Giữa Nhân Và Quả:

Đức Phật dùng đạo Lý Nhân Quả để giải thích sự tương quan tương duyên giữa nhân và quả. Sự tương quan này rất mật thiết, nhưng cũng rất phức tạp và khó nhận định.

1. Một Nhân Tự Nó Không Thể Sinh Ra Quả: Sự vật được hình thành giữa vũ trụ này đều do sự tổng hợp của nhiều nhân duyên. Một nhân không thể nào tự nó phát sanh ra quả được. Ví dụ cây lúa không phải chỉ do hạt lúa tạo thành mà cần phải có các nhân khác giúp vào hạt lúa mới nảy mầm được như đất, nước, v.v...

2. Nhân Nào Quả Nấy: Nhân thế nào thì kết quả cũng như vậy chứ không bao giờ tương phản, mâu thuẫn nhau. Ví dụ người học đàn chỉ biết đàn, chứ không thể biết đánh trống.

3. Trong Nhân Có Quả, Trong Quả Có Nhân: Nhân, chính nó cũng là quả đồng thời của sự thuận thực của nhiều nhân duyên trước nó. Quả, chính nó cũng là nhân đồng thời cho sự phát sanh của quả khác. Ví dụ: Tốt nghiệp đại học là kết quả của nhiều năm tháng học hành nhưng sự tốt nghiệp đó cũng là nhân chính cho sự tìm kiếm việc làm, và ngược lại.

V. Sự Liên Hệ Giữa Nhân Và Quả

Qua Thời Gian:

1. Nhân Quả Một Thời: Nhân quả nối liền nhau. Nghĩa là vừa tạo nhân, quả liền phát khởi. Như đánh chuông liền nghe tiếng. Quả theo liền với nhân, chứ không cần chờ đợi một thời gian mới thuận thực.

2. Nhân Quả Trong Hiện Tại: Tạo nhân đời này thì kết quả cũng trong đời này. Như trồng lúa thì chừng sáu tháng đã có lúa, không cần phải đợi một thời gian lâu xa.

3. Nhân Quả Trong Hai Đời: Nhân tạo đời trước, đời này mới có kết quả, nhân tạo đời này đến đời sau mới có kết quả; nghĩa là cần đợi một thời gian khá lâu quả mới thuận thực. Ví dụ, trong đời sống hiện tại biết bố thí cúng dường thì đời sau sẽ được giàu sang.

4. Nhân Quả Trong Nhiều Đời: Nhân tạo từ các đời trước đến đời này mới có kết quả. Nhân tạo trong đời này, đến nhiều đời sau mới có kết quả. Ví dụ, muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi phải cần trải qua nhiều kiếp tu hành.

VI. Những Ví Dụ Về Lý Nhân Quả:

1. Nhân Quả Nơi Hiện Cảnh: Rừng rậm (Quả) là kết quả của nhiều cây hợp lại (Nhân).

2. Nhân Quả Nơi Tự Thân: Thân thể cường tráng (Quả) là do sự kết hợp đầy đủ của các tế bào (Nhân).

3. Nhân Quả Nơi Tự Tâm: Tánh tình tư tưởng và trí thức con người cũng chịu sự chi phối của định lý Nhân Quả. Làm điều độc ác thì trí tưởng thấp hèn, nghĩ điều lành thì tánh tình thuần thực. Học nhiều nhớ rộng thì kiến thức mở mang, thông thái uyên bác.

VII. Sự Ứng Dụng Lý Nhân Quả:

1. Lý Nhân Quả Làm Cho Chúng Ta Thấy Rõ Sự Thật: Khi đã hiểu rõ sự tương quan giữa nhân và quả, chúng ta có thể thấu hiểu thực trạng của sự vật đúng như sự thật, chứ không vọng tưởng sai lầm.

2. Không Tuân Theo Thuyết Thượng Đế Thần Quyền: Căn cứ vào định lý Nhân Quả, đạo Phật phủ nhận thuyết vũ trụ do một đấng Thượng-Đế sanh ra, và phủ nhận sự thưởng phạt do thượng đế ban bố. Vì thế, một Phật tử hiểu được Lý Nhân Quả không mê tín dị đoan, không ý lại thần thể và quyền hành của một ai.

3. Người Hiểu Nhân Quả Đặt lòng tin tưởng ở chính mình: Đã biết cuộc đời của mình do nghiệp nhân của chính mình tác thành, như thế thì tự mình là chúa tể và có đặc quyền cải tạo đời sống của mình hiện tại để trở thành trong đẹp thanh cao.

4. Người Tin Lý Nhân Quả Không Chán Nản, Không Trách Móc: Đã hiểu rõ tất cả hoàn cảnh hưởng thọ đều do chính mình gây ra, người hiểu nhân quả, dù gặp thất bại hay nghịch cảnh cũng không chán nản trách móc, chỉ lo tự cải tạo lấy nghiệp nhân bất thiện để được hưởng kết quả chân chánh thanh tịnh mà thôi.

5. Người Hiểu Lý Nhân Quả Chỉ Lo Tạo Nhân Lành Và Nghĩ Đến Kết Quả Trước

Khi Hành Động:

Đã hiểu rõ những sự hưởng thọ hiện tại đều do nghiệp nhân đã tạo ra trong quá khứ, nếu muốn được kết quả tốt đẹp, cần phải siêng năng tạo những hành động có lợi cho mình, cho người, cho chúng sanh, và đúng theo lời Phật dạy.

VIII. Kết Luận:

Lý Nhân Quả là một định lý tất nhiên, dựa vào Lý Nhân Quả chúng ta hiểu rằng: Mọi sự hưởng thọ dù tốt đẹp hay xấu xa của kiếp người ở hiện tại đều do nghiệp nhân đã làm trong quá khứ. Vì con người làm chủ chính mình, không ai có quyền can thiệp vào sự thưởng hay phạt của chính bản thân mình. Định Lý Nhân Quả giúp ta tin tưởng ở sự kết quả của những hành động mà chúng ta gây ra. Áp dụng Lý Nhân Quả vào cuộc sống sẽ giúp chúng ta trừ đi những bi quan, yếm thế, bất hạnh trong cuộc đời. Định Lý Nhân Quả của đạo Phật đem lại cho chúng ta một đức tính can đảm, chịu đựng, và chịu trách nhiệm về những hành động của mình không oán hận than trách. Lý nhân quả mở rộng tầm nhìn về giải thoát giác ngộ cho mọi loài chúng sinh.

The Law of Cause and Effect

I. Definition:

Cause: Anything that generates a result
Effect: Anything produced by a cause.

II. Definition of the Law of Cause and Effect:

The Law of Cause and Effect is an axiom which cites the relationship between an action and its corresponding result. An effect cannot be produced without cause.

III. The characteristics of the Law of Cause and Effect:

1. Cause and Effect is a universal law: Buddha did not invent the Law of Cause and Effect; however, He was the person who fully understood the relationship between cause and effect. Buddha taught this law based upon real-life experience.

2. The Law of Cause and Effect controls all entities: Every existence varies due to different causes. The Law of Cause and Effect governs all existence. This Law is impartial, meaning that it takes no sides. No one can deny or change the inevitable Law of Cause and Effect.

3. Cause and Effect is a complex law: The Law of Cause and Effect is not easy to understand. The close connections and domino-relationships between cause and effect are what make the law difficult to understand. Anyone who uses simple knowledge to make a judgment on the Law of Cause and Effect usually ends up with a misconception of what the Law really is.

IV. The interrelationship of cause and effect:

Buddha used this Law to explain the association between cause and effect. This close collaboration is very hard to perceive because of its complexity.

1. A cause by itself can not generate an effect: All existence on the universe is composed of cause and other contributed factors to form an effect. A cause by itself can not form an effect. Example: A wheat grain itself can not grow if it lacks of other supporting factors (sun, water, etc.).

2. It is what it is: Whatever the characteristics of the cause are, its effect will have the corresponding characteristics. For example, a guitar learner will only know how to play guitar and will not know how to play the drums.

3. Cause and effect are interrelated: The present cause itself is generated from the effect the previous causes. The effect itself can be the cause for future effect. For example: a college degree is the result (effect) of many years in school (cause) and the degree brings about employment or advanced degree.

V. The interrelationship of cause and effect through time:

1. Cause and Effect happening at the same time: Cause and effect follow each other, meaning that an effect is immediately resulted from the cause. For example, sound is produced after the bell is rung. The effect immediately follows the cause; there is no waiting for the effect to be produced.

Mật ước

gió thổi dạo dầm
mùa xuân đang mọc
mật ước sẫm uất trên tàng lá
mặn nồng khí vị cô liêu
thấy nhau bằng xa cách
đá núi bạc mầu
vạn đời miền mật
giống sông đã hiến thân vào sa mạc
nuôi chín hạnh tử
cho bình nguyên rạn vỡ
thắng tư trở về
tâm tư dốc ngược
bất giác muốn ôm những bàn tay
đã cho nhau triu mến



VŨ TIẾN LẬP



Tỉnh thức

Lặng nhìn nắng đuổi sương tan
Đàn chim lành hót, miên man không ngừng
Xuân đi hạ đến nửa chừng
Gió quên sao động mây ngừng quên trôi!
Mắt, còn ý niệm vầy thôi
Có, không vô tận đàn thôi, quên lời
Vơi đầy xuôi ngược cuộc chơi
Thiền trà một ngụm bên đời có nhau.

Florida, nắng sớm Mar 11th 2011

TƯỜNG VÂN



2. Cause and Effect in same life cycle: The cause that is created in this lifetime will have an effect in this lifetime. For example, wheat cultivation requires only about six months to yield wheat grains.

3. Cause and Effect in two consecutive lives: The effect in this life is brought about by the cause from previous life. The cause in this life will effect the next life. This means that there is a waiting period for the effect to take place. For example, if one make meaningful contribution in this life, one will be successful in one's next life.

4. Cause and Effect resulted within many lives to come: The cause that is created in one of the past lives is taking the effect in this life. The cause that is created in this life will take effect in many of the subsequent (not preferring to the next life time but to those after) lives to come. For example, to be free from the cycle of reincarnation it takes many life times of practicing Buddhism.

VI. Several examples of the Law of Cause and Effect:

1. Cause and effect in nature : A forest is the result (effect) from many trees (cause).

2. Cause and effect within oneself: A physically fit body (effect) is the result of formed tissues (cause).

3. Cause and effect within one's mind: The personality, the thoughts are influenced by the Law of Cause and Effect. Evil actions eventually lead to immoral thinking. Having high morals will make a person well mannered. The knowledge will expand due to studying diligently.

VII. The applications of the Law of Cause and Effect:

1. The Law of Cause and Effect helps us understand the truth: Once we understood what the Law of Cause and Effect is all about, we are then capable of understanding the characteristics of all matters correctly, not absurdly.

2. Reject the idea that "God creates everything": Based on the Law of Cause and Effect, Buddhism denies the idea that God created the uni-

verse, and is opposed to the idea of punishment and reward from God. A Buddhist understanding The Law of Cause and Effect should not be superstitious and should not depend on the authority of others.

3. A person who understands the Law of Cause and Effect believes and trust in himself: Knowing that a person's life depends upon his own actions and decisions, he is his own king in making decisions that affect his own life in the present time.

4. A person who understands the Law of Cause and Effect will not be pessimistic and reproached: Knowing the effect is germinated from the cause that we created, a person with an understanding of the Law of Cause and Effect should not be discouraged and blamed himself or others for the adversity. Instead he should improve his behavior in order to attain good results.

5. A person who understands the Law of Cause and Effect should create good effects and think of the results before committing actions: We know that how we are today is the result from past actions. Therefore, to have good results, we need to have perseverance in committing actions that benefit not only ourselves but also other beings. These actions need to be in compliance with Buddha's teachings.

VIII. Conclusion:

The Law of Cause and Effect is a natural theory. Based on it, we understand the following: Anything one received, either good or bad in the present life, is the results from the past lives. One is in control of oneself. No one has any rights to interfere with the results that one receives. The Law of Cause and Effect helps one to have faith in whatever one does. Practicing the Law of Cause and Effect in one's daily life will help one to eliminate pessimistic and misfortunes in one's life. The Law of Cause and Effect in Buddhism provides courage, endurance, and understanding about the true characteristic of existence which opens up the road to enlightenment for all beings.

Xin được hiến cúng... "BÀI VĂN PHÓNG SANH"

Cư sĩ Liên Hoa

LTS: Được tin Cư Sĩ Liên Hoa bệnh nặng, xin trích đăng bài này để hồi hướng công đức, nguyện cầu Cư sĩ tât bệnh tiêu trừ, thân tâm an lạc để tiếp tục góp phần hoằng dương Chánh Pháp.

Bộ sưu tập những hình ảnh từ bên ngoài đã được dồn chứa trong tâm thức, biến thành những nội kết, đưa dẫn muôn loài biến thiên qua muôn hình vạn trạng trên bước đường sanh tử.

Những tác động của nghiệp lực như chuỗi dài mắc xích nhân duyên, nhân quả tạo nên những khổ đau hay hạnh phúc do những hành động đã tạo ra trong quá khứ hay hiện tại.

Cao quý thay khi được có thân người và bất hạnh thay khi bị lẫn chuyển, lên xuống hay đoạ đày vào trong các thân như súc sanh, ngựa quỉ hoặc rơi vào ngục tối.

Mang, lông, đội sừng... là nỗi bất hạnh lớn lao của loại súc sanh do kết quả đã làm, gây nghiệp.

Đạo Phật qua giáo Pháp lưu truyền lại, dùng "phương tiện thiện xảo" do từ tâm, muốn con người nhận chân được tánh Phật của mình, để từ đó giải quyết những nghiệp lực do vì "tội từ tâm khởi, và cũng do tâm diệt tội", nên chuyển hóa tâm, tạo điều lành để chuẩn bị cho tiến trình trở về nẻo giác.

Trong lịch sử của đạo Phật, đã có rất nhiều vị Du già sư, Thiền sư hoặc những vị chuyên tu Tịnh độ, nhưng nhờ năng lực của tâm chuyên cần, nhờ lòng từ bi, đã chú nguyện cho các loài đang khổ nạn được giải thoát, cũng như tạo nên những tín tâm, đi sâu vào giáo lý nhân quả nghiệp báo sai biệt cho những người Phật tử hiện diện, đang chí tâm hồi hướng.

*một niệm vừa chợt khởi
vạn pháp đã thành hình
bàn tay không nắm bắt
ngàn mắt đã sáng soi*

*ai là người lãng tử
mở tâm lượng thông dong
đôi mắt xanh rạng rỡ
trái rộng muôn lòng từ...*

Nhận thấy rằng, do vì tín ngưỡng, vì cầu phước báo, tiêu tai, trừ nạn... nhiều người đã vì đó mà mở lòng phóng sanh trong những dịp lễ lớn của đạo Phật, như một sự biểu lộ tâm từ, chỉ có một số ít nhận thức đúng ý nghĩa cũng như nhân quả hỗ tương trong sự phóng sanh giữa người và vật, giữa khổ đau và chia sẻ.

Sự quy y, giải thoát cho loài súc sanh là điều rất quý, cần thiết để tác động đến nghiệp lực vốn đang mang nặng, để mở tâm thức và chuyển hóa do lòng từ bi, năng lực chú nguyện, hồi hướng đến. Nhưng bên cạnh đó, sự khuyến tấn, lý giải nhân quả nghiệp báo cần được hiểu thấu đáo, do hiện trạng trước mắt của loài súc sanh, và cũng để tạo thành duyên thù thắng cho người phát tâm hiểu rõ vì sao có những hình trạng sai biệt khi chịu quả báo và do đâu mà thành hình.

Do đó, để tạo thành sự thể nhập trong tâm, nuôi dưỡng những chất liệu

từ bi, tránh gây điều ác, tạo các nghiệp lành để đem lại hạnh phúc an lạc cho chính mình và ảnh hưởng đến loài đang được chú nguyện, được quy y Phật Pháp Tăng và được cởi bỏ, tháo gỡ, giải thoát hầu được tái sanh vào những cõi lành, hoặc được làm những người thiện.

Cho nên, sự hiểu rõ giáo Pháp và cần chuyển hoá tâm thức của người phát tâm bố thí phóng sanh cũng vẫn rất quan trọng và cần thiết, song song với với các loài vật đang nhận phước báo do được chú nguyện, gia trì... trong buổi lễ bố thí này.

Vì nghĩ đến vấn đề như nêu trên, chúng con mạo muội biên soạn lại lời Văn Phóng Sanh này, nếu như bài Văn Phóng Sanh này được dùng đọc trong các dịp Phóng sanh, vừa chia sẻ cho người phát tâm cùng các loài khổ nạn... thì đó là điều mong ước của người biên soạn. Nếu có gì sơ sót trong lời văn, kính xin Quý Tôn Đức vui lòng chỉ giáo để sửa lại cho đúng ý nghĩa, còn như có chút phước báo nào đó, dù là nhỏ nhoi... cũng xin hồi hướng đến tất cả muôn loài hữu hoặc vô tình cùng chung lợi lạc.

Kính mong lòng thay!

BÀI VĂN PHÓNG SANH

*Chúng sanh nay có bấy nhiêu
lặng tai nghe lấy những lời dạy răn
các người trước, lòng trần tục lắm
nên đời nay chìm đắm sông mê
tối tăm chẳng biết làm lành
gây bao tội ác, lạc vào trầm luân
do vì đời trước ác tâm
nên nay chịu quả khổ đau vô cùng
mang, lông, mai, vẩy, đội sừng
da trơn, nhám, láng, các loài súc sanh
do vì ghen ghét, tham sân
do vì lợi dưỡng hại người làm vui
do vì gây oán chuốc thù
do vì hại vật, hại sanh hòa lòng
do vì chia cách, giam cầm
do vì đâm thọc, chịu bao khổ hình
cầu xin Phật lực từ bi
lại nhờ Tăng chúng mở lòng xót thương
nay nhờ Phật tử hộ trì
kết duyên Tam bảo, thoát vòng khổ đau
hoặc sanh lên các cõi trời
hoặc liền thức tỉnh, về nơi cõi lành
hoặc sanh lên được làm người
biết phân thiện ác, tránh điều lầm
mê....*

*Chúng sanh quy y Phật
Chúng sanh Quy y Pháp
Chúng sanh Quy y Tăng...*

Kính tâm thành đàn lễ.



TIÊU NI VỚI VÕ CÔNG PHI THƯỜNG CỦA KATMANDU

Trăng Linh Thứu dịch

Thủ phủ Kathmandu, Nepal - Một thiếu nữ trẻ hiền hòa mang vẻ hơi rụt rè e thẹn đang từ khu vườn nhỏ giữa tu viện tiến bước lên sân thượng trang nghiêm xi-măng bên trên hội trường.

Một khi trên sân thượng, khoác lên người bộ quần áo vải nâu rộng khổ dài tay, nịt chặt ở thắt lưng, cô gái 12 tuổi này, tên Jigme Wangchuk Lhamo, không còn một tí dáng vẻ ngập ngừng bên lên nào cả. Hòa nhịp cùng với 400 vị nữ tu khác của ni viện Druk Amitabha tập dợt thể thao buổi sáng sớm, cô bé biểu diễn những cú đâm chắc nịch, những cái đá chân ngang đầu, và nhiều động tác võ công hùng mạnh làm cho người thăm viếng tu viện có cảm tưởng như đang xem một đoạn phim đấu võ quyền của phái Thiếu Lâm Tự vậy.

Ni viện bắt đầu sinh hoạt lúc 4 giờ trời còn tờ mờ tối. Sau thời công phu khuya một tiếng đồng hồ tụng đọc kinh sách, tất cả đều ra sân tập võ công. Mỗi ngày như thế đều đặn hai thời tập dợt. Jigme - người làng Nganglam Dechenling ở huyện Pemagatshel (Nước Bhutan) - cho dù còn nhỏ tuổi nhưng đầy nhiệt huyết và nghị lực hùng mạnh nhất của nhóm. Cô bé đến với ni viện chưa đầy một năm, sau khi mãn khóa cấp 5 ở trường tiểu học Lungtenphu tại Thimphu nơi quê nhà. Cho dù học rất giỏi và có triển vọng khá cao trong học vấn, Jigme tha thiết muốn trở thành một nữ tu Phật giáo vì niềm tin sâu dày của cô vào Tam bảo và Phật pháp.

Khi hỏi cô đã thực tập được bao lâu, cô cho biết: "Con về tu viện được 6 tháng." Trong thời gian ngắn ngủi sáu tháng mà Jigme đã làu thông tiếng Nepali, Hindi, Tây-tạng, và Ladhaki, một thổ ngữ thông dụng tại ni viện. Giáo sư dạy võ người Việt nam của cô cũng phải ngạc nhiên công nhận Jigme rất có năng khiếu về võ công, cô đã đạt đến cấp bậc thứ 6 của 16 trình độ cơ bản trong một thời gian rất ngắn.

"Khi tập võ công, con tưởng tượng như mình đang thật sự ở đấu trường." Cô cho biết. Không những biết võ để tự vệ vì ni viện tọa lạc tại một vùng không được an toàn cho lắm, có nhiều xung đột luôn xảy ra chung quanh tu viện, mà võ công còn giúp ích cho người tu tọa thiền hay ngồi thẳng lưng nghe giảng hằng giờ không mệt mỏi, và giúp cho thân thể luôn cường tráng khỏe mạnh, không bị ốm đau yếu nhược. Cô Jigme tâm sự: "Võ công cũng giúp cho con có sức khỏe tốt, có một tâm thái minh mẫn sáng suốt và con có thể tập trung tư tưởng bén nhạy hơn."

Thật vậy phái Thiếu Lâm của Trung Hoa cũng nhờ đó mà nổi tiếng. Ngày xa xưa, những vị tăng trong phái này phải biết võ để đối phó với băng đảng cướp bóc phản loạn trong

vùng, ngoài việc giữ cho sức khỏe tốt mạnh để làm Phật sự.

Sử truyền rằng Ngài Bồ-đề-đạt-ma (Ch. Tamo, Eng. Bodhidharma), một vị tăng sĩ Phật giáo người Ấn độ ở Trung Hoa, khi đến viếng thăm chùa Thiếu Lâm đã chỉ dẫn tăng đoàn tại đây những động tác khí công để giúp bảo trì sức khỏe của họ. Ngài thấy những vị tăng yếu kém bệnh hoạn vì phải ngồi hằng giờ mỗi ngày biên chép viết dịch kinh điển. Ngài nhận xét khi thân thể của họ không được khỏe mạnh, tâm trí và khả năng chịu đựng cũng bị suy giảm theo, nên họ khó có thể hành trì tu tập những động tác thiền quán cơ bản nhất của đạo Phật. Ngài dùng biện pháp khởi động phong trào thực tập những bài thể dục dựa trên phương thức Yoga cổ truyền của Ấn độ. Những động tác này xuất khởi từ sự truyền dạy bằng hình ảnh được tạc vào những hang đá rất lâu đời từ thời thượng cổ Trung Ấn, dựa trên những sinh hoạt chuyển động của 18 loài thú hoang như cọp, beo, rồng, rắn chẳng hạn.

Nhưng Ngài Bồ-đề-đạt-ma không phải là người truyền dạy võ thuật kung-fu. Nghệ thuật võ công này đã có rất lâu đời tại nước Trung hoa, và được thông dụng và tập dợt tại rất nhiều tu viện Phật giáo Đại thừa. Người ta thường nói "Một trí óc lành mạnh trong một thân thể tráng kiện" là vậy! (A sound mind in a healthy body - Mens sana in corpore sano).

Ngài Kramtrul Rinpoche đã từng nói: "Phật cũng dạy chúng ta nếu đau ốm phải siêng năng uống thuốc cho dù thuốc có đắng hay mang mùi tanh của cá, vì không có thân, tu tập sẽ không thành."

Cô Jigme cũng thêm rằng ngành võ công này cũng giúp cho cô và tất cả quý ni trong tu viện có thể phân phối sinh khí năng lượng của mình một cách hiệu quả và tích cực hơn trong mọi hoàn cảnh và môi trường sinh hoạt hằng ngày.

Ngài Gyalwang Drukpa Rinpoche thứ 12, sáng lập viên và cũng là cố vấn tinh thần cho ni viện Druk Amitabha thuộc dòng truyền Drukpa của Tây tạng, đã giới thiệu việc luyện tập khí công và võ thuật 2 năm về trước sau khi Ngài thăm viếng và chứng kiến ni chúng tập võ công tại những tu viện ở Việt nam. Ngài nhận xét võ công giúp cho quý ni có bản lĩnh hơn, tự tin hơn, và nhất là tập trung hơn trong việc hành trì của họ. Ngoài ra, từ khi có sự tập luyện võ công mỗi ngày tại ni viện, ni chúng có vẻ khỏe mạnh ít đau ốm hơn.

Khi được hỏi về sự mâu thuẫn của việc tập võ công (gồm nhiều động tác thiên về mạnh bạo đánh đấm) này với nguyên lý bất bạo động trong Phật giáo, Ngài Rinpoche trả lời là tùy vào động cơ và mục đích của việc làm đó. "Nếu anh hung hăng hùng hổ nhưng với động cơ thiện, anh là một Bồ tát

cầu kinh." Trong khi đó Tỳ kheo ni Jetsunma Tenzin Palmo, một vị Ni gốc Anh thọ giới hơn 30 năm sống tại tu viện, phát biểu rằng khi mà tự mình biết cách tự vệ, mình có thể triệt hạ đối phương dễ dàng hơn nhưng không nhất thiết làm gây nhiều thiệt hại cho họ. "Tại vì mình sẽ biết được phải dùng phần nào của cơ thể để chống đỡ lại mà không gây thiệt mạng cho đối phương." Bà nói thêm: "Ngoài mục đích dạy cách tập trung tư tưởng, giữ cho thân thể khỏe mạnh, và trau dồi trí năng, võ công còn giúp cho hành giả tự tin và yên lòng hơn vì đã biết cách để tự vệ phòng và bảo vệ chính mình." Và bà cười thích thú: "Thanh niên ngoài đường cũng còn tránh né khi biết là chúng tôi có học võ."

Còn cô bé Jigme Wangchuk Lhamo thì chỉ mong là một ngày nào đó cô sẽ là người giới thiệu võ lâm cổ điển cô học được đến với người dân nước Bhutan của cô. "Hy vọng mai này con sẽ trở thành bậc thầy võ thuật đầu tiên người Bhutan, nếu như con không kham nổi việc khắc phục kinh điển Phật giáo."

Trăng Linh Thứu (The Buddhist Translation Group)

The kung-fu nun of Kathmandu

by Tenzin Namgyel

Kathmandu, Nepal -- She appears sheepish and timid as she makes her way up to the concrete roof of the giant four-storied assembly hall from the courtyard.



Druk Amitabha Nunnery - A Sound Mind In A Sound Body: Striking a pose on the roof top

Once on the roof, 12-year old Jigme Wangchuk Lhamo is anything but gentle and compassionate.

Changing into loose maroon cotton pants and a long sleeved shirt, belted

around the waist, Jigme throws quick jabs and punches and kicks higher than an average person. She is among 400 other nuns of the Druk Amitabha nunnery in Kathmandu, Nepal, who reminds visitors of a scene from a Shaolin kung-fu flick.

Everyday, the nuns wake up at 4 am and begin reciting and memorising Buddhist texts for about an hour, following which they engage in an hour-long practice of the martial art. The devote another hour towards the evening.

Jigme from Nganglam Dechenling in Pemagatshel is the most energetic and enthusiastic of the group.

She enrolled in the nunnery last year, after completing class five from Lungtenphu primary school in Thimphu.

Although she was among the top ten position holders in her class at Thimphu, Jigme said her faith in dharma and interest to become a nun caused her to discontinue studies.

"It's my sixth month running here at the nunnery," she said. Within that short span of time, Jigme can fluently speak Nepali, Hindi, Tibetan and Ladhaki languages, which are widely spoken at the nunnery.

Her Vietnamese master said that, although kung-fu was new to her, Jigme was able to attain the sixth of the 16 basic levels of the art.

"When I practise, I visualise I'm in a real combat," Jigme said.

Besides learning to defend themselves from a handful of troublemakers in the vicinity of the monastery, kung-fu, Jigme said, made one capable of sitting straight-backed for many hours during meditations, ceremonies and teachings.

"It keeps me physically fit, mentally sound and helps me focus better," she said.

The idea and the story resonates with those of the Shaolin monks in China, who learnt the martial art to defend themselves from passing bandits, besides the real concept of introducing it for health reasons by an Indian Buddhist priest named Bodhidharma (Tamo in Chinese), who visited a Shaolin temple.

Tamo, who joined the Chinese monks, observed that they were not in good physical condition. They spent hours each day hunched over tables where they transcribed handwritten texts.

The Shaolin monks lacked physical and mental stamina needed to perform even the most basic of Buddhist meditation practices. Tamo countered this weakness by teaching them moving exercises, modified from Indian yoga, which were based on the movements of the 18 main animals in Indo-Chinese iconography like tiger, leopard, snake and dragon, to name but a few.

He did not, however, introduce kung-fu, which existed in China much before his arrival. The ancient martial art is popular even in big Mahayana Buddhist monasteries. They believe that sound mind comes from sound body.

"Even Buddha Shakyamuni had said that, if you are sick, take medicine, even if a medicine is fish. Otherwise without body, practice is impossible," His Eminence Khamtrul rinpoche said.

BỒ TÁT ĐANG SỐNG GIỮA CHÚNG TA

Quang Huệ Thiện

Ngày kia, có một tu sĩ tìm gặp một vị cao tăng trưởng lão đã đắc đạo. Với tất cả ưu tư phiền muộn, vị tu sĩ trình bày về tình trạng bi đát của tinh xá nơi ngài trú ngụ. Trước kia, tinh xá này đã từng là một trong những trung tâm Phật Giáo đáng quý, thu hút không biết bao nhiêu khách hành hương, tu sĩ, cũng như cư sĩ Phật tử xa gần. Nay, tinh xá gần như trở thành một chốn trống vắng, lạnh tanh, và buồn thảm. Làn sóng những người trẻ mộ đạo tìm đến tinh xá hầu như tắt lịm. Chánh điện vắng kẻ ra vào. Tinh xá chỉ còn lại một số nhỏ chư vị tu sĩ sống trong uế oải, buông thả, chán chường, và thiếu đoàn kết.

Vị tu sĩ thỉnh ý nơi ngài Trưởng Lão, "Đâu là nguyên nhân đã đưa đến tình trạng này?"

Sau khi nghe vị tu sĩ kể về tình trạng nơi tinh xá, Trưởng Lão mới ôn tồn nói, "cái tội đã và đang xảy ra trong tăng đoàn nơi đây cư trú là tội 'Vô Ý'." Trưởng Lão giải thích như sau, "Trong nhóm tu sĩ nơi tinh xá của thầy trú ngụ, có một vị là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm đấy. Do sự bất kính của tăng đoàn đối với Bồ Tát, nên chư vị đang phải chịu cái quả 'bất hòa' nên tăng đoàn tan rã như thế này. Chư vị đã quá vô ý để không nhận ra được Ngài."

Nhận được lời giải thích của vị Trưởng Lão, vị tu sĩ kia mới hồi hả trở về tinh xá, trong lòng ngài không khỏi phân vân tự đặt câu hỏi, "Ai trong nhóm tu sĩ tại tinh xá là Bồ Tát Quán Thế Âm vậy?" Cả tu viện chỉ còn lại tất cả không đầy mười người. Bồ Tát không thể là chính thầy, vì

ngài tự biết mình vẫn còn là một phàm phu với đầy sự phân biệt, chấp trước, và vọng tưởng; ngài tự biết mình vẫn còn ngập lặn trong dòng sông tham, sân, si. Nhưng ngài cũng thấy rằng các đại đức khác trong tinh xá không một ai có toàn vẹn đức tánh của một vị Bồ Tát cả! Thế nhưng, vị tu sĩ ấy vẫn tin lời của vị Trưởng Lão. Ngài về lại đạo tràng và giốc lòng tìm cho ra vị Bồ Tát kia.

Với niềm tin dũng mạnh ấy, thầy nhóm chúng trong tăng đoàn lại và loan báo cho mọi người biết rằng có Bồ Tát Quán Thế Âm đang hóa thân dưới hình thức tu sĩ và hiện đang ở trong tăng đoàn chúng ta. Đôi mắt của mỗi vị tu sĩ mở to ra và ai cũng bắt đầu dò xét từng tu sĩ khác. Vì Bồ Tát Quán Thế Âm đã hóa thân mang hình tướng con người; cho nên, không ai có thể nhận ra Ngài được. Vì không thể đích thật nhận ra ai là Bồ Tát, nên mỗi tu sĩ trong tinh xá đều có thể là Ngài. Phẩm Phổ Môn của Kinh Pháp Hoa cũng đã từng đưa ra điểm này: *Khi chúng sanh cần được độ dưới hình tướng nào thì Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ mang hình tướng tương đồng ấy đến mà độ chúng sanh.* Do sự không biết rõ ai là vị Bồ Tát đang sống giữa chúng ta; nên từ ngày đó, ai ai cũng đối xử với nhau rất cung kính như đối xử với chính Bồ Tát vậy. Không mấy chốc, bầu không khí "Lục Hòa" trên kính dưới nhường đã trở lại với tinh xá. Sự trang nghiêm, thanh tịnh, bình đẳng ấy không mấy chốc được đồn thổi đi khắp mọi nơi. Chư vị tu sĩ khác cùng hàng cư sĩ Phật tử xa gần, từ trẻ đến già, đều trở lại tinh xá hoảnh và hộ

pháp, xiển dương Chánh Đạo. Tinh xá ấy đã trở thành một tinh xá có nhiều cao tăng đắc đạo và nhiều Phật tử vãng sanh nhất trong thời đại đó.

LỜI KẾT:

Khi chúng ta cùng tu tập trong một đạo tràng, người người, ai ai cũng nên nhìn nhau và đối xử nhau trong tinh thần "Lục Hòa", với lòng cung kính như ta đối xử với chính các vị Bồ Tát thì sự hận thù, đố kỵ, ganh tỵ sẽ không bao giờ còn có thể tồn tại. Sự vắng mặt của Bồ Tát trong mỗi chúng ta, hay nói đúng hơn sự Vô Ý thức đã làm cho chúng ta không nhận ra được vị Bồ Tát trong cuộc sống của chính mình; và đó chính là một đầu mối của bất hòa, bất bình, bất thiện, và bất an trong xã hội.

Chối bỏ vị Bồ Tát bên ngoài đồng nghĩa với chối bỏ vị Bồ Tát trong ta. Sự băng hoại trong xã hội Cộng Sản Việt Nam được xây dựng trên chủ thuyết "Vô Thần" là một bằng chứng hùng hồn về hậu quả của sự chối bỏ vị Phật và Bồ Tát trong họ. Một khi ta chối bỏ các Đấng Giác Ngộ đã vì chúng ta mà thị hiện nơi đây để phổ độ chúng ta thì chính ta đã chối bỏ cái tánh linh của mình. Ngay trong một niệm ấy, chúng ta đã không còn ứng xử với nhau bằng từ tâm và không sống trong chánh kiến. Vì thế, chính chúng ta đã chà đạp lên nhau, hủy diệt người anh em của ta để vươn lên mà sống trong sự ích kỷ, tham lam, sân hận và si mê.

Các bạn ơi! Được thân người rất khó và quý. Đừng để mất thân này rồi thì ôm hận trong hằng hà sa số A-tăng-kỳ kiếp. Phật và Bồ Tát đã đồng hóa với chúng ta và thị hiện nơi đây trong hình tướng con người dạy dỗ chúng ta Phá Mê, Khai Ngộ. Tại sao chúng ta lại còn quá si mê đến thế! Cửa Tam Đò đang mở rộng. Nếu đã tự tìm vào thì đâu là Phật cũng không thọ ký ngày ra. Xin chớ quên cho! Trong thời mạt pháp này, chúng ta

khó thấy được chư Phật và Bồ Tát xuất hiện. Đó là cái bất hạnh của nhân loại nói chung và của chính chúng ta nói riêng. Vì sao ra nông nổi này! Đơn giản là vì chúng ta đã chiêu cảm quá nhiều tội ác mà không biết ăn năn, hối lỗi để tội nghiệp ngày càng chồng chất lên cao. Con đường giải nghiệp đã do chư Phật và Bồ Tát chỉ rõ rành rành đây, nhưng mấy ai trong ta chịu nghe, chịu suy tư, và chịu làm, Hãy nhìn chung quanh ta và suy nghiệm cho kỹ. Những nạn thiên tai do các cơn bão, động đất, sóng thần, lũ lụt do đâu mà có? Phải chăng đó là Trời phạt? Hay đó là sự chiêu cảm do tội lỗi của chính chúng sanh gây nên? Nếu không có nạn phá rừng, phá bầu khí quyển thì đâu nông nổi thế.

Nhưng chúng ta vẫn còn hy vọng, vì quay đầu là bờ. Điều quan trọng là chúng ta vẫn còn có thể chuyển thời Mạt Pháp này thành thời Chánh Pháp hưng thịnh khi chúng ta thực tập nhận ra rằng chính ta, chính anh, chính chị, chính em, chính các bạn đồng tu, và luôn cả kẻ thù ta: mỗi từng người là mỗi vị Bồ Tát, là mỗi vị Phật. Khi đó, chính ta đang thực hành Bồ Tát Hạnh, ta đang nhập vào Bồ Tát Đạo, đang học làm Phật và đang giúp nhau lấp cửa Tam Đò.

Thánh thiện hay tội lỗi, giàu sang hay nghèo hèn, bạn hữu hay thù địch; mỗi con người đều là hình ảnh của một vị Bồ Tát, dù đó Thuận-Duyên Thiện-Thi-Thức hoặc là Nghịch-Hạnh Thiện-Thi-Thức. Chỉ có xuyên qua lòng Từ, Bi, Hỷ, Xả, chúng ta mới có thể nhìn thấy chư vị Phật và Bồ Tát để rồi một ngày nào chúng ta sẽ VỀ với các Ngài, sẽ LÀM các Ngài, và sẽ LÀM các Ngài. Nhưng than ôi! Ngày đó còn quá xa khi chúng ta vẫn còn mãi sống chìm đắm trong bể khổ tham, sân, si.

(Quang Huệ Thiện *cẩn ghi* - 21/03/11)

Jigme said the art taught the nuns to channel their energy and be positive about everything they attempted to do in their daily lives.

The founder of the nunnery, H.H the 12th Gyalwang Drukpa rinpoche, the spiritual head of the drukpa lineage introduced kung-fu class two years ago after watching nuns practising kung-fu in Vietnam.

He was told that it helped the nuns concentrate better and made them self-reliant.

Rinpoche said that was true because, ever since kung-fu was introduced in the nunnery, nuns rarely fell ill, which was a frequent occurrence otherwise.

On the contradiction of Buddhist principles of non-violence against learning martial arts, rinpoche explained that it all depended on motivation.

"If you are aggressive out of good motivation, you are an angry bodhisattva," he said. Jetsunma Tenzin

Palmo, an English lady, who became a nun more than 30 years ago, said if one knows how to defend oneself, one can stop an opponent without necessarily doing tremendous amount of damage.

"You'll know which part of a body to disarm without hurting," she said.

Apart from training the mind, keeping fit and improving concentration, kung-fu, she added, gave them a sense of confidence to protect themselves.

"When young men in our locality know the nuns practise kung-fu, they keep away," Jetsunma Tenzin Palmo said.

Meanwhile, Jigme Wangchuk Lhamo hopes to, one day, introduce the ancient martial art in Bhutan. "My dream is to become the first Bhutanese kung-fu master, even if I can't master Buddhist scripts," she said.

Ta còn cho

*Ta còn cho ai? những tháng ngày lặn đặng
Những ân tình giờ lặn khuất nơi xa
Ta còn cho ai? Những điệp khúc tình ca
Những uyển mộng, ngu ngơ thời trai trẻ
Ta còn cho ai? Khi đêm về quạnh quẽ
Những giấc mơ dài thời son trẻ cuu mang!
Ta còn cho ai? Những lặn đặng ưu phiền,
Những nghiệt ngã, đốn đau, đời cô quạnh.
Ta còn cho ai? Kiếp nhân sinh dọ dẫm
vấp ngã hoài vẫn gượng đứng mà đi
Ta còn cho đời! Thắp hạnh phúc sáng ngời
Từng nhịp bước hướng về chân trời mới!
Ta còn cho đời! Một trái tim nhân bản
Mở rộng lòng đón ánh sáng từ bi
Ta còn cho đời! Một nhịp rung thời đại
Đóa vô tư, kinh vang vọng ngàn xa
Ta còn cho đời! mang mật niệm vô thường
Môi niệm niệm cùng A Di Đà Phật!*

MAI PHƯỚC LỘC

F



TIỂU SỬ VÀ CÔNG HẠNH CỔ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ CHƠN (1933-2011)

Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Chơn, thế danh Trương Xuân Bình, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1933 (Quý Dậu) tại Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam, là con thứ sáu trong một gia đình mười hai anh chị em.

Thân sinh của Cổ Trưởng Lão Hoà Thượng là cụ Trương Xuân Quảng, mất năm 1945, nguyên quán làng Kim Thành, quận Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, làm quan dưới thời Pháp thuộc, được bổ nhậm chức Kiểm Học (tương đương với Trưởng Ty Nha Học Chánh dưới thời các chính phủ quốc gia sau này) tỉnh Bình Thuận năm 1933 - 1939, và Đốc Học tỉnh Quảng Ngãi năm 1940 - 1945.

Nhờ túc duyên với Phật Pháp, nên đến năm 1950, Cổ Trưởng Lão Hoà Thượng đến Chùa Linh Mục, thành phố Huế (Thừa Thiên), xin xuất gia làm đệ tử Cổ Đại Lão Hoà Thượng Thích Đôn Hậu, Đệ tam Tăng Thống Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất, và được Hòa Thượng Bốn Sư cho pháp danh là Tâm Chánh, pháp hiệu là Trí Chơn.

Sau mấy năm hầu Thầy, học đạo và trao đổi giới hạnh đến năm 1956, Ngài được Bốn Sư cho thọ giới Sa Di tại Chùa Linh Mục.

Sau khi tốt nghiệp Cử Nhân, Ngài được mời làm Hiệu Trưởng trường Trung Học Bồ Đề tại thị xã Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng), cao nguyên Trung Phần, từ năm 1958 tới 1959.

Từ năm 1961 đến năm 1965, Ngài làm giáo sư môn văn chương và Phật Pháp tại các trường Trung Học Bồ Đề tại Huế, giảng sư Tỉnh Hội Phật giáo Thừa Thiên miền Vạn Hạnh (Trung Việt) và biên tập viên các tạp chí Phật giáo như Nguyệt san Liên Hoa ấn hành tại Huế, và Từ Quang tại Sài Gòn.

Nhận thấy có đủ nhân duyên để thọ nhận đại giới và được Hòa Thượng Bốn Sư khả chứng, năm 1965 Ngài thọ Cụ Túc giới (Tỳ Kheo) tại Đại giới Đàn Vạn Hạnh, chùa Từ Hiếu, (Huế).

Từ năm 1965 đến 1966, Ngài được Ban Đại Diện Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Miền Vạn Hạnh đề cử qua nghiên cứu Phật giáo tại Thái Lan. Từ năm 1966 đến năm 1977, Ngài sang du học tại Ấn Độ gần 12 năm, và đã tốt nghiệp các văn bằng sau đây:

- Văn bằng Palyacharya (Giáo thọ Pali), tương đương Cử Nhân Cổ ngữ Pali tại Đại học Sanskrit Vishvavidyalaya ở Darbhanga, (tiểu bang Bihar), năm 1968.

- Cử nhân đặc biệt Anh ngữ tại Đại Học Magadha (Ma Kiệt Đà) ở Bodh Gaya (tiểu bang Bihar), năm 1969.

- Thạc Sĩ chuyên về các môn Kinh, Luật, Luận, văn Học Sử Pali và Khảo cổ Phật giáo tại Đại Học Nalanda (Bihar), năm 1971.

- Tiến sĩ (Ph. D) Triết Học Phật

giáo tại Đại Học Magadha (Bihar), năm 1976.

Năm 1977, Ngài được Cổ Hoà Thượng Thích Thiên Ân bảo lãnh sang Hoa Kỳ hoằng pháp, làm giảng sư Giáo Hội Liên Hữu (Tổng Hội Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ), Chùa Việt Nam (Los Angeles) và chủ bút Nguyệt san Long Hoa.

Một năm sau khi đến Hoa Kỳ, Ngài bắt đầu công tác kiến lập cơ sở để hoằng pháp. Vì vậy, năm 1978 Ngài khai sơn Chùa Vạn Hạnh tại San Diego, California, và làm Lãnh Đạo Tinh Thần cho Hội Phật Giáo Việt Nam tại đây đến năm 1984.

Trong thời gian đó Ngài vẫn đảm nhận các Phật sự của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ. Cụ thể là từ năm 1982 đến năm 1984, Ngài được suy cử vào chức vụ Phó Hội Chủ kiêm Ủy Viên Tổng Vụ Tăng Sư, Tổng Hội Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Năm 1983, Ngài được cung thỉnh làm Đệ tứ Tôn chứng trong Đại giới Đàn Thiên Hoà tổ chức tại Phật Viện Quốc Tế, North Hills (California).

Tháng 9 năm 1992, trong Đại Hội Thành Lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ được tổ chức tại thành phố San Jose, California, Hoa Kỳ, Ngài được cung thỉnh vào Thành Viên Hội Đồng Giám Phẩm GHPGVNTNHN/HK, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa, và sau đó là Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Hội Đồng Điều Hành của GHPGVNTNHN/HK.

Khi công cuộc vận động cho tự do tôn giáo và phục hoạt GHPGVNTN trong nước được GHPGVNTNHN/HK khởi xướng, Ngài được mời giữ chức vụ Cố Vấn Ủy Ban Bảo Vệ Phật giáo và Nhân Quyền Việt Nam tại Hoa Kỳ vào năm 1992.

Cùng trong năm 1992, Ngài được GHPGVNTNHN/HK tấn phong lên phẩm vị Hòa Thượng vào sáng Chủ Nhật ngày 06/12/1992 tại Phật Viện Quốc Tế, North Hills trong phiên họp đầu tiên của năm Hội Đồng thuộc GHPGVNTNHN/HK.

Khi Hội Đồng Lưỡng Viện GHPGVNTN phục hoạt lại sinh hoạt qua Đại Hội Bất Thường tại Tu Viện Nguyên Thiều vào cuối tháng 9 và đầu tháng 10 năm 2003, Ngài đã được suy cử vào Thành Viên Trưởng Lão Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương Viện Tăng Thống, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Tháng 9 năm 2008, trong Đại Hội Thành Lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Ngài được cung thỉnh vào Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm và được suy tôn lên ngôi vị Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành cho đến ngày viên tịch.

Ngoài ra, Ngài còn giữ chức vụ Lãnh Đạo Tinh thần, chứng Minh Đạo Sư cho khoảng gần 30 Hội Phật giáo và hơn 20 ngôi chùa, Niệm Phật Đường mà phần lớn do Hòa Thượng sáng lập ở khắp 15 tiểu bang tại Hoa Kỳ.

Ngài cũng đã khai sơn và trú trì Chùa Linh Mục Hải Ngoại.

Dù công việc Phật sự đa đoan, Ngài vẫn không quên góp phần xứng đáng vào công tác văn hóa, văn học qua việc thành lập và công tác bài vở với nhiều tạp chí Phật Giáo cũng như bên ngoài ở khắp các châu lục trên thế giới. Trong đó có các tạp chí như:

- Đặc san "Hoá Đạo", Chùa Tam Bảo, Montreal (Canada);

- Đặc san "Chánh giác", Chùa Hoa Nghiêm, Toronto (Canada);

- Đặc san "Phật Học", Phật Học Viện Quốc Tế, North Hills (California), ấn hành vào những năm 1985 - 1988;

- Chủ bút tập san "Phật giáo Thống Nhất", Phật Học Viện Quốc Tế ấn hành năm 1988 - 1992;

- Tạp chí "Phật giáo Hải Ngoại", cơ quan ngôn luận chính thức của GHPGVNTNHN - HK. Văn Phòng II Viện Hoá Đạo, phát hành năm 1994 - 2000;

- Tạp chí "Đất Lành", phát hành tại San Diego (California);

- Tập san "Phật Việt", Chùa Phật Đà, San Diego;

- Tạp chí "Hoa Sen", Chùa Việt Nam, Garden Grove (CA);

- Tạp chí "Nguồn Đạo", Chùa Giác Hoàng, Washington D.C.;

- Đặc san "Chùa Hải Đức", Jacksonville (Florida);

- Nguyệt san "Phật Học", Louisville (Kentucky);

- Đặc san "Từ Ân", Chùa Từ Ân, Louisville (KY);

- Đặc san "Gia Đình Phật Tử Thiện Tài", Chùa An Lạc, High Point (North Carolina);

- Tạp chí "Viên Giác", Chùa Viên Giác, Hannover (Đức quốc);

- Đặc san "Pháp Bảo", Chùa Pháp Bảo, Sydney (Úc Đại Lợi);

- Bản tin "Khánh Anh", Chùa Khánh Anh, Bagneux (Pháp quốc);

- Tạp chí "Phương Trời Cao Rộng", Midway City (CA);

- Nguyệt báo "Chánh Pháp", Santa Ana (CA);

- Nguyệt san "Người Đẹp Magazine", Elmhurst, New York;

- Tạp chí "Hồn Việt", Midway City (CA);

- Nhật Báo Việt Báo, Westminster, CA.

Cổ Trưởng Lão Hoà Thượng Thích Trí Chơn còn là người tinh tấn từng ngày từng giờ trong việc sáng tác và dịch thuật kinh sách Phật Giáo. Trong các chuyến hoằng pháp ở nhiều tiểu bang, Ngài tranh thủ thời gian trên máy bay, trên xe buýt để sáng tác và dịch thuật. Những sáng tác

phẩm và dịch phẩm của Ngài đã được ấn hành gồm có:

- 1 - Phật giáo Vấn Đáp (The Buddhist Catechism), nguyên tác của Henry Steel Olcott, in song ngữ Anh - Việt, Phật Học Viện Quốc Tế (Hoa Kỳ), xuất bản năm 1987, tái bản năm 1990 và Nhà Xuất bản Phương Đông in lại phát hành vào tháng 10 năm 2006 tại Sài Gòn (Việt Nam).

- 2 - Phật giáo Hoà Bình Thế giới và Chiến Tranh Nguyên Tử (Buddhism, World Peace and Nuclear War), nguyên tác của Ven. Sangharakshita, Tổng Vụ Văn Hoá (GHPGVNTN - HK) xuất bản năm 1990.

- 3 - Con Đường Dẫn Đến Chân Hạnh Phúc (The Blueprint of Happiness), nguyên tác của Ven. Anoma Mahinda, Anh - Việt, Tổng Vụ Văn Hoá phát hành năm 1991.

- 4 - Một Vài Kiến Thức Về Phật giáo (Some Knowledge About Buddhism), nguyên tác của Dr. C.T. Shen và "Trách Nhiệm Thuộc về Bạn" (You are Responsible), nguyên tác của Ven. Dr. K. Dhammananda, Anh - Việt, Tổng Vụ Văn Hoá, ấn hành năm 1991.

- 5 - Phật giáo Yếu Lược (Buddhism in a Nutshell), nguyên tác của Ven. Narada Thera, Anh - Việt, Vụ Văn Hoá (GHPGVNTNHN - HK) xuất bản năm 1992.

- 6 - Những Mẩu Chuyện Tiền Thân Đức Phật (The Stories of Buddha's Former Births), nguyên tác của nữ ký giả Ấn Độ, Anjali Pal, Anh - Việt, Vụ Văn Hoá, ấn hành năm 1993.

- 7 - Cuộc Đời Đức Phật (The Story of Buddha), nguyên tác của Jonathan Landaw, Anh - Việt, Vụ Văn Hoá xuất bản năm 1994. Nhà xuất bản Tôn Giáo tái bản ấn hành tại Sài Gòn năm 2006

- 8 - Những Đóng Góp To Lớn Của Các Học Giả Anh Quốc Cho Nền Phật Giáo Âu Mỹ, Chùa Phổ Môn, Sioux City (Iowa), ấn hành năm 1996.

- 9 - Lòng Thương Yêu Sự Sống (The Love of Life), nguyên tác của G. B. Talovich, Anh - Việt:

- Tập 1: Chùa Lục Hoà, Dorchester (Massachusetts), ấn hành năm 2001.

- Tập 2: Chùa Tây Phương, Gainesville (Georgia), xuất bản năm 2002.

- Tập 3: Chùa Tịnh Tâm, Nashville (Tennessee), phát hành năm 2005.

Nhà Xuất Bản Phương Đông xin tái bản in chung thành một cuốn (bản tiếng Việt) "Lòng Thương Yêu Sự Sống", ấn hành tại Sài Gòn vào tháng 8 năm 2006.

Vô đề

*Em về chơi nửa nhịp tang
Mồ, chuông, linh, khánh... hòa vang lưng trời
Ôm 'châu' đi giữa cuộc đời
Kinh văn vừa dứt ý, lời còn vang.*

Một sáng mù sương
Mar 11th 2011

HUYỀN VŨ



TIỂU SỬ CỔ GIÁO SƯ NGUYỄN TÁNH PHẠM CÔNG THIỆN (1941 – 2011)

Cổ Thi Sĩ, Triết Gia, Giáo Sư Phạm Công Thiện sinh ngày 01 tháng 6 năm 1941 tại Thành Phố Mỹ Tho, tỉnh Định Tường, Việt Nam.

Cổ Giáo Sư Phạm Công Thiện sinh trong một gia đình có 9 anh chị em, 6 trai và 3 gái. Thân phụ của Cổ Giáo Sư Phạm Công Thiện là cụ ông Phạm Văn Thom, Pháp danh Đức Độ, và thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Rì, Pháp danh Diệu Thanh. Cả hai cụ đều đã tạ thế.

Gia đình Cổ Giáo Sư Phạm Công Thiện sùng mộ theo Thiên Chúa Giáo. Nhưng, sau khi theo đạo Phật ông đã cảm hóa song thân và anh chị em trong gia đình quy y theo Phật. Ông có người em trai cũng xuất gia với Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Thủ với Pháp Danh là Thích Nguyên Văn, hiện sống tại Úc. Các người con của ông đều quy kính Tam Bảo.

Ông là một thiên tài về ngôn ngữ học. Ông thông thạo nhiều thứ tiếng như Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức, Phạn, Latinh, Tây Tạng, v.v...

Năm 16 tuổi ông đã xuất bản cuốn Tự Điển Anh Ngữ Tinh Âm, và dạy Anh ngữ tại nhiều trường ở Đà Lạt và Sài Gòn.

Năm 1963, ông đã ra Phật Học Viện Hải Đức tại Nha Trang xin xuất gia với Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Giám Viện

PHV Hải Đức lúc bấy giờ. Ông được Hòa Thượng Thích Trí Thủ ban cho Pháp danh là Nguyễn Tánh. Cũng trong thời gian này ông chuyên tâm nghiên cứu về Phật Học và viết cuốn sách về Phật Giáo đầu tiên là "Tiểu Luận Về Bồ Đề Đạt Ma," lúc đó ông mới 22 tuổi.

Năm 1966, Hòa Thượng Thích Minh Châu, Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn, mời ông về dạy và giúp phát triển hệ thống giáo dục đại học đầu tiên của Phật Giáo Việt Nam là Viện Đại Học Vạn Hạnh.

Về Vạn Hạnh, ông đảm nhiệm chức vụ Giám Đốc Soạn Thảo Chương Trình Giảng Dạy cho tất cả các Phân Khoa, từ năm 1966 tới năm 1970. Và cũng thời gian này ông đảm nhận chức vụ Khoa Trưởng Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn của Đại Học Vạn Hạnh. Ông cũng là một trong những vị sáng lập và chủ trương Tạp Chí Tư Tưởng của Đại Học Vạn Hạnh, tờ báo đã trở thành biểu tượng tri thức sáng chói một thời của Miền Nam trước năm 1975.

Năm 1970, ông rời Việt Nam và sống tại các nước Israel, Đức rồi Pháp. Thời gian này ông tốt nghiệp Tiến Sĩ Triết Học tại Đại Học Sorbonne ở Pháp. Sau đó làm giảng sư thực thụ về Triết Học Tây Phương tại Đại Học Toulouse ở Pháp. Và cũng trong thời gian này ông lập gia đình.

Năm 1983, Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích

Ngoài ra, nhằm mục đích giúp cho những Phật tử, nhất là lớp người trẻ nam nữ học sinh, sinh viên Việt Nam sinh tại Mỹ đang theo học các trường Trung, Đại Học tại Hoa Kỳ, không rành tiếng Việt, có thể học hỏi Phật Pháp bằng Anh ngữ, Hòa Thượng đã mở trang mạng toàn cầu: www.chualinhmu.com, để phổ biến, cung cấp những tài liệu và sách báo Phật giáo in bằng song ngữ Anh - Việt đến toàn thể độc giả Phật tử Việt Nam ở quốc nội cũng như hải ngoại khắp nơi trên thế giới.

Trong vài tháng đầu năm 2011, khi thân bệnh ngày càng trầm trọng, như biết trước ngày sắp ra đi, Ngài đã ân cần khuyến tấn Tăng, Ni và Phật tử nỗ lực trên con đường tu học để đóng góp cho sự phát triển nền Phật Giáo Việt Nam trong và ngoài nước. Khi được các bác sĩ cho biết thân bệnh đã đến thời kỳ nguy ngập, tánh mạng mong manh, và đề nghị giải phẫu, hoặc nhân hóa trị, Cổ Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Trí Chơn từ chối và dạy rằng không cần nữa, thọ mạng của Ngài sắp tận, đừng tốn phí vô ích, và Ngài yêu cầu đưa về Chùa Bát Nhã tịnh dưỡng. Trước vài phút xả báo thân, Ngài vẫn còn tỉnh giác, sáng suốt, minh mẫn, và tinh tấn lạ thường, nhớ và biết rõ mọi người, mọi chuyện từ nhỏ đến lớn.

Ngài đã an nhiên xả bỏ báo thân vào lúc 06 giờ chiều ngày 14 tháng 3 năm

2011 (nhằm ngày mùng 10 tháng 2 năm Tân Mão) trong tiếng niệm Phật trang nghiêm của chư Tăng, Ni Chùa Bát Nhã và môn đồ pháp quyến.

Vẫn biết thế gian như mộng, sanh tử như không hoa, niết bàn vẫn thường tại, đối với bậc cao tăng như Ngài thì việc khứ lai là tự tại. Nhưng, làm sao Tăng Ni và Phật Giáo đỡ chúng ta có thể tránh được niềm xúc động, buồn ngùi, thương tiếc khi hình ảnh từ bi đức độ và hy sinh của Ngài từ nay vắng bóng trên cõi nhân gian.

Bảy mươi chín năm thị hiện, hơn nửa thế kỷ tận tụy cống hiến đời mình cho sự nghiệp hoằng pháp độ sinh, Cổ Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Trí Chơn quả đã để lại trong tâm khảm của người con Phật Việt Nam chúng ta tấm gương trong sáng của bậc xuất trần thượng sĩ.

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Tam Thế, Linh Mục Hải Ngoại Đường Thượng, Việt Nam Phật Giáo Thống Nhất Giáo Hội Hoa Kỳ, Hội Đồng Điều Hành Chủ Tịch, Húy thượng Tâm hạ Chánh, Hiệu Trí Chơn Trưởng Lão Hòa Thượng Liên Tòa Chứng Giám.

(Văn Phòng Thường Trục Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH và Môn Đồ Pháp Quyển của Cổ Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Trí Chơn soạn, ngày 16 tháng 3 năm 2011 tại Hoa Kỳ)

Mãn Giác, Trụ Trì Chùa Việt Nam, Los Angeles, bảo lãnh ông sang Mỹ. Tại đây ông giảng dạy Phật Học tại Trường Đại Học Đông Phương và nhiều Học Viện Phật Giáo khác tại California, Hoa Kỳ.

Năm 1996, ông được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, thỉnh cử vào chức vụ Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa.

Từ năm 2005 đến nay, ông dời về sống tại thành phố Houston, Texas. Thịnh thoàng ông sang Nam California để nhập thất tại Chùa Viên Thông, thành phố Bellflower.

Những năm sau này ông chuyên giảng dạy, nghiên cứu và viết sách về Phật Học.

Ông tham gia vào sinh hoạt văn học rất sớm. Trước khi rời Việt Nam sang Pháp, tức trước năm 1970, ông đã cộng tác với các báo Tư Tưởng, Bông Lúa, Phổ Thông, Bách Khoa, Văn, Giữ Thơm Quê Mẹ, v.v... tại Sài Gòn.

Tại hải ngoại ông đã cộng tác và có bài đăng trên nhiều báo chí như Người Việt, Việt Báo, Thế Kỳ 21, Văn, Chân Nguyên, Phật Giáo Hải Ngoại, Phật Việt, v.v...

Những tác phẩm của Cổ Giáo Sư Phạm Công Thiện gồm có:

- * *Tiểu Luận về Bồ Đề Đạt Ma, Tổ Sư Thiền tông,*
- * *Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Và Triết Học,*
- * *Ngày Sinh Của Rắn,*
- * *Trời Tháng Tư,*
- * *Im Lặng Hồ Thắm,*
- * *Hồ Thắm Tư Tưởng,*
- * *Mặt Trời Không Bao Giờ Có Thực,*
- * *Bay Đi Những Cơn Mưa Phùn,*
- * *Đi Cho Hết Một Đêm Hoang Vu Trên Mặt Đất,*
- * *Sự Chuyển Động Toàn Diện Của Tâm Thức Trong Tư Tưởng Phật Giáo,*
- * *Triết Lý Việt Nam Về Sự Vượt Biên,*
- * *Khơi Mạch Nguồn Thơ Thi Sĩ Seamus Heaney,*
- * *Nguyễn Du, Đại Thi Hào Dân Tộc,*
- * *Như Vua Rắn Nhìn Ngó Quan Sát Các Đại Tỳ Kheo Và Các Đại Bồ Tát,*
- * *Làm Thế Nào Để Trở Thành Một Bậc Bồ Tát,*
- * *Sáng Rực Khắp Bốn Phương Trời,*
- * *Tinh Tuý Trong Sáng Của Đạo Lý Phật Giáo,*
- * *Trên Tất Cả Đỉnh Cao Là Im Lặng,*

* *Một Đêm Siêu Hình Với Hàn Mặc Tử,*

* *Khai Ngôn Cho Một Câu Hỏi Để Hiểu: Triết Học Là Gì?,*

* *Đối Mặt Với 100 Năm Cô Đơn Của Nietzsche.*

Ông cũng đã dịch một số tác phẩm như:

* *Phương Tiện Thiện Xảo,*

* *Jiddu Krishnamurti, Tự Do Đầu Tiên Và Cuối Cùng,*

* *Martin Heidegger, Về Thế Tính Của Chân Lý,*

* *Martin Heidegger, Triết Lý Là Gì?,*

* *Friedrich Nietzsche, Tôi Là Ai? Đây Là Người Mà Chúng Ta Mong Đợi!,*

* *Nikos Kazantzakis, Rèn Luyện Tâm Thuật Huyền Linh, v.v...*

Theo lời kể của gia đình Cổ Giáo Sư Phạm Công Thiện, rằng ông biết trước giờ ra đi, nên đã dặn dò mọi việc, trong đó có việc tổ chức tang lễ. Trước khi mất khoảng 5 phút, ông đã hỏi người nhà có điều gì không hiểu về Phật Pháp thì cho biết để ông giải đáp, rồi ông trì chú, bắt ấn và an nhiên tự tại xả bỏ báo thân vào lúc 6 giờ 31 phút chiều ngày 08 tháng 3 năm 2011 tại tư gia ở thành phố Houston, tiểu bang Texas, Hoa Kỳ.

Cổ Giáo Sư Nguyễn Tánh Phạm Công Thiện lúc sinh tiền đã đóng góp công đức xứng đáng trong lãnh vực văn chương, văn hóa, và giáo dục cho đất nước và Phật Giáo Việt Nam trong cũng như ngoài hải ngoại. Chính vì vậy, sự ra đi của Cổ Giáo Sư Phạm Công Thiện không những là nỗi đau buồn khôn tả của gia quyến và văn thi hữu, mà còn là một mất mát to lớn đối với dân tộc Việt Nam nói chung và Phật Giáo Việt Nam nói riêng.

Trong giờ phút trang nghiêm của lễ tưởng niệm và cầu siêu hôm nay, xin chư vị nhất tâm để cầu nguyện cho Giác Linh Cổ Giáo Sư Nguyễn Tánh Phạm Công Thiện được nương nhờ Phật lực vãng sinh về Cực Lạc Quốc.

(Văn Phòng Thường Trục Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ soạn thảo qua sự tham khảo một số chi tiết tiểu sử từ gia đình Cổ Giáo Sư Phạm Công Thiện tại Houston, Texas)



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Điều Âm lược dịch

SCOTLAND: Nhà cổ kính Tây Tạng tại Viện Bảo tàng Quốc gia Scotland

Sau khi được nâng cấp với chi phí 46,4 triệu bảng, Viện Bảo tàng Quốc gia Scotland chuẩn bị mở cửa lại. Viện sẽ có cuộc triển lãm lớn đầu tiên vào ngày 29-07 năm nay.

Nhà cổ kính Tây Tạng là một trong số 6.400 hiện vật mới hoặc chưa từng được xem trước đây. Nhà cổ kính bằng gỗ này được đặt làm đặc biệt, trang trí bằng các khuôn nhựa cây, màu và sơn mài màu nhũ vàng.

Nhà được tạo tác bởi các thợ thủ công Phật giáo Tây Tạng của Tu viện Phật giáo Kagyu Samye Ling tại Eskdalemuir (ở khu Dumfries và Galloway của Scotland). Tu viện này là trung tâm Phật giáo Tây Tạng lâu đời nhất và lớn nhất châu Âu. Đại sư Akong, người đồng sáng lập Tu viện Samye Ling đã được xin ý kiến về các hiện vật triển lãm Tây Tạng.

Cối kinh đóng một vai trò quan trọng trong Phật giáo Tây Tạng. Người hành hương vừa đi vừa quay những cối kinh nhỏ, và loại lớn hơn thì được tôn trí tại các đền thờ. Ở giữa mỗi cối kinh có in lời kinh; theo tín ngưỡng Phật giáo Tây Tạng, lời kinh sẽ được chuyển vào không khí và truyền đi lòng từ bi khi quay cối kinh.

(Buddhist Channel - March 1, 2011)



Nhà cổ kính Tây Tạng được đặt làm đặc biệt tại viện Bảo tàng Quốc gia của Scotland - Photo: Steve Cox

AFGHANISTAN: Có thể tái tạo tượng Phật khổng lồ Bamiyan

Ngày 28-02-2011, các nhà khoa học Đức nói rằng có thể tái tạo một trong 2 tượng Phật khổng lồ 1.500 năm tuổi, vốn bị Taliban phá hủy 10 năm trước tại miền trung Afghanistan.

Giáo sư Erwin Emmerling của trường Đại học Kỹ thuật Munich (Đức) nói rằng các nhà nghiên cứu đã nghiên cứu hàng trăm mảnh vỡ của các tượng Đại Phật bằng đá sa thạch đỏ tại tỉnh Bamiyan trước kia, và phát hiện rằng thời xưa chúng được sơn màu đỏ, trắng và xanh.

Ông Emmerling là giáo sư khoa phục chế và bảo tồn, đã tham quan di sản thế giới này của UNESCO khoảng 15 lần kể từ năm 2007. Ông

nói rằng việc nghiên cứu cho thấy pho tượng nhỏ hơn (cao khoảng 38m) của 2 tượng có thể được tái tạo bằng những phần đã được thu hồi, mặc dù có những trở ngại về chính trị và thực tế phải vượt qua.

(Urban Dharma - March 1, 2011)



Đồ họa qua nghiên cứu cho thấy màu sắc của 2 tượng Đại Phật Bamiyan xưa kia - Photo: Kate Melville, Scienceagogo.com

ẤN ĐỘ: Tượng Phật cổ tại Câu Thi Na (Kushinagar) ở trong tình trạng bảo dưỡng kém

Câu Thi Na, Ấn Độ - Chư tăng và khách hành hương tại Câu Thi Na, bang Uttar Pradesh, đã than phiền về việc kém bảo dưỡng pho tượng Đức Phật Thành đạo nổi tiếng, vốn được khai quật bởi Công ty Đông Ấn của Anh vào giữa thế kỷ 19.

Tượng hiện nay có một số vết nứt, lớp sơn đã bị tróc, và nhiều phần khác đã bị hư hỏng.

Giới hữu trách của ngôi đền lo ngại rằng pho tượng bằng đá sa thạch đỏ 1.500 năm tuổi này có thể sụp đổ bất cứ lúc nào.

Một số khách tham quan nước ngoài đã than phiền về sự quản lý kém trong việc ngăn chặn du khách sờ và xâm phạm các hiện vật bên trong Đền Niết Bàn.

Du khách người Canada là Geoffrey nói, "Phật tử từ nhiều nước sẽ rất khó chịu khi nhìn những vết nứt nơi pho tượng và tình trạng của bảo tháp".

Câu Thi Na tương truyền là nơi Đức Phật thành đạo.

(ANI - March 3, 2011)

MÃ LAI: Trụ sở mới của Hội Phật giáo Mã Lai

Hơn 500 tín đồ Phật giáo gần đây đã đến xem tòa nhà mới của Hội Phật giáo Mã Lai tại Taman Impian Emas, Johor Baru.

Đại diện của các nhóm Phật giáo khác nhau đã tham dự buổi khai trương thân mật này.

Khách mời được xem múa lân và âm nhạc do dàn nhạc Hoa Nam trình diễn, sau đó mọi người dùng bữa ăn chay.

Được hoàn thành sau 5 năm, tòa

nhà mới sẽ thay thế trụ sở cũ tại Jalan Abdulla Taib.

Tony Tee Lian, trưởng phòng phúc lợi và cúng dường của Hội, nói rằng tòa nhà 2 tầng này sẽ chính thức mở cửa vào tháng 11, và dự kiến khoảng 30 tầng sĩ từ các bang sẽ tham dự lễ khánh thành.

"Tòa nhà mới này là kết quả của việc cúng dường rộng rãi từ các tín đồ," ông Tee nói. "Phần lớn các quỹ được thu trong Ngày Phật Đản".



(New Strait Times - March 4, 2011) Phật tử tự phục vụ tại bữa ăn chay nhân ngày khai trương trụ sở mới của Hội Phật giáo Mã Lai -Photo: Shenton Thomas De Silva

NHẬT BẢN: Giải thưởng Hòa bình Niwano được trao cho nhà lãnh đạo Phật giáo Thái Lan

Tokyo, Nhật Bản - Trụ sở Quỹ Hòa bình Niwano tại Tokyo đã công bố sẽ trao Giải Hòa bình 2011 cho ông Sulak Sivaraksa, một nhà lãnh đạo Phật giáo Thái Lan.

Lễ trao giải sẽ diễn ra vào ngày 19-05 tại Tokyo. Ngoài giấy chứng nhận giải thưởng, ông Sulak sẽ nhận huy chương và 20 triệu yen (242.743 usd). Quỹ Hòa bình Niwano nói rằng ông Sulak là "một nhà lãnh đạo Phật giáo nổi bật và đa dạng, có hoạt động vì hòa bình được minh chứng bằng sự can đảm, quyết tâm, trí tưởng tượng và nguồn cảm hứng bất tận về những nguyên tắc cốt lõi của tín ngưỡng Phật giáo của ông".

Theo Quỹ Hòa bình Niwano, ông Sulak đã trải qua một đời phục vụ cống hiến và sự tận tụy không mệt mỏi, đem lại nét mới cho giáo lý Phật giáo cổ về bất bạo động và về hòa bình và công lý. Cuộc vận động cho môi trường của ông là một lý do quan trọng khác để tôn vinh ông.

Giải Hòa bình Niwano được trao hàng năm cho một người còn sống hoặc một tổ chức đang có đóng góp quan trọng cho hòa bình thế giới qua việc thúc đẩy sự hợp tác liên tôn giáo.

Giải được đặt theo tên của Nikkyo Niwano, nhà sáng lập và là chủ tịch đầu tiên của Rissho Kosei-kai, một tổ chức Phật giáo thế tục quốc tế có trụ sở tại Tokyo, vốn xem hòa bình là mục tiêu của Phật giáo.

(The Christian Century - March 5, 2011)



Ông Sulak Sivaraksa, học giả, nhà hoạt động cho môi trường và hòa bình, sáng lập tổ chức International Network of Engaged Buddhists - Photo: norfolk-church

NEPAL: Trung tâm Thế giới vì Hòa bình và Đoàn kết Lâm Tì Ni sẽ khánh thành vào tháng 4-2011

Lâm Tì Ni, Nepal - Lễ khánh thành Lumbini Udyama Mahachaitya - Trung tâm Thế giới vì Hòa bình và Đoàn kết sẽ diễn ra vào ngày 04-4-2011.

Đây là tổ hợp đền thờ và thiền đường mới nhất và lớn nhất được xây tại Lâm Tì Ni, Di sản Thế giới UNESCO.

Công trình rộng 48.600 feet vuông này cũng là đền thờ Phật giáo hiện đại đầu tiên được xây dựng như một "tu viện sinh thái", có thiết kế cách âm cách nhiệt đặc biệt, và có các tấm nhật năng điện tích lớn dùng để tạo điện cho toàn thể công trình.

Đây sẽ là tòa nhà thân thiện với sinh thái nhất trong khu tu viện ở Lâm Tì Ni.

Tổ hợp công trình này còn có một hệ thống chống động đất giúp tòa nhà chống các rung động mạnh 7,7 độ Richter.

(PR Newswire - March 9, 2011)



Bản vẽ mặt tiền và mặt bằng của tu viện sinh thái - Trung tâm Thế giới vì Hòa bình và Đoàn kết Lâm Tì Ni - Nguồn hình: LumbiniWorld.org & United Trungram Buddhist Fellowship

ẤN ĐỘ - Du lịch vùng đất Phật với tàu Tốc hành Mahaparivran (Đại Bát Niết bàn)

Ngành du lịch ở Ấn Độ được đẩy mạnh nhờ ngân sách mới của ngành Đường sắt Ấn Độ: Tổng công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Ấn Độ và Du lịch Hỏa xa Ấn Độ đã đưa nhiều tàu hỏa đến các vùng miền khác nhau của đất nước.

Điều này đang thu hút mọi người từ khắp thế giới, cũng như việc đi lại bằng xe lửa tạo cho việc du lịch được dễ dàng đối với du khách.

Bây giờ việc đến đất Phật dễ dàng hơn nhờ có tàu Tốc hành Mahaparivran, một tàu hỏa duy nhất có bữa ăn trưa đặc biệt dành cho Du lịch Phật giáo. Tàu đang sử dụng các toa có đầy đủ tiện nghi sang trọng như bất cứ các tàu hạng sang khác tại Ấn Độ.

Hành trình 7 đêm/ 8 ngày của tàu Tốc hành Mahaparivran với tour du lịch tâm linh sẽ đưa khách tới những địa điểm liên quan đến Phật giáo, có nguồn gốc cách đây trên 2.500 năm.

(Online PR News - March 9, 2011)

ẤN ĐỘ: Đức Đạt Lai Lạt Ma tuyên bố rời khỏi vai trò lãnh đạo chính trị

Dharamsala, Ấn Độ - Ngày 10-3-2011, Đức Đạt Lai Lạt Ma thông báo rằng ngài chuẩn bị thôi giữ vai trò lãnh đạo chính trị của chính phủ Tây Tạng lưu vong.

"Từ thập niên 1960, tôi đã nhiều lần nhấn mạnh rằng người Tây Tạng cần một nhà lãnh đạo được bầu cử tự do bởi nhân dân Tây Tạng, để tôi có thể trao quyền", Đức Đạt Lai Lạt Ma nói trong một bài phát biểu được soạn. "Bây giờ, rõ ràng chúng ta đã đến thời điểm thực hiện điều này."

Đức Đạt Lai Lạt Ma từ lâu đã tự xem mình là "bán-từ-chức" vai trò lãnh đạo chính trị, với việc một thủ tướng đã được bầu lên tại thành phố Dharamsala ở nam Ấn Độ. Phần ngài thì vẫn giữ vai trò nhà lãnh đạo tinh thần của Tây Tạng.

(Reuters - March 10, 2011)



Đức Đạt Lai Lạt Ma - Photo: AFP

ẤN ĐỘ: Chư tăng cầu nguyện cho nạn nhân sóng thần tại Nhật Bản

Ngày 09-3-2011, chư tăng khắp bang Uttar Pradesh đã tổ chức cầu nguyện cho nạn nhân của trận động đất kèm sóng thần tại đông bắc Nhật Bản.

Các tăng sĩ tại thành phố Gorakhpur của bang này cũng cầu nguyện cho những người sống sót. Trưởng ban tăng sĩ là Gyaneswar nói, "Chúng tôi rất đau buồn khi nghe tin về trận động đất và sóng thần tại Nhật Bản. Chúng tôi đang cầu nguyện hàng

ngày cho sự bình yên và ổn định của người dân ở đó. Chúng tôi cầu nguyện rằng mọi người được sống an lành và nỗi đau của những người sống sót được vơi đi".

Đây là trận động đất mạnh thứ năm trên thế giới trong một trăm năm qua, làm ít nhất trên 1.000 người thiệt mạng.

(ANI - March 12, 2011)

NHẬT BẢN: Giải thưởng Phật giáo Nhật Bản trao tặng Tiến sĩ người Tích Lan

Tiến sĩ A.T. Ariyaratne đã được Hội Phật giáo Nhật Bản chọn để nhận Giải thưởng Văn hóa lần thứ 45 về Phát huy Phật giáo trên thế giới. Tiến sĩ Ariyaratne là người Tích Lan thứ nhì được nhận giải thưởng uy tín này.

Với cuộc đấu tranh liên tục và kiên định trong hơn 50 năm qua Phong trào Sarvodaya, Tiến sĩ Ariyaratne đã chứng minh cụ thể với thế giới qua hành động, các cuộc diễn thuyết và bài viết rằng giáo lý Phật giáo có thể được ứng dụng hiệu quả trong thời hiện đại.

Ông đã cho thấy lời Phật dạy có thể được dùng để xây dựng các hệ thống dân bản, bất bạo động, xã hội, kinh tế và chính trị trên toàn thế giới.

Lễ trao giải sẽ được tổ chức tại Tokyo vào ngày 17-03-2011. Tiến sĩ Ariyaratne đã thông báo rằng cùng với sự đóng góp của thân nhân và bạn bè, toàn bộ giải thưởng bằng tiền mặt của ông sẽ được dùng để xây dựng một nhà nghỉ cho khách hành hương và một bảo tháp tại Tịnh xá Purana Palliyagodella - tọa lạc bên cạnh Trụ sở của Sarvodaya ở thành phố Moratuwa (Tích Lan).

(Sunday Observer - March 13, 2011)



Tiến sĩ A.T. Ariyaratne

PAKISTAN: Phái đoàn của Hội Các Nền Văn Minh Châu Á viếng di tích Phật giáo Takht Bhai

Mardan, Pakistan - Một phái đoàn của Hội Các Nền Văn minh Châu Á đã tham quan các di tích tôn giáo và lịch sử Phật giáo tại Takht Bhai và Trung tâm Nghiên cứu Gandhara của trường Đại học Abdul Wali Khan ở Mardan vào ngày 21-3-2011.

Phái đoàn gồm 2 tăng sĩ và 7 học giả Phật giáo đến từ Thái Lan. Họ được chào đón nồng nhiệt bởi Phó Viện trưởng danh dự là Giáo sư Ihsan Ali và các viên chức khác của trường đại học.

Phái đoàn cùng các viên chức của trường đã thăm quan các di tích lịch sử và tôn giáo của Phật giáo tại Takht Bhai, nơi nổi tiếng với tên gọi Takht Bhai Kandarata.

Các nhà sư và đồng sự của họ đã cầu nguyện tại Takht Bhai Kandarata và

sau đó viếng những khu vực khác nhau của di tích lịch sử Phật giáo này.

(Buddhist Channel - March 23, 2011)



Di tích lịch sử Phật giáo Takht Bhai (Pakistan) - Photo: google.com

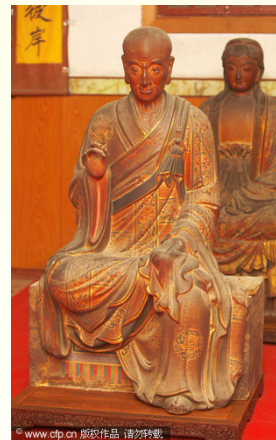
TRUNG QUỐC: Lau sạch bụi các tượng La hán tại chùa Bạch Mã

Ngày 23-3-2011, lần đầu tiên trong 30 năm, 18 tượng La hán tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương (tỉnh Hà Nam, Trung Quốc) được lau sạch bụi. Các tượng Thập bát La hán này là bảo vật quốc gia, có niên đại từ thời nhà Nguyên (1271 - 1368 sau Công nguyên). Theo Phật giáo, La hán là người đã đạt được niết bàn qua tu tập tinh thần.

(China Daily - March 24, 2011) Photos: CFP



Các nhà sư đạt một tượng La hán về lại vị trí sau khi lau bụi



Một tượng La hán tôn trí tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương, Hà Nam (Trung Quốc)



Các nhà sư và tín đồ nhìn các tượng La hán vừa được lau bụi tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương

HÀN QUỐC: Khánh thành trường Phật giáo Hàn quốc

Seoul, Hàn quốc - Trường Phật giáo Giáo phái Tào Khê (Jogye) về Nghiên cứu Quốc tế, trường đầu tiên thuộc loại này ở Hàn quốc, đã khánh thành vào ngày 25-3-2011 tại chùa Hwaunsa ở tỉnh Gyeonggi.

Trường đào tạo 2 năm đặc biệt này nhằm mục đích truyền bá Phật giáo truyền thống Hàn quốc đến với thế giới bằng việc bồi dưỡng các kỹ năng song ngữ cho các tu sĩ chuyên ngành. Đây là điều cần thiết khi thuyết giảng giáo lý Phật giáo Hàn quốc cho người ngoại quốc.

Nhà trường tổ chức một loạt các khóa học, từ giáo lý và thực hành Phật giáo căn bản đến tiếng Anh kỹ thuật.

Có 9 tỉ kheo ni theo học tại ngôi trường mới mở này. Họ khác nhau về tuổi tác và kinh nghiệm, nhưng có cùng một mục đích là giải thoát mọi người trên toàn cầu khỏi đau khổ bằng việc giác ngộ họ thông qua Phật giáo Hàn quốc.

(Airang - March 25, 2011)

ẤN ĐỘ: Di tích Phật giáo tại thị trấn Midnapore ở bang Tây Bengal

Các nhà khảo cổ học từ trường Đại học Calcutta đã khai quật các di tích tại Moghalmari ở vùng tây Midnapore, cho thấy sự hiện diện mạnh mẽ của Phật giáo tại bang Tây Bengal từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 12.

Trong các cuộc khai quật tại làng Moghalmari của khu Dantan, cách Kolkata 180 km, đội khảo cổ đã phát hiện các chi tiết cấu trúc của một tu viện, một đầu người bằng vữa (có thể là của Đức Phật) và một dấu khắc. Chữ Phạn trên dấu khắc có niên đại từ thế kỷ thứ 7 đến thứ 8, đã được xác định là bài Dharmaparyay, một bài đạo ca giới thiệu sơ lược những lời dạy của Đức Phật về triết học.

Các nhà khảo cổ, do khoa trường Khảo cổ học của trường Đại học Calcutta là Asok Datta dẫn đầu, cũng tìm được những bằng tạc lễ bằng đất nung có minh họa hình ảnh chư Phật.

(Indiaexpress.com - March 28)

NEPAL: Hội thảo về Thực hành Phật giáo và Đổi mới Đa nguyên

Kathmandu, Nepal - 50 đại biểu gồm chư tăng, các học giả và các nhà nghiên cứu từ Nepal, Ấn Độ, Thái Lan, Nam Hàn, Miến Điện, Nhật Bản, Tích Lan và Bhutan đã tham dự cuộc hội thảo 3 ngày (bắt đầu từ 27-3-2011) tại Kathmandu. Hội thảo có chủ đề "Thực hành Phật giáo và Đổi mới Đa nguyên".

Tổng thống Nepal Ram Baran Yadav phát biểu vào ngày khai mạc rằng lời Phật dạy rất thích ứng trong thế giới ngày nay. Ông đề xuất rằng đất nước ông cần hướng về các giáo lý này để đạt được hòa bình bền vững và hiện pháp dân chủ.

Ông nói Nepal có thể học được nhiều điều tốt đẹp từ những lời dạy của Đức Phật Tổ.

Các diễn giả tại hội thảo công nhận rằng thông điệp của tình thương yêu, thiện chí, hòa bình và bất bạo động do Đức Phật thuyết giảng vẫn thích ứng cho nền hòa bình tại Nepal và trên thế giới.

(PTI - March 27, 2011)



CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Châu

Chủ biên: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- *Bài vở:* baivochanhphap@gmail.com
- *Quảng cáo/Phát hành:* (714) 638-0989
- *Chi phiếu ủng hộ,* xin ghi "CHANH PHÁP" và gửi về địa chỉ:

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Tel.: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình sẽ trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Số **24**
4.2011

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT CHIÊM BÁI PHẬT NGỌC HÒA BÌNH THẾ GIỚI TẠI CHÙA TRÚC LÂM, CHICAGO - HOA KỲ

Từ 20/04 /2011 đến 30/04/2011



ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC:
 1521 W. Wilson Ave.
 Chicago, IL 60640
 Tel. 773-506-0749

Thứ Tư: Ngày 20/04 /2011

10:00 AM Lễ An Vị Bảo Tượng Phật Ngọc tại Lễ Đài
 11:00 AM Tiếp Tục Trang Hoàn Lễ Đài Phật Ngọc

Thứ Năm: Ngày 23/04 /2011

01:00 PM Hát Mừng Đạo Hữu Phật Tử về Chiêm Bái Phật Ngọc
 06:00 PM Lễ Khai Mạc Cung Nghinh Phật Ngọc
 08:00 PM Văn Nghệ Kính Mừng Phật Ngọc

Chủ Nhật: Ngày 24/04/2011

06:00 AM Công Phu Khuya, Nhiều Phật Lễ Bái Phật Ngọc
 07:00 AM Điểm Tâm
 08:00 AM Chiêm Ngưỡng Xá Lợi Chư Bồ Tát Thánh Tăng
 10:00 AM Thuyết Pháp
 11:00 AM Lễ Hủy Nhật Cố Đại Lão H.T. Thích Trí Thủ
 12:00 NN Lễ Cúng Đường Trai Tăng
 02:00 PM Chiêm Ngưỡng Xá Lợi Chư Bồ Tát Thánh Tăng
 03:00 PM Thuyết Pháp
 04:30 PM Giới Đàn Bồ Tát Tại Gia, Thập Thiện, Tam Quy Ngũ Giới

06:00 PM Được Thực
 07:00 PM Lễ Hội Hoa Đăng Cầu Nguyên Hòa Bình Thế Giới
 08:00 PM Văn Nghệ Cúng Đường Phật Ngọc

Thứ Hai: Ngày 25/04 đến Thứ Năm Ngày 28/04/2011

06:00 AM Công Phu Khuya, Nhiều Phật Lễ Bái Phật Ngọc
 07:00 AM Điểm Tâm
 08:00 AM Tụng Kinh Pháp Hoa - Lễ Bái Hồng Danh Phật Bồ Tát
 09:00 AM Thuyết Pháp (Nếu có thính chúng từ 20 vị trở lên)
 11:00 AM Cúng Ngọ Lễ Bái Phật Ngọc
 12:00 NN Ngộ Trai
 02:00 PM Tụng Kinh Pháp Hoa - Lễ Bái Hồng Danh Phật Bồ Tát
 03:30 PM Công Phu Chiều - Thí Thực
 06:00 PM Được Thực
 08:00 PM Ngồi Thiền, Nhiều Phật, Lễ Bái Phật Ngọc
 08:30 PM Thuyết Pháp

Thứ Sáu: Ngày 29/04/2011

06:00 AM đến 02:00 PM Chương trình giống như ngày Thứ Hai ở trên
 04:00 PM Chạy Đàn Trì Chú Phổ Am Cầu Siêu Bạt Độ Hương Linh
 07:00 PM Văn Nghệ Văn Hóa Dân Tộc Cúng Đường Phật Ngọc

Thứ Bảy: Ngày 30/04/2011

06:00 AM đến 02:00 PM: Chương trình giống như ngày Thứ Hai ở trên
 03:00 PM Thuyết Pháp
 04:30 PM Công Phu Chiều - Thí Thực
 06:00 PM Được Thực
 06:30 PM Văn Nghệ Cúng Đường
 09:30 PM Lễ Bế Mạc Tiễn Đưa Phật Ngọc

Địa chỉ tòa soạn:

CHÁNH PHÁP
 803 S. Sullivan Street
 Santa Ana, CA 92704
 Tel.: (714) 571-0473

TO: _____

Báo Chánh Pháp số 24, tháng 4 năm 2011, do Chùa Phật Đà và Tu viện Pháp Vương (CA) ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.